

Số 220

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O



Chuyện kê ngỗng
Tr. 44

Chân Không
Diệu Hữu...
Tr. 27

Hồ Tây -
những cái "nhốt"!
Tr. 46



ĐƠN VỊ TỔ CHỨC



HOA SEN GROUP

Công an
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH



Mái ấm gia đình Việt

Xuân

2015
Ất Mùi



THƯƠNG HIỆU ĐỒNG HÀNH



TÔN HOA SEN
Mái ấm gia đình Việt

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Chương trình được truyền hình trực tiếp trên kênh **HTV7**

Thời gian: Lúc: 19g00 - 20g30

Ngày 18 tháng 02 năm 2015 (nhằm ngày 30/12/2014 Ất)

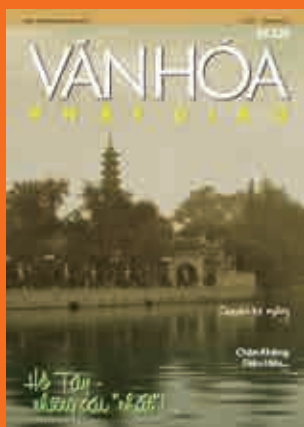
Địa điểm: Trung tâm ca nhạc Lan Anh.

291 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

• www.facebook.com/maiamgiadinhviet

ĐƠN VỊ HỖ TRỢ





Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỆN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MẦN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trị sự
NGUYỄN BÔNG

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Trần Thị Hải Đông, DD: 0907 164 066

Quảng cáo
Pháp Tuệ, DD: 0913 8100 82

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
toasoanvhp@gmail.com

Tên tài khoản:
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo - Ban Văn hóa
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VP Bank, Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Trích Dẫn văn khai mạc... (Thích Minh Hiền)	4
Sự đóng góp của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo đối với nền văn hóa dân tộc (Thích Trung Hậu)	6
Vì xã hội phồn vinh hay vì xã hội văn minh? (Nguyễn Cẩn)	9
Tục thờ cúng tổ tiên của người Việt trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á (Nguyễn Trọng Nghĩa)	13
Cảm thức mùa xuân trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du (Phạm Tuấn Vũ)	16
Tản mạn về kinh Đại thừa (Vũ Thế Ngọc)	20
Thừa hưởng nguồn nước công đức (Nguyễn Lộc)	24
Chân Không Diệu Hữu trong kinh Hoa Nghiêm (Nguyễn Thế Đăng)	27
Kinh Pháp Cú và Hiến chương UNESCO (Hoang Phong)	30
Sống cũng có nghĩa đang chết (Nguyễn Hữu Đức)	34
Sử liệu về Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng (Thích Đồng Dưỡng)	36
Nói tiếp về từ ghép (Hồ Anh Thái)	39
Tiếng dương cầm trong căn nhà đổ (Lê Hải Đăng)	40
Giới thiệu sách Lời cảm ơn cuộc sống (Văn Hóa Phật Giáo)	42
Phật giáo và Thần thông (Văn Hóa Phật Giáo)	43
Chuyện kẻ ngồng (Cao Huy Hóa)	44
Hồ Tây - những cái "nhất"! (Đặng Việt Thủy)	46
Thơ (Sông Hương, Phan Văn Thịnh, Trần Ngọc Mỹ, Trịnh Ngọc Thành, Kim Hoa, Nguyễn Từ, Thiên Nhất Phương, Tương Giang, Thích Trung Viện)	48
Vì em là em của chị (Lê Hứa Huyền Trân)	50
Thấp thoáng hồn quê (Lê Đức Đồng)	53
Thầy và trò (Nguyễn Đông Nhật)	54
Lời cảm ơn cuộc sống	56

Bìa 1: Thấp thoáng Hồ Tây. Ảnh: Quảng Tâm.

Thư tòa soạn

LỜI CẢM TẠ

Lễ kỷ niệm 10 năm hoạt động (2005-2015) của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo tổ chức vào lúc từ 9g30 đến 11g30 ngày 31-1-2015 tại trụ sở Học viện Phật giáo Việt Nam - TP.HCM đã được thực hiện viên mãn.

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo chân thành cảm tạ:

- Hòa thượng Thích Thiện Nhơn, Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.
- Hòa thượng Thích Giác Toàn, Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN.
- Thượng tọa Thích Thiện Thống, Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng Thường trực T.Ư GHPGVN phía Nam.
- Hòa thượng Thích Huệ Trí, Trưởng ban Pháp chế T.Ư GHPGVN.
- Chư Tôn đức giáo phẩm đại diện Giáo hội Phật giáo Việt Nam.
- Chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức, Ni trưởng, Ni sư, Sư cô.
- Ông Chí Đạt Nguyễn Hữu Nhơn, Chánh Hội trưởng Nam Thành Thánh Thất.
- Chư vị Ân nhân, Giáo sư, Học giả, Cộng tác viên, Thân hữu.
- Chư vị đại diện Tập đoàn Hoa Sen, Công ty Giày Việt Nam, Nhà in Trần Phú, Công ty In Sài Gòn Giải Phóng, Công ty Phát hành Mỹ Phúc, Bưu điện Trung tâm Sài Gòn, Công ty Du lịch Văn hóa Suối Tiên, Công ty Lữ hành Zen Flower Travel, Công ty Sản xuất Thương mại Hoa Tiên, Hệ thống Nhà hàng Chay Chuông Vàng, Nhà hàng Chay Việt An, Công ty Khắc đá Mỹ Hào, Công ty Khắc đá Mỹ thuật Phật giáo Sơn Hà và Báo Giác Ngộ...

Đã hoan hỷ đến tham dự, gửi quà, gửi hoa, phát biểu... làm cho buổi lễ được long trọng, đầy đạo tình thân mật và ấm cúng.

Đây là sự khích lệ lớn lao cho tạp chí, giúp chúng tôi nỗ lực vượt khó khăn, quyết tâm phục vụ độc giả ngày một tốt hơn, xứng đáng với sự tín nhiệm của Giáo hội và của chư vị độc giả, ân nhân, thân hữu.

Văn Hóa Phật Giáo



**Này các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo hãy chánh niệm, tỉnh
giác. Đây là lời giáo giới của Ta cho các ông.**

(*Kinh Tương Ưng Bộ*)

- Chương Tương ưng Niệm xứ)

Ảnh: Diệu Tâm



Ảnh: Mai Nam

Trích Diễn văn khai mạc

Lễ kỷ niệm mười năm Văn Hóa Phật Giáo phát hành số đầu tiên

THÍCH MINH HIỀN

...

Chúng tôi vô cùng hân hoan được đón tiếp chư tôn đức Tăng Ni và quý liệt vị nhân buổi lễ vô cùng ý nghĩa đối với Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo: Kỷ niệm mười năm hoạt động của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo (1.2.2005 – 1.2.2015). Chúng tôi rất cảm kích trước sự hiện diện quý báu của quý vị, đại diện cho chư tôn đức lãnh đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam, quý vị ân nhân, cộng tác viên, độc giả thân hữu tại TP.Hồ Chí Minh. Chúng tôi rất tiếc vì không đủ điều kiện để mời đầy đủ quý vị ở các nơi trong nước và ở nước ngoài mà lâu nay đã là ân nhân, thân hữu, độc giả của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Trong niềm hân hoan, trong khung cảnh có phần trang nghiêm nhưng rất đơn giản và đầy tình cảm thương kính của buổi lễ này, chúng tôi xin gửi đến chư tôn đức và quý liệt vị lòng cảm ơn chân thành, lời chúc mừng nồng nhiệt.

...

Hòa thượng Thích Chơn Thiện, Tổng Biên tập của chúng tôi, vì bận Phật sự ở xa, đã chỉ đạo rằng: “Dù hoàn cảnh hạn hẹp, hãy cố gắng mời cho được chừng bảy tám chục vị khách tới dự, những người gắn bó mật thiết với Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo”. Thế rồi hôm nay quý vị đã bỏ chút thời giờ quý báu niệm tình đến dự buổi lễ đạm bạc nhưng tràn đầy sự trân quý, kính trọng mà chúng tôi xin trao đến quý liệt vị.

...

Tôn chỉ của Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mà chúng tôi vẫn tâm niệm và cố gắng thực hiện là “Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc”. Vì đây là tờ báo của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nên chúng tôi nhắc đến “tư tưởng Phật giáo” với ý nghĩa rằng chấp nhận tư tưởng ấy, không bài bác, chống đối...

giống như người Phật tử chấp nhận tư tưởng của các tôn giáo bạn, chấp nhận nền văn hóa của những cộng đồng dân tộc, tôn giáo đang chung sống, đang đóng góp xây dựng bảo vệ văn hóa, xã hội, đất nước Việt Nam thân yêu. Nói vậy, là chúng tôi muốn nói rằng *Văn Hóa Phật Giáo* là tạp chí của tất cả mọi người! Dĩ nhiên, trong hoàn cảnh hiện nay, đây chỉ là ước mơ, là kỳ vọng, là mang tính lý tưởng..., song đây là động cơ, là mục tiêu, là châm ngôn cho hoạt động của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*.

Hiện nay, xã hội ta đang bị ảnh hưởng bởi những tiêu cực của thời đại mới ở khắp nơi trên thế giới, suy đồi đạo đức, vị kỷ, háms lợi, bạo lực, gian dối, xa xỉ lẫn nghèo đói... Giới truyền thông đang tải khá nhiều trường hợp phạm pháp khiến chúng ta phải lo lắng, đau lòng vì tình trạng suy đồi đạo đức trong xã hội. Nhưng, xét cho cùng, người tốt vẫn nhiều hơn người xấu, thiện tâm vẫn tồn tại trong lòng mỗi người. Chỉ cần chung sức, quan tâm, phát triển cái thiện thì nhất định cái ác sẽ phải lùi xa.

Bằng con đường văn hóa, mang tính thẩm mỹ của văn học, triết học và đạo học, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* mong được chuyển tải những đóa hoa thiện mỹ từ những tinh hoa của tư tưởng Phật giáo, của truyền thống văn hóa dân tộc để đóng góp, gia phụ cho cái thiện, góp phần nhỏ nhoi của mình vào sự nghiệp xây dựng đất nước của nhân dân, của nhà nước.

Có những bài được đăng tải trong tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* để cập những sự việc chưa tốt, tiêu cực, liên hệ đến một số cơ quan, ban ngành, kể cả đến Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chúng tôi nghĩ, đây là quan điểm của người viết; cũng có thể là chúng tôi, tự nhận là thành phần của nhân dân, xem các cơ quan, ban ngành ấy cũng là của mình, tiếng nói ấy là sự tự kiểm điểm, sự đóng góp của một thành viên để cải thiện, toàn thiện các mặt chưa tốt có thể ảnh hưởng nhiều đến xã hội, đất nước. Thế rồi cũng có một số độc giả gọi điện, gửi thư cho chúng tôi, phần thì tỏ ý đồng tình với bài báo, phần thì lo ngại, nghĩ rằng tạp chí sẽ bị phê phán, khiển trách bởi các cơ quan thẩm quyền. Chúng tôi xin khẳng định, tất cả là do thiện chí, do muốn góp công xây dựng xã hội hiền thiện của chúng tôi. Chúng tôi tin chắc sẽ không ai đặt vấn đề gì đối với một thiện chí, một tấm lòng chân thành muốn phát huy sự hiền thiện trong xã hội.

Huống chi, báo chí nước ta đang phát triển mạnh, gồm khoảng 700 tạp chí trên khắp cả nước (đây chỉ nói số tạp chí, chưa nói đến hàng ngàn báo in, báo điện tử, đài phát thanh, truyền hình...). Luật Báo chí của Nhà



nước ta căn cứ Điều 4, Điều 67, Điều 83 của Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ấn định về tự do ngôn luận, Chương I, Điều 2 của Luật Báo chí có ghi: “Nhà nước tạo điều kiện để công dân thực hiện quyền tự do báo chí, quyền tự do ngôn luận trên báo chí để phát huy vai trò của mình”; Chương III, Điều 3 có ghi: “Báo chí phản ánh và hướng dẫn dư luận xã hội, làm diễn đàn thực hiện quyền tự do ngôn luận của nhân dân”. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* luôn luôn hoạt động đúng theo các quy định của pháp luật, của Giáo hội và của quần chúng

Phật tử, nhân dân với lương tâm, trách nhiệm và lý tưởng Phật giáo của mình.

...

Chư tôn đức và quý liệt vị đang hiện diện trong buổi lễ này là những ân nhân của chúng tôi trong ý nghĩa rằng ân nhân là những vị có quan tâm đến Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo*, thường động viên, khích lệ, hoặc mua báo, phát hành báo, phát triển quảng cáo, giới thiệu báo hoặc chỉ đạo, hướng dẫn, hoặc giúp đỡ phương tiện hoạt động, hoặc giúp đỡ vật chất... Chúng tôi thiết tha mong mỗi sự quan tâm nhiều hơn, sự chỉ đạo từ Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội, sự quan tâm, sự chỉ đạo từ các cơ quan thẩm quyền Nhà nước và sự ủng hộ từ các ân nhân, độc giả, cộng tác viên, thân hữu ngõ hầu Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* được phát triển mạnh mẽ hơn.

Một nội dung vô cùng quan trọng trong buổi lễ này chính là sự chỉ đạo của tôn đức đại diện Giáo hội, sự phát biểu, góp ý, đề nghị của quý ân nhân, thân hữu đang hiện diện tại đây. Ý kiến của quý vị chắc chắn sẽ là động cơ, là nội dung hoạt động của tạp chí trong thời gian tới. Điều may mắn cho chúng tôi là được đón tiếp quý liệt vị, những vị có thẩm quyền, có kinh nghiệm và nhất là tất cả đều là những vị đạo đức, trí tuệ cao vời, có tình cảm thân thiết đối với tạp chí. Trí tuệ tập thể sẽ soi sáng chúng tôi, đạo đức tập thể sẽ thấm nhuần chúng tôi, những người đang thực hiện tạp chí này. Mong thay!

Để kết thúc mấy lời khai mạc, một lần nữa, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* xin bày tỏ lòng tri ân chân thành đến chư liệt vị. Nhân đầu năm dương lịch 2015 và trước thềm năm mới Ất Mùi, ngưỡng cầu Tam bảo gia hộ cho toàn thể chúng ta, cho hết thảy chúng sanh được an lạc trong ánh từ quang của Phật tử.

Nam-mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. ■



Ảnh: Thích Thiện Ngộ

Sự đóng góp của Tạp chí **Văn Hóa Phật Giáo** đối với nền văn hóa dân tộc

THÍCH TRUNG HẬU

Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* phát hành số đầu tiên vào mùa xuân Ất Dậu, ngày 1-2-2005, đến nay là tròn mười năm. Ngay từ khi chính thức gia nhập hoạt động truyền thông, trong Thư tòa soạn số đầu tiên, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã xác định tinh thần phục vụ *của người học Phật trên con đường truyền thống dân tộc và đạo Phật Việt Nam*. Tinh thần phục vụ đó được cụ thể hóa ở bài viết “*Vài ý kiến về bảo tồn, phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam*”; bài viết vạch ra nhiệm vụ của tạp chí là tích cực bảo tồn, phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam để góp phần *xây dựng một nhận thức về một lối sống hiền thiện, về cái hay, cái đẹp của truyền thống*, bên cạnh việc góp phần cảnh giác phải *thận trọng với những thị hiếu nhất thời có thể gây nguy hại cho văn hóa dân tộc*; tác giả cũng nêu rõ con đường mà Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* sẽ đi là *nội dung luôn giữ đúng tôn chỉ của đạo Phật Việt Nam nhưng được thể hiện bằng những ngôn ngữ, hình ảnh rất đời thường*. Sau mười năm tồn tại một cách chật vật, có thể thấy *Văn Hóa Phật Giáo* đã luôn bám sát chủ trương ban đầu.

Mặc dù may mắn xuất hiện trong một bối cảnh chính trị ổn định, thực ra Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* chịu đựng rất nhiều sức ép về phương diện xã hội. Đặc điểm nổi bật về những thách thức của thời đại trong suốt mười năm qua là sinh hoạt của con người trên khắp quả địa cầu này đang ngày càng có nhiều biểu hiện suy thoái về phương diện đạo đức. Tác động của toàn cầu hóa và sự tấn công của chủ nghĩa tiêu thụ vào xã hội loài người đã khiến mọi ngóc ngách của đời sống nhân loại đều bị chi phối bởi những giá trị vật chất phù du, kích thích những thị hiếu nhất thời; bên cạnh đó, chủ nghĩa dân tộc cực đoan – là phản ứng tất yếu của toàn cầu hóa – đã làm dấy lên những hoạt động khủng bố và chiến tranh chống khủng bố ở mức độ thế giới, tất nhiên cũng đã có những ảnh hưởng sâu sắc đến xã hội chúng ta. Trong thời gian đó, đất nước Việt Nam cũng phải đương đầu với chiến lược xoay trục của các đại cường; gây nên nhiều hụt hẫng về thể đứng trong môi trường địa chính trị. Có thể thấy, từ những hiện tượng tham nhũng, hối mại quyền thế, chạy quyền chạy chức chạy bằng cấp, tham quyền cố vị...

trong lãnh vực công quyền, đến những thực tế cướp của giết người, buôn gian bán lận, hàng giả hàng nhái, ma túy cờ bạc mãi dâm... trong cuộc sống của người dân, tất cả đều mang dấu ấn của việc chạy theo những thị dục không lành mạnh, bị kích thích bởi chủ nghĩa tiêu thụ, chịu tác động của xu thế xấu ác ở khắp mặt đất. Sự xuống cấp nói chung về mặt nhân cách như vậy khiến cho nhu cầu thăng hoa về phương diện văn hóa trở thành một thứ hàng xa xỉ. Trong điều kiện ấy, nhiều người nghĩ rằng một tờ báo thiếu tin tức giắt gân, không có những bài viết mô tả cụ thể các chi tiết gợi dục, không đáp ứng thị hiếu người đọc... khó lòng tồn tại.

Tuy nhiên, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vẫn khẳng định một niềm tin, rằng “*Phật giáo với lịch sử hình thành và phát triển trong hơn hai mươi lăm thế kỷ phải có một nền văn hóa với những giá trị mang tính nhân loại*” và “*Phật giáo Việt Nam với hơn hai ngàn năm lịch sử hẳn phải có một nền văn hóa với những thành tựu có tầm cỡ*” để giúp cho dân tộc Việt Nam có đủ sức chống đỡ trước cơn lốc suy thoái đạo đức toàn cầu. Với niềm tin đó, trong suốt mười năm qua, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vẫn điềm nhiên tiến bước trên con đường đã vạch.

Để có thể có những đánh giá bước đầu về sự đóng góp của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đối với nền văn hóa dân tộc, thiển nghĩ chúng ta nên đồng ý với nhau về một vài nét chính của khái niệm văn hóa, vốn là một khái niệm có nội hàm rộng với nhiều cách hiểu khác nhau, đến nỗi Tổ chức Văn hóa, Khoa học và Giáo dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO) đã thống kê có tới hơn 250 định nghĩa khác nhau. Các nhà khoa học xã hội và nhân loại học thuộc thế kỷ XIX đã nghĩ rằng văn hóa bao hàm mọi thói quen và khả năng thuộc các lãnh vực tri thức, niềm tin, nghệ thuật, đạo đức, luật pháp, phong tục... mà con người thu lượm được với tư cách thành viên của xã hội. Sang đến thế kỷ XX, văn hóa được coi là chứa đựng mọi hiện tượng liên quan đến loài người thể hiện những đặc tính của các thành viên của một cộng đồng mà những đặc tính đó không trực tiếp là kết quả của sự thừa kế về mặt sinh học. Như vậy, một mặt, văn hóa là sản phẩm sáng tạo của loài người phục vụ cho cuộc sống con người nhưng đã trở thành các biểu tượng có tính khách quan để tác động lại chính sự hình thành nhân cách của con người trong một cộng đồng nhất định; mặt khác, văn hóa cũng là biểu trưng góp phần xác định bản sắc của một cộng đồng người nhất định. Là sản phẩm sáng tạo để phục vụ cuộc sống, văn hóa biến thiên theo trình độ văn minh và khả năng nhận thức của cộng đồng, biểu hiện ở cả những thành tố mang tính vật thể lẫn những thành tố phi vật thể. Một cộng đồng đạt tới một trình độ văn minh cao tất nhiên phải có một nền văn hóa tương xứng

nhưng vẫn luôn chứa đựng những yếu tố cốt lõi đủ để khẳng định bản sắc riêng của cộng đồng đó. Từ khi thoát khỏi tình trạng dã man, con người ngày càng nhận thức được sự tương quan chặt chẽ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội loài người và môi trường chung quanh, giữa loài người và hệ sinh thái cộng tồn trên mặt đất, và nhờ vậy, văn hóa loài người ngày càng phát triển theo hướng nhân bản hơn, mặc dù vẫn có những thời kỳ suy thoái bởi con người đánh mất sự cảnh giác như hiện tại.



Từ xưa, dựa trên cơ sở văn minh nông nghiệp, dân tộc Việt Nam đã bước đầu xây dựng văn hóa trên nền tảng thân ái và tương trợ giữa người với người. Khi tiếp xúc với Phật giáo, do có nhiều tương đồng, nền văn hóa Việt Nam đã phát triển phù hợp với những phẩm tính hòa bình, từ bi và trí tuệ của đạo Phật. Nền văn hóa ấy có những thời kỳ thăng hoa mà dấu tích còn được thấy ở các công trình kiến trúc, điêu khắc, tự viện, tượng đài... tồn tại dày đặc trên khắp cả nước; ở những tài liệu học thuật, những tác phẩm văn học nghệ thuật chứa đựng tư tưởng Phật học xuất hiện ngay từ buổi bình minh của nền độc lập dân tộc; ở nếp sống

hiền thiện vẫn được gìn giữ trong đời sống người dân từ làng quê đến kẻ chợ; ở lối sinh hoạt giản dị để cao nét đẹp tinh thần của con người thể hiện trong ca dao, tục ngữ, và cả trong nền văn chương bác học cổ điển, trước khi đất nước rơi vào thân phận thuộc địa của các đế quốc phương Tây.

Thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát huy văn hóa Phật giáo Việt Nam, tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* thường xuyên trình bày trên mặt báo những kết quả nghiên cứu cụ thể về lịch sử Phật giáo du nhập Việt Nam nhìn ở nhiều góc độ khác nhau, về cách tiếp thu của người Việt trước những nét đặc sắc của các nền văn hóa đến từ bên ngoài, thông qua việc tìm hiểu các di tích chùa chiền, bia ký, tượng đài, các chi tiết kiến trúc điêu khắc đặc trưng, những biểu tượng mang tính truyền thống, những hoạt động lễ hội thuần túy dân tộc, những sinh hoạt thiền môn theo từng tông phái, hành trạng của những bậc thiền sư từng ghi dấu ấn sâu đậm trong cuộc đời hành đạo của quý ngài. Bên cạnh đó, các bài viết trên *Văn Hóa Phật Giáo* cũng thể hiện tinh thần nhìn ra thế giới để tìm hiểu những nét đặc sắc của những truyền thống Phật giáo khác, đặc biệt là những truyền thống Phật giáo đang lên ở phương Tây, nêu ý kiến về việc tiếp thu cái mới, cải cách những điều có thể không còn thích hợp với thời đại, tìm kiếm một sự dung hòa các truyền thống khác nhau. Không chỉ quan tâm đến Phật giáo và văn hóa Phật giáo, tạp chí cũng có những nhận định về lịch trình hình thành văn hóa dân tộc, trong đó có sự đóng góp của nhiều nền tư tưởng khác nhau, nhiều cộng đồng dân tộc khác nhau cộng cư trên mảnh đất hình chữ S này. Ngoài ra, cũng có thể



nhận thấy rằng tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* không quên việc trình bày những phát triển văn hóa văn minh của loài người ở nhiều phương diện, văn học, nghệ thuật, khoa học, công nghệ, y tế, luật pháp, đạo đức... bằng những bài viết hay bài dịch có tính cách khái quát.

Với nội dung được đánh giá là phong phú, với hình thức được công nhận là trang nhã, với tinh thần tìm tòi những nét hay nét đẹp trong cuộc sống đời thường, và nhất là có thái độ trọng thị mọi cộng tác viên để phát hiện những nhân tố mới tham gia vào hoạt động báo chí, trong mười năm qua Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* từng bước trở nên hấp dẫn; một mặt góp phần khơi gợi việc yêu thích đọc báo giấy, đóng góp tích cực vào việc phục hồi văn hóa đọc dựa trên văn bản của những sản phẩm đã được in ra trên mặt giấy, thay vì đọc báo mạng xuất hiện trên màn ảnh máy vi tính; mặt khác, *Văn Hóa Phật Giáo* đã thực sự trở thành mảnh đất màu mỡ cho một số người viết trẻ, được thể hiện qua số tác giả ngày càng tăng. Ngoài ra, trong mười năm qua, tạp chí cũng đã chủ động liên kết với các nhà sách và nhà xuất bản để thực hiện một số đầu sách, hoặc rút từ những bài đã đăng trên tạp chí, hoặc mang nội dung phù hợp với chủ trương của tạp chí; những đầu sách này đều được đọc giả hoan hỷ đón nhận.

Trên tinh thần *thâm nhập vào lòng xã hội để tìm cách làm nổi bật cái hay cái đẹp của văn hóa qua lối sống, cách nhìn, tư duy, tình cảm, cách ứng xử giữa con người với con người, giữa con người với xã hội và giữa con người với môi trường thiên nhiên*, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* vẫn kiên trì đăng tải những tác phẩm chuyên chở hình ảnh đẹp của văn hóa truyền thống, nhấn mạnh đến những chuyển biến nhẹ nhàng ở nhận thức của con người đương đại trước sự tấn công của những điều xấu ác, và trên hết, là nhắc lại những lời dạy thực tiễn của Đức Phật mà ông cha ta đã từng áp dụng. Về mặt đóng góp ý kiến vào việc xây dựng một xã hội hiền thiện, Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đã phần nào thể hiện được tinh thần Bi, Trí, Dũng của người con Phật khi mạnh dạn nêu lên đúng mức những hiện tượng tiêu cực của xã hội và luôn luôn có những ý kiến thích hợp để đề nghị xã hội sửa đổi, trong đó có việc góp ý cải biến trên tinh thần thực hành giáo pháp của Đức Phật. Chúng tôi tin rằng thái độ tinh tấn ấy của tạp chí đã nhận được sự gia hộ của Tam bảo, bằng chứng là tạp chí đã tồn tại được gần mười năm trong những điều kiện vô

cùng khó khăn với những tiên đoán bi thảm về số phận của tạp chí vào lúc ra mắt, và những sự kiện gần đây cho thấy tạp chí đang có điều kiện khởi sắc.

Về phương diện thực tế, có thể nhận định rằng Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* cũng đã đáp ứng được nhu cầu của một bộ phận đang ngày càng tăng trưởng của người dân Việt, nhu cầu đứng vững trước những sức mạnh làm tha hóa con người. Thật vậy, trong giáo lý của Đức Phật, Ngài luôn khẳng định rằng mọi chúng sanh đều có Phật tánh và khi được làm thân người thì có nhiều điều kiện nhất để đạt tới việc nhận thức được sự tự do tối hậu của đời sống, sự tự do nội tại, không bị chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài. Đối chiếu với hoàn cảnh Việt Nam, chính người Việt đã có những trải nghiệm sâu sắc về tính cách phù du của vật chất: Hơn hai ngàn năm luôn luôn phải cố gắng vươn lên để gìn giữ bản sắc, người Việt hiểu rõ sức mạnh của sự tự do nội tại, sự tự do không dựa vào những bám víu ở bên ngoài, sự tự do khi thấy mình vượt thoát những nhu cầu tầm thường của chính mình mà sẵn sàng chia sẻ với người khác, tự do của vô ngã. Sau một thời kỳ quay quắt với những khao khát vật chất bởi sự thiếu thốn lâu dài, thể hiện bằng sự quyết liệt giành giật các phương tiện vật chất, làm giàu bằng mọi giá, thỏa mãn dục lạc bằng mọi giá, thể hiện mình bằng mọi giá, người Việt đã bắt đầu cảm thấy có những đòi hỏi về tinh thần và tìm cách đáp ứng cho mình những đòi hỏi đó bằng nhiều hình thức khác nhau. Có những hình thức thô thiển nhưng cũng đã có rất nhiều hình thức thanh nhã đang ngày càng phát triển. Một trong những hình thức ấy là các hoạt động từ thiện âm thầm vẫn được thực hiện bởi rất nhiều người thuộc rất nhiều tầng lớp khác nhau nhưng lại ít được chú ý. Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* là một trong những nơi thường xuyên đề cập những hoạt động như thế, một cách nhẹ nhàng, không đánh bóng, không khoa trương, không có tính cách quảng cáo tên tuổi.

Những bài viết trên Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* cũng thường khẳng định rằng điều tốt bao giờ cũng nhiều hơn điều xấu, sự cảm thông bao giờ cũng phong phú hơn tính vô cảm, và sở dĩ điều xấu có vẻ lan tỏa là vì điều xấu mới là tin tức, còn điều tốt, vốn là điều bình thường, không phải là tin tức, nên ít được biết đến. Tục ngữ Việt Nam đã nói, "Tiếng xấu đồn xa, tiếng tốt đồn ba ngày đường", cho thấy, điều tốt không dễ gì lan tỏa. Vấn đề là thông tin về điều tốt như thế nào để mọi người yên tâm rằng điều tốt trong xã hội vẫn là cốt lõi, vẫn luôn luôn tồn tại một cách chủ đạo. Đó chính là một trong những điều mà *Văn Hóa Phật Giáo* cố gắng thực hiện.

Cho đến nay, mới được mười năm, nói về sự đóng góp của Tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đối với nền văn hóa dân tộc thì vẫn là điều quá sớm, nhưng chúng tôi tin rằng *Văn Hóa Phật Giáo* đã thực sự đi đúng hướng để về lâu về dài có thể có gây được những ảnh hưởng tích cực trong việc góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện, như mong muốn của tạp chí. ■

Vì xã hội phồn vinh hay vì xã hội văn minh?

NGUYỄN CẦN

Phấn đấu vì một xã hội phồn vinh

Khi nói đến một xã hội hay một quốc gia nào đó, người ta thường nghĩ đến mức độ phát triển, nhất là về kinh tế, xem xã hội đó giàu hay nghèo dựa theo những chỉ tiêu về thu nhập, mức sống, CPI, GDP, lạm phát...

Trong một buổi thảo luận về hội nhập và cạnh tranh, trước những lo ngại về sự xâm nhập của sản phẩm các nước vào thị trường nước ta, Thứ trưởng Bộ Công thương Nguyễn Cẩm Tú nhìn nhận rằng nền sản xuất trong nước chưa được tốt, nhưng cho là cái chưa tốt đó là vì so sánh với mong muốn của ta, rằng "... mong muốn của ta còn xa hơn". Ông đề nghị nên nhìn vào "số lượng công việc chúng ta đã làm được". Từ đó, ông nói, "Chúng ta khác họ ở chỗ chúng ta bắt đầu từ không đến có. Trong khi họ bắt đầu ở mức cao hơn chúng ta rất nhiều". Và ông đưa ra một so sánh, "Ngày hôm nay, chúng ta không thua kém Thái Lan bao nhiêu; chúng ta không thua kém Philippines, Indonesia bao nhiêu đâu. Cách đây 10 năm thôi, chúng ta thấy sự khác biệt đã là cực kỳ lớn". Và ông kết luận, "Về sự phát triển chung của chúng ta là như vậy".

Thử nhìn vào một vài chỉ số so sánh để xem chúng ta đang ở đâu trong bức tranh phát triển của vùng Đông Nam Á. Theo xếp hạng của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2013, GDP của Philippines là hơn 272 tỷ USD, là nước có GDP cao thứ 39 trong bảng xếp hạng quốc gia theo GDP của IMF. Trong danh sách này, Indonesia đứng thứ 16 với GDP ở mức 870 tỷ USD, Thái Lan đứng thứ 30 với 387 tỷ USD. Việt Nam, với 170 tỷ USD, đứng thứ 57.

Xét về thu nhập trung bình toàn dân, cũng theo xếp hạng của IMF, Thái Lan đứng thứ 92 với GDP/người ở mức gần 5.700 USD/người, Indonesia xếp thứ 115 với 3.500 USD/người, Philippines thứ 126 với gần 2.800 USD/người, Việt Nam đứng thứ 133 với mức 1.900 USD/người.

Với các chỉ số này, Việt Nam so với các nước nói trên, ngoài Thái Lan, chỉ còn một khoảng cách không xa lắm. Nói theo vị thứ trưởng kia thì "Nhìn vào những việc Việt Nam đã làm được, chúng ta tin tưởng với sự cố gắng của Đảng, của Nhà nước, của nhân dân, của doanh nghiệp, Việt Nam dứt khoát thành công và sẽ thành công trong công cuộc hội nhập AEC".

Câu nói toát lên hy vọng và ý chí dù cách thức, đường

lối thực hiện còn ở phía trước. Khoảng cách về phát triển kinh tế hay sự phồn vinh, như vậy, là không quá xa. Tuy nhiên, trong những đất nước vừa nêu trên, xét riêng về tiêu chuẩn văn minh, liệu chúng ta có thể tự hào chúng ta sánh ngang họ, trong khi chúng ta vẫn tự hào có một nền văn hiến lâu đời hơn với gần 5.000 năm kể từ ngày lập quốc? Và phải chăng cứ hễ có một nền kinh tế phồn vinh ắt sẽ có một xã hội văn minh; hay nói cách khác, văn minh chính là hệ quả tất yếu của phồn vinh? Thế nhưng, hiểu thế nào là xã hội văn minh?

Đi tìm một xã hội văn minh

Trả lời một cuộc phỏng vấn của VNN, Giáo sư Cao Huy Thuân đã cân nhắc xem khái niệm văn minh thuộc phạm trù tinh thần hay vật chất; và xét trong mối tương quan với văn hóa, dường như ông đã đồng ý với nhà xã hội học Edgar Morin, rằng "Văn hóa là toàn thể những niềm tin, những giá trị đặc thù của một tập thể riêng biệt. Văn minh là những gì có thể chuyển từ tập thể này qua tập thể khác: kỹ thuật, kiến trúc, khoa học...". Ông nói thêm về nhận định của mình, "Suy nghĩ như một người Việt Nam trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam, tôi trả lời rằng một dân tộc văn minh là một dân tộc có văn hóa cao, nghĩa là năng động, nghĩa là không trì trệ, trên mọi phương diện, vật chất cũng như tinh thần, đầu óc cá nhân cũng như tổ chức xã hội, quyền lực, tiến bộ cùng với xu hướng của thế giới, nhưng không quên rằng mỗi người đều là con cháu thừa tự". Ông cũng nói rõ, "Riêng về mối tương quan giữa tập thể và cá nhân, phải nhấn mạnh rằng một tập thể không thể văn minh nếu con người trong đó không văn minh. Giáo dục, chính là để đào tạo nên những con người văn minh. Và thế nào là con người văn minh? Là biết yêu chân, thiện, mỹ. Yêu sự thật, yêu cái tốt, cái đẹp. Chỉ nói sự thật mà thôi, thế nào là yêu sự thật? Là ghét giả dối. Giáo dục là không dạy con trẻ đưa nói láo lên thành hệ thống cai trị".

Vậy thì xã hội văn minh đòi hỏi con người phải có văn hóa vì có văn hóa mới biết yêu chân, thiện, mỹ, mới sống trung thực, mới nói sự thật, biết sống vì mình và vì người, không ích kỷ, tham lam vô độ, tàn ác.

Hãy tự nhìn nhận lại chúng ta, so sánh với một vài quốc gia lân cận.

Bài học Trung Quốc và Singapore

Hãy thử nhìn sang Trung Quốc, nền kinh tế lớn thứ hai thế giới và đang lăm le trở thành số một, một nền văn minh lớn của nhân loại với hơn 6.000 năm văn hiến. Thế nhưng chúng ta có thể nói xã hội Trung Quốc ngày nay văn minh hơn xã hội Singapore, một nước sinh sau đẻ muộn, hay so với Bhutan, một xã hội nhỏ khác? Chúng ta khoan nói đến những khía cạnh vĩ mô của xã hội Trung Quốc như chênh lệch giàu nghèo, kỳ thị giới tính, hạn chế tự do cá nhân, cấm đoán internet, ràng buộc dân chủ... mà chỉ nói cụ thể văn hóa ứng xử nơi công cộng, giao tiếp thường ngày giữa những con người trong cộng đồng để xem so với chuẩn mực văn minh cần có, con người hôm nay của xứ này ra sao. Về mức độ văn minh của Trung Quốc thể hiện qua con mắt người bên ngoài, ngày 1-1-2015, tạp chí *The Diplomat* đăng bài viết với tựa đề: "Từ người Mỹ xấu xí tới người Trung Quốc xấu xí". Tạp chí này nhắc lại những vụ bê bối của du khách Trung Quốc trong suốt năm qua, từ việc một gia đình cho con cái tiểu tiện và đại tiện khi ngồi máy bay ra nước ngoài, đến một người đàn ông đòi mở cửa khẩn cấp của máy bay để cho "thoáng khí".

Ngày 31-12-2014, báo *Bưu điện Hoa Nam Buổi sáng* (SCMP) phát hành tại Hồng Kông có đăng bài: "Du khách Trung Quốc có tiền nhưng thiếu văn minh". SCMP dẫn lời hướng dẫn viên du lịch Linda Li kể một lần xe chở đoàn du khách Trung Quốc dừng lại một trạm nghỉ trên đường cao tốc tại Frankfurt (Đức), tất cả đều ồn ào phản đối khi cô thông báo phí đi nhà vệ sinh công cộng là 0,7 euro. Lập tức rất nhiều nam du khách Trung Quốc tiểu tiện ngay ngoài trời. Cô nói "Tôi bị choáng. Người đàn ông này không chịu bỏ 0,7 euro để đi vệ sinh một cách sạch sẽ, trong khi đã trả hàng ngàn euro để mua một chiếc đồng hồ Vacheon Constantin". Tân Hoa xã cho biết theo ước tính của Tổng cục Du lịch Trung Quốc (CNTA), tính đến tháng 11-2014 có khoảng 100 triệu du khách Trung Quốc đi ra nước ngoài trong năm với khoảng 85,4 triệu đến các nước châu Á, phần còn lại đi du lịch châu Âu và châu Phi.

Du khách Trung Quốc vượt qua người Mỹ và Đức để trở thành lực lượng du khách chi nhiều tiền nhất thế giới vào năm 2013, theo khảo sát của Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO).

Du khách Trung Quốc chi 128,6 tỷ USD, Mỹ 104,7 tỷ USD và Đức 91,4 tỷ USD. Năm 2014 du khách Trung Quốc tiếp tục là đối tượng xài nhiều tiền nhất. Tuy nhiên việc đó lại đi cùng với lối hành xử thiếu văn hóa: ăn ở bừa bãi, gây gỗ, xấc xược... Năm 2013, một cậu bé Trung Quốc 15 tuổi gây xôn xao dư luận thế giới khi vẽ bậy lên tượng đá ở một ngôi đền Ai Cập 3.500 năm tuổi. Du khách Trung Quốc cũng đã nhiều lần ăn cắp trên máy bay, ngay cả Vietnam Airlines cũng từng ghi nhận.

Hồi tháng 9-2014, khi đi thăm Maldives, Chủ tịch Trung Quốc Tập Cận Bình cũng kêu gọi người dân Trung Quốc hành xử đúng mực khi đi ra nước ngoài. "Đừng vứt chai

nước khắp nơi. Đừng phá hoại san hô. Hãy ăn ít mì thôi và thường thức ẩm thực địa phương", nhà lãnh đạo nhắn nhủ du khách nước mình. Tuy nhiên, các chuyên gia ngành du lịch Trung Quốc cho rằng lời kêu gọi của ông Tập hoàn toàn vô tác dụng, bởi lối sống thiếu văn minh ấy đã được huân tập từ trên ghế nhà trường. Chưa nói đến tình trạng doanh nghiệp Trung Quốc dù ở đâu cũng mang tai tiếng sản xuất hàng giả, hàng nhái, hàng mất phẩm chất, bất chấp môi sinh và sức khỏe dân bản địa. Cứ nhìn những dự án tại Việt Nam gần đây như đường sắt Cát Linh (Hà Nội) hay thiết kế hầm thủy điện Đa Dâng (Lâm Đồng)... là rõ!

Trong khi đó, không phải tự nhiên mà Singapore, một nước nhỏ hơn rất nhiều, cũng gốc Hoa nhưng lại được xem là một nơi có thói quen ứng xử văn minh: không khạc nhổ bừa bãi, không hút thuốc trong phòng lạnh... Thật ra, để có được một nước Singapore ngăn nắp như hôm nay, Thủ tướng Lý Quang Diệu đã mất nhiều năm xây dựng, uốn nắn, từ những chỉ thị đơn giản nhưng được thực thi nghiêm ngặt, kèm theo những biện pháp chế tài và hình phạt nặng nề dành cho kẻ vi phạm. Chúng ta còn nhớ chuyện một công dân Thụy sĩ, Oliver Fricker, 32 tuổi năm 2010 bị tòa án Singapore phạt đánh ba roi và bỏ tù năm tháng với cáo buộc vẽ bậy lên một toa tàu điện ngầm của nước này, bị tuyên phạm tội phá hoại công trình công cộng; một trường hợp khác, mặc dù nề lời thỉnh cầu khoan hồng của Tổng thống Bill Clinton và 20 nghị sĩ Hoa Kỳ, Singapore vẫn "đạy" cậu thanh niên người Mỹ 18 tuổi, Michael Fay, bằng bốn nhát roi mây oằn người (bớt hai roi theo án ban đầu) và 3.500 SGD vì tội phá hoại tài sản người khác, vẽ bậy lên xe hơi.

Thế nên Chủ tịch họ Tập có lẽ sẽ mất rất nhiều thời gian cho khối người hơn một tỷ của ông thẩm nhuần nếp sống văn minh mà nếu không quyết liệt thực thi có lẽ hàng vài thập niên nữa cũng không ai dám đảm bảo có sự tiến bộ. Đó là về mặt hình thức, những hành xử nơi công cộng. Còn về mặt ý thức, muốn có một xã hội văn minh, không phải là chuyện dễ làm trong một sớm một chiều, mà phải qua nhiều thế hệ.

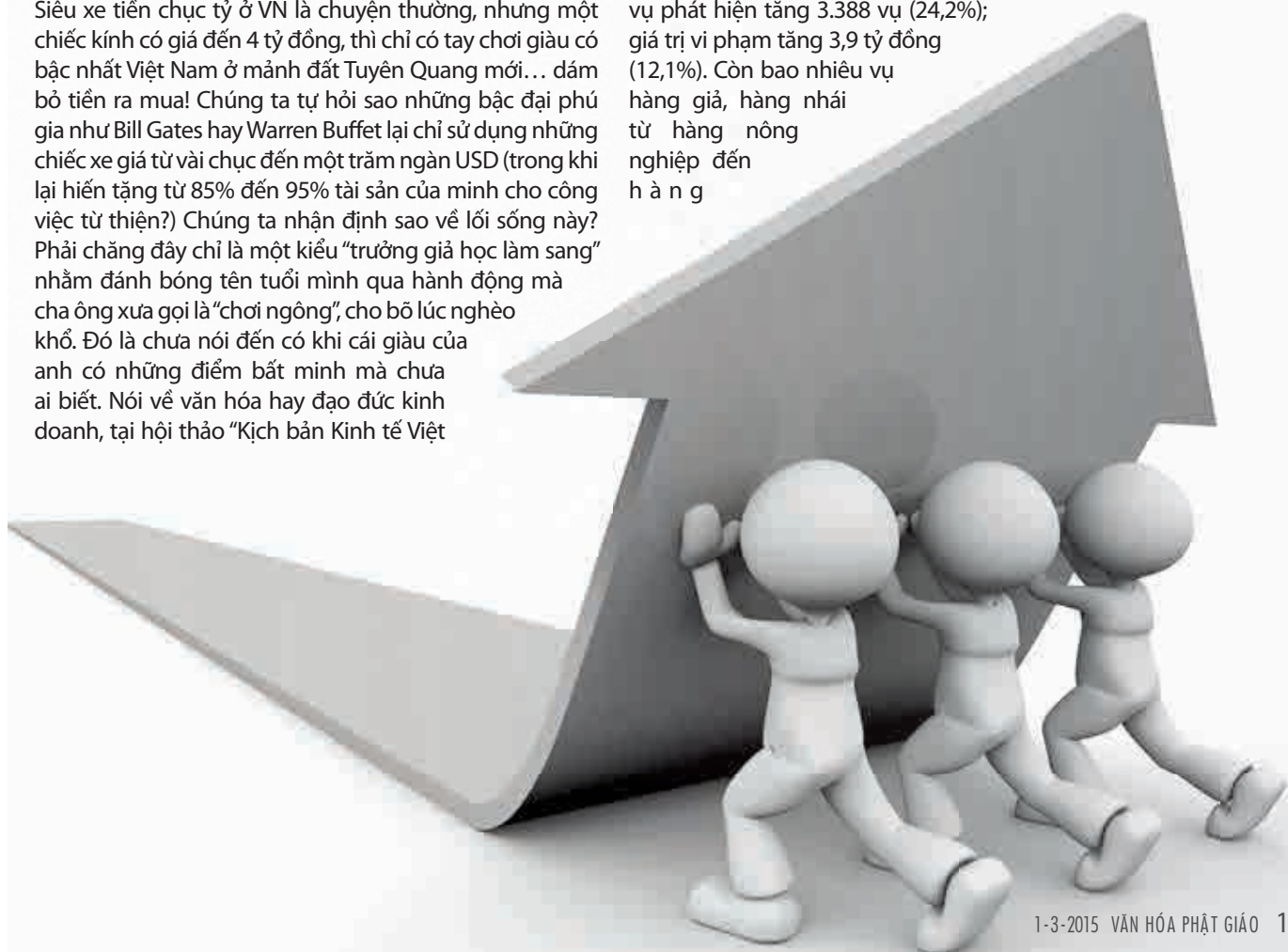
Thử nhìn lại Việt Nam chúng ta để thấy xã hội mình đang đứng ở đâu trong những thang bậc của nếp sống văn minh trên thế giới.

Hiện trạng Việt Nam

Nói riêng chuyện văn hóa ứng xử, có lẽ chúng ta cũng không thua Trung Quốc bao nhiêu về độ suy thoái. Chỉ riêng chuyện vẽ bậy, đi ngoài đường, ai mà chẳng thấy quảng cáo dán vô tội vạ và chỗ nào cũng "khoan cắt bê-tông, hút hầm cầu, trỉ..." trên mọi gốc cây, tường rào! Còn về tệ nạn thì sao? Chuyện trộm cắp diễn ra hàng ngày, hàng giờ, trên phố, trong hẻm, như cơm bữa, giật từ túi xách đến điện thoại, từ thôn quê ra thành thị. Chỉ riêng khu vực tứ giác TP.HCM - Đồng Nai - Bà Rịa - Bình Dương, đã có hàng trăm nhóm tội phạm, chưa nói đến Hà Nội, Hải Phòng và những thành phố khác... Điều đáng buồn

hơn khi thói hành xử bạo lực là gam màu chủ đạo trên bức tranh ấy. Mạng sống con người trở nên mong manh và rẻ mạt: Giành đất trong gia tộc, cũng giết quyết bằng máu; giành chỗ bán hàng, cũng giết nhau, gia đình cha con chồng vợ lấy mạng nhau sau một vài xích mích nhỏ; vì một con chó, người ta có thể giết những tên trộm hay ngược lại, kẻ trộm giết cả nhà chủ bốn mạng người khi bị phát hiện như chuyện vừa xảy ra ở Gia Lai tháng 1-2015. Cùng với thói côn đồ, chúng ta còn có thể kể ra xã hội đang đau đầu vì thiếu những nếp sống văn minh: làm sao giáo dục văn hóa coi xe khi người ta nhấn kèn bất kể giờ giấc, bất kể nơi chốn; văn hóa môi trường khi chuột chết bị ném trên đường, chất thải bỏ xuống sông... hút thuốc phì phèo trong bệnh viện, phòng kín; văn hóa nghi lễ (etiquette) khi nói cười ầm ĩ trong rạp hát, điện thoại quên tắt khi vào họp, vào thính phòng... Phải chăng đó là tầng lớp thất học, hay lam lũ chân lấm tay bùn. Xin thưa ngay rằng không. Vì những kẻ giàu Việt Nam cũng có những ứng xử cần suy nghĩ: Chúng ta nghĩ gì khi đọc những tin như đại gia XX đã mua chiếc giường Hoàng gia với giá hơn 6 tỷ đồng, sản xuất trong hơn 3 tháng và sẽ vận chuyển bằng đường hàng không về Việt Nam; một đại gia Hà Nội đã bỏ ra 140 cây vàng để dát vàng cho cả toilet. Từ giá treo khăn, tới vòi hoa sen, vòi rửa thậm chí là cả hộp đựng giấy vệ sinh của phòng tắm được mạ vàng, khiến cho căn hộ trở nên độc đáo và xa xỉ bậc nhất Việt Nam. Siêu xe tiền chục tỷ ở VN là chuyện thường, nhưng một chiếc kính có giá đến 4 tỷ đồng, thì chỉ có tay chơi giàu có bậc nhất Việt Nam ở mảnh đất Tuyên Quang mới... dám bỏ tiền ra mua! Chúng ta tự hỏi sao những bậc đại phú gia như Bill Gates hay Warren Buffet lại chỉ sử dụng những chiếc xe giá từ vài chục đến một trăm ngàn USD (trong khi lại hiến tặng từ 85% đến 95% tài sản của mình cho công việc từ thiện?) Chúng ta nhận định sao về lối sống này? Phải chăng đây chỉ là một kiểu “trường giả học làm sang” nhằm đánh bóng tên tuổi mình qua hành động mà cha ông xưa gọi là “chơi ngông”, cho bố lúc nghèo khổ. Đó là chưa nói đến có khi cái giàu của anh có những điểm bất minh mà chưa ai biết. Nói về văn hóa hay đạo đức kinh doanh, tại hội thảo “Kịch bản Kinh tế Việt

Nam 2015: Hội nhập sâu rộng, cạnh tranh khốc liệt” do *Thời báo Kinh tế Việt Nam* phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương tổ chức ngày 22-1-2015, Tiến sĩ Lê Xuân Nghĩa xác định rằng, rủi ro lớn nhất đối với doanh nghiệp VN hiện nay và sắp tới là tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại. Theo ông Nghĩa, từ 2015, khi chúng ta áp dụng các hiệp định thương mại tự do đồng nghĩa hàng rào thuế quan giảm xuống, quyền tiếp cận thương mại được hoàn toàn tự do. Lúc bấy giờ, các doanh nghiệp Việt Nam gần như “trần trụi trước bão tố”. Doanh nghiệp phải cạnh tranh sống phẳng, bình đẳng, không có hàng rào kỹ thuật nào bảo vệ. Với hiện trạng đó cùng với tình trạng buôn gian bán lậu, gian lận thương mại tràn ngập từ phía Bắc (Trung Quốc), từ Tây Nam (Thái Lan,...) các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ sống thế nào, đó là chưa tính đến mãi lộ phí. Chúng ta nghĩ gì khi các phóng sự trên truyền hình chiếu cảnh bò bị bơm nước đến 50 lít vài ngày trước khi giết mổ, lăn ra bất tỉnh, hay hàng trăm con heo trước khi bán ra thị trường đã bị các đầu nậu tiêm thuốc an thần, bơm nước bắn vào bụng để tăng trọng lượng nhanh. Còn các cơ sở kinh doanh thủy sản bơm bột vào thân tôm sú đông lạnh, nhằm để tăng cân, làm tươi, cứng, đến nỗi bị nước ngoài trả về vì gian dối. Theo tổng kết năm 2014, lực lượng quản lý thị trường cả nước đã xử lý 17.396 vụ sản xuất, kinh doanh hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; giá trị 36 tỷ đồng. So với năm 2013, số vụ phát hiện tăng 3.388 vụ (24,2%); giá trị vi phạm tăng 3,9 tỷ đồng (12,1%). Còn bao nhiêu vụ hàng giả, hàng nhái từ hàng nông nghiệp đến hàng n g



công nghiệp và văn hóa phẩm. Mặt hàng nào có khả năng sinh lợi đều có thể bị làm giả, đứng đầu là mỹ phẩm, kế đó là hàng điện tử, điện lạnh,...

Còn những yếu tố cấu thành văn hóa khác như kịch nghệ, phim ảnh, game show hầu hết đều lệch chuẩn, dị dạng, nghiêng về chuyện khai thác giới tính lệch lạc, kinh dị, hài dung tục... chiều theo thị hiếu thấp kém của quần chúng, mà không đưa ra định hướng mới hay nâng tầm.

Sử gia Dương Trung Quốc cho rằng nếu cứ tiếp tục như thế này, sự suy thoái sẽ chạm ngưỡng và sẽ đẩy dân tộc này đến những hiểm họa khôn lường. Trả lời phỏng vấn, ông nói: *"Trước hết phải thấy, thực trạng này không phải bây giờ mới được nói ra, mà nó đã được nhắc đến ở rất nhiều diễn đàn khác nhau, về tình trạng đạo đức xuống cấp, và sự suy thoái của văn hóa. Đã có những hiện tượng đáng báo động, khi tiêu cực xã hội gia tăng, hay những vụ án nghiêm trọng liên tiếp xảy ra. Ở đó không chỉ đơn thuần là sự biến dạng của nhân cách, mà là sự tan vỡ của rất nhiều hệ giá trị đạo đức truyền thống, như quan hệ trong gia đình, quan hệ thầy trò và nhiều quan hệ xã hội khác".*

Nói đến nguyên nhân, nhiều người ta cho rằng đó là hậu quả của sự thay đổi trong đời sống kinh tế, hay quen miệng gọi là "mặt trái kinh tế thị trường", dù kinh tế thị trường chẳng có tội! Sử gia họ Dương nhận định nguyên nhân sâu xa nhất chính là vai trò của văn hóa. Ông nói: *"Văn hóa chính là môi trường, và môi trường ấy chúng ta có thể soi chiếu ngay vào lịch sử để thấy tầm quan trọng. Có những thời kỳ chúng ta rất khó khăn về kinh tế như thời kỳ chiến tranh chẳng hạn, nhưng vì sao các mối quan hệ xã hội vẫn còn những yếu tố tích cực, thậm chí rất trong sáng? Còn trong thời mở cửa, hãy thử đi khảo sát một vùng đất có các dự án giải tỏa đất đai, nơi người dân đang sống một cuộc sống bình dị nhất, bỗng nhiên có trong tay nhiều tỷ bạc, mà không biết dùng số tiền ấy vào việc gì, đầu tư ra sao cho ra lợi nhuận, thay vào đó là sự tranh giành chia chác, những bi kịch nảy sinh trong chính gia đình". Ông nói thêm, "Yếu tố suy thoái văn hóa phải được nhìn từ gốc, và giải quyết triệt để từ những cái 'hắt hơi sổ mũi' ban đầu, trước khi nó thành ung nhọt nặng nề... Hay như việc nói dối, từ lâu đã được quan niệm là việc rất xấu trong xã hội. Nhưng có thể thấy từ trong giáo dục đến hoạt động xã hội, chúng ta vô tình hay hữu ý đã kích thích nói dối... Đứa trẻ trong nhà trường được dạy cách nói dối, người lớn được dạy cách lên án tham nhũng, nhưng lại ký hai chữ ký trong một cuộc họp để lấy thêm một suất bồi dưỡng tương xứng với tiền đi taxi tới dự..."*

Chúng ta cần xây dựng xã hội nào?

Cần mạnh dạn nhận ra sự nguy hiểm đang lao dốc của một xã hội đang mất dần các giá trị cốt lõi. Một xã hội gồm những con người dù bản chất có tốt đến đâu đi nữa mà phải "sống chung với lũ", cơn lũ vong thân, suy thoái đạo đức, bất thiện thì xã hội ấy cũng không thể lành mạnh được. Rồi chính việc chúng ta có khi không lên án

cái ác đủ mạnh mà còn dung túng khi sợ hãi, cả nể... vì kẻ làm ác có quyền, có tiền! Nên ngày nào chúng ta còn tồn vinh những kẻ cơ hội, làm giàu dù bất chính, nhiều thủ đoạn, thiếu sự bảo vệ những con người trung thực trong từng cơ quan, xí nghiệp, trường học, ngày đó xã hội còn trượt dài trong vòng xoáy của gian dối. Có người băn khoăn tự hỏi xã hội này sẽ đi đến đâu, khi khẩu hiệu "Công bằng-dân chủ -văn minh" vẫn còn đó mà thực tế lại giạt lùi vì chỉ còn lại sự tranh giành, bon chen và thực dụng, xa rời chân-thiện-mỹ.

Có người đã phiếm luận rằng *"Người ta sẽ phải nghiêng mình trước những xã hội có thể chậm hơn về kinh tế nhưng văn hóa phát triển, an ninh thường nhật đảm bảo, và mang tính thân thiện với khách phương xa"* (Lê Phú Cường – Thời báo Kinh tế Sài Gòn số 3-2015).

Phải nhìn vào sự thật như sử gia họ Dương nói ở trên và xây dựng lại xã hội hướng đến những giá trị văn hóa, tập ứng xử văn minh, học hành, làm ăn cư xử luôn lấy sự trung thực làm thước đo, hoàn thiện động cơ hành xử theo lương tâm vì đó là cái đẹp của tâm hồn. Trước khi nghĩ đến những bước đi xa hơn là xây dựng một đời sống tâm linh để con người có thể làm chủ được hành động của mình, vượt lên trên tầm sự quan tâm thể tục mà Đức Phật từng dạy gồm:

1. Bám víu vào việc có tiền, sở hữu vật chất; không vừa lòng khi không có chúng (Được và Mất).

2. Bám víu vào sự khen tặng, chấp vào những lời làm tăng ngã mạn của chúng ta; không hài lòng khi bị chỉ trích (Khen và Chê).

3. Bám víu vào hình ảnh hay một danh tiếng tốt; không vừa lòng khi chúng bị ô uế, nhơ danh (Vinh và Nhục).

4. Bám víu vào những thú vui, những đối tượng giác quan đem lại khoái lạc – sắc, thanh, hương, vị và xúc; không vừa lòng khi gặp phải những đối tượng giác quan không vừa ý (Sướng và Khổ).

Ni sư Thubten Chodron, đệ tử Đức Đạt-lai Lạt-ma, nhận định:

Xu hướng tiêu thụ về tâm linh rõ ràng rơi vào tám điều quan tâm thể tục này, và chúng thường được ngụy trang bằng những sự ngụy biện khôn ngoan, nhưng chúng vẫn nô lệ và trói buộc chúng ta vào hạnh phúc của chỉ kiếp sống này và cản trở tâm nguyện cao thượng của chúng ta, để không có sự thực hành tâm linh chân thực nào có thể thực sự xảy ra (Điều Liên Lý Thu Linh - lược dịch Shopping The Dharma, Tricycle).

Trong khi chờ đợi sự phát triển kinh tế lấp dần khoảng cách với những quốc gia xung quanh, chúng ta trước hết hãy tập trung vào việc vun đắp gìn giữ những giá trị văn hóa ngàn đời của người Việt Nam: thật thà, cần mẫn, hiền lành, quan tâm đến thân tộc, cộng đồng, tình làng nghĩa xóm, biết sống và biết yêu thương. Đó là những giá trị gọi văn hóa là chân-thiện-mỹ. Xã hội văn minh chừng đó không còn là khẩu hiệu mà là nơi chúng ta có thể hít thở không khí thương yêu và tự hào. ■



Tục thờ cúng tổ tiên của người Việt trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á

NGUYỄN TRỌNG NGHĨA

Với ý nghĩa không gian văn hóa là vị trí tọa độ xác định hiện tượng văn hóa hay tổ hợp văn hóa đó trong mối quan hệ với các hiện tượng văn hóa khác, thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam suy cho cùng cũng có ngọn nguồn sâu xa từ tín ngưỡng sùng bái người đã mất của cư dân Đông Nam Á. Cùng với thời gian và sự giao lưu văn hóa, cư dân Việt đã tích hợp thêm các yếu tố Nho-Phật-Đạo sẵn có trong xã hội để tạo nên một loại tín ngưỡng khá độc đáo có thể coi là bản sắc của văn hóa Việt, đạo Ông Bà.

1 Từ tín ngưỡng sùng bái người đã mất của cư dân Đông Nam Á...

Từ quan niệm vạn vật hữu linh, cư dân Đông Nam Á cho rằng mỗi người sinh ra đều có một nhóm hồn ma

nhất định. Mỗi một dân tộc có quan niệm khác nhau về số lượng hồn của mỗi người. Theo người Thái, mỗi người có tới 120 hồn, khi chết đi những hồn đó đều biến thành Phỉ (ma). Người Mường nghĩ rằng có 90 hồn, người Khơ me thì nói có 9 hồn. Các dân tộc miền núi Mindanao (Philippines) thì cho rằng mỗi người đều có hai hồn: hồn trái, hồn phải; hồn trái có thể tự do lìa khỏi xác còn hồn phải thì không; sau khi con người qua đời, hồn trái trở thành ma ác, hồn phải trở thành ma lành. Trong quan niệm của người Dyak (Indonesia) không gian được chia thành năm tầng trời, trong đó tầng thứ ba là nơi ngụ cư của linh hồn những người đã mất.

Hồn theo quan niệm của cư dân Đông Nam Á có quan hệ mật thiết với cuộc đời mỗi con người. Nếu hồn lìa khỏi xác thì con người sẽ chết. Nhưng chết không có nghĩa là hết mà là sự trở về với thế giới tổ tiên, thế giới

vĩnh hằng của linh hồn mãi mãi bất diệt. Do vậy, người chết vẫn có thể thường xuyên đi về phù hộ chở che cho những người thân yêu nơi dương gian. Quan niệm này là cơ sở ra đời của tín ngưỡng thờ cúng người đã mất mà trước hết là thờ cúng tổ tiên, ông bà, cha mẹ. Việc làm này vừa có ý nghĩa nhớ về cội nguồn, biết ơn bậc sinh thành, bậc tiền nhân vừa thể hiện ước mong tổ tiên phù hộ độ trì cho cuộc sống của con người. Cho nên đây là một nét đẹp văn hóa của nhiều nước Đông Nam Á.

Có một điều khá đặc biệt ở tục thờ cúng tổ tiên là ngay cả khi các tôn giáo từ Trung Quốc, Ấn Độ, phương Tây... đã ảnh hưởng tới nhiều nước Đông Nam Á, thì tục thờ cúng tổ tiên cũng không bị lãng quên. Ví như ở đảo Bali (Indonesia) cho dù Ấn Độ giáo cực kỳ phát triển, người dân bản địa vừa thờ cúng thần Siva vừa thờ cúng ông bà tổ tiên. Ở Philippines, những người Katigan, Vizaya, Iloki... vẫn thờ cúng tổ tiên trong nhà mặc dù họ là những người Cơ Đốc giáo thực thụ. Thậm chí cả người dân Môrô – dân tộc sùng bái Hồi giáo hơn ai hết – cũng vẫn coi trọng thờ cúng tổ tiên ở trong nhà. Riêng người Việt Nam dù không theo tôn giáo hay theo bất kỳ một tôn giáo ngoại lai nào thì gian chính giữa của ngôi nhà bao giờ cũng để thiết trí bàn thờ tổ tiên và hương khói không bao giờ tắt vào những ngày sóc vọng, lễ tết trong năm. Đây chính là cách thức con người Việt Nam nói riêng, người Đông Nam Á nói chung bày tỏ lòng thành của mình tới tổ tiên, ông bà để làm tròn chữ hiếu ở đời.

Cũng là tín ngưỡng sùng bái người đã mất, phải kể đến tục thờ Thành hoàng, các vị anh hùng dân tộc, những người sáng lập ra bộ lạc bộ tộc... Tục này phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà có ở tất cả các nước Đông Nam Á.

Như vậy, nếu xác định vị trí tọa độ không gian văn hóa thì tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt có chung quan điểm với cư dân Đông Nam Á. Tuy nhiên, theo quan niệm của người Việt, tổ tiên trước hết là những người cùng huyết thống như cha, mẹ, ông, bà, cụ, kỵ... là nguồn gốc sinh ra bản thân chúng ta.

*"Cây có gốc mới nở ngành xanh ngọn
Nước có nguồn mới bể rộng sông sâu
Người ta nguồn gốc từ đâu
Có cha có mẹ rồi sau có mình".*

Tổ tiên cũng có thể mở rộng ra là những người có công tạo dựng nên cuộc sống hiện tại của một cộng đồng như các vị Thành hoàng, các tổ nghề, những người có công bảo vệ xóm làng, quê hương, đất nước khỏi nạn ngoại xâm như Trần Hưng Đạo đã được dân ta suy tôn thành bậc "cha" được cúng giỗ vào tháng Tám hàng năm "Tháng Tám giỗ cha". Rộng hơn nữa, khi chỉ duy nhất dân tộc Việt Nam mới có hiện tượng thờ cúng Quốc tổ - Vua Hùng Lạc Long Quân và Quốc mẫu Âu Cơ.

*"Dù ai đi ngược về xuôi
Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng Ba".*

Giỗ tổ Hùng Vương cùng với lễ hội đền Hùng trở thành quốc lễ từ thời vua Lê Thánh Tông niên hiệu Hồng Đức (1470 - 1497) và nay vẫn tiếp tục được công nhận là quốc lễ. Hàng năm, lãnh đạo cấp cao của đất nước thay mặt quốc dân đồng bào dâng hương thành kính trước bậc Quốc tổ để tiếp nối truyền thống tốt đẹp "uống nước nhớ nguồn" tự bao đời nay của dân tộc ta.

Thật vậy, con người ai cũng có xác thân, đó là cơ sở vật chất để sự sống tồn tại. Thân xác đó không thể tự nhiên hình thành mà do cha mẹ di truyền. Đến lượt ta, ta lại trao truyền sự sống cho con. Thành ra sự sống là một dòng liên tục! Sinh huyết chảy mãi không ngừng từ "vô thủy đến vô chung", nên sống phải biết tri ân. Sống phải biết ơn ông, bà, cha mẹ, tổ tiên đã cho ta sự sống diệu kỳ. Vì thế, người Việt Nam thật may mắn khi có chung một Tổ để hướng về; có chung một vùng đất tổ để nhớ nhung; có chung một đền thờ tổ để tri ân đến muôn đời. Đây là đạo lý của con người Việt Nam, không phải dân tộc nào cũng có.

Khi thờ cúng tổ tiên, người Việt Nam rất coi trọng ngày kỵ giỗ tức là ngày mất được tính theo âm lịch. Vào ngày giỗ hoặc các ngày sóc, vọng, lễ, Tết, việc hương khói được chăm chút đều đặn. Những khi trong nhà có việc quan trọng như dựng vợ, gả chồng cho con cái, làm nhà, thi cử... người Việt đều thành tâm thắp nén hương thơm để khẩn báo với tổ tiên và cầu mong tổ tiên phù hộ cho mọi việc thuận buồm xuôi gió. Sở dĩ có những hành động đó bởi người Việt Nam luôn có niềm tin rằng giữa người sống và người đã mất có một sợi dây liên kết mật thiết với nhau và hỗ trợ nhau. Con cháu thì giữ gìn đạo đức, kính cẩn thờ cúng khẩn báo tiền nhân. Tổ tiên lại chở che, dẫn dắt hậu thế, nên việc cúng giỗ là giây phút giao hòa giữa âm với dương một cách linh thiêng mẫu nhiệm. Không hiếm những gia đình Việt hiện nay vẫn còn giữ tục gieo đồng tiền âm dương để nhận được những lời mách bảo của tổ tiên từ thế giới vĩnh hằng.

Đối với người Việt, bàn thờ tổ tiên luôn được đặt ở vị trí trang trọng nhất của ngôi nhà. Ngôi nhà dù có chật chội thế nào cũng có một ban nhỏ để bát hương, bài vị cùng những đồ thờ cúng như quả bông bày mâm ngũ quả, đài nước, chân nến, đèn dầu, lư hương, đồ bình, ống hương... Mỗi lần dâng lễ có thể là đĩa hoa tươi, chén nước trắng, có điều kiện thì dâng thêm đĩa hoa quả, ít tiền vàng. Khi tuần hương tàn, người ta đốt tiền vàng rồi lấy chén nước cúng hay chén rượu vẩy lên làm phép để tổ tiên được hưởng lễ. Những giây phút hương trầm lan tỏa trong mỗi gia đình Việt là lúc tạo ra không khí linh thiêng, ngưỡng vọng, mọi người đều cảm thấy thư thái, ấm áp.

Vì coi trọng thờ cúng tổ tiên mà người Việt Nam rất cẩn thận trong việc tang ma, mồ mả "Sống vì mồ vì mả, không ai sống vì cả bát cơm". Mọi gia đình đều cố gắng xây cất mồ mả tổ tiên thật cao ráo, kiên cố và coi đó là bổn phận, nghĩa vụ của lớp hậu sinh. Hàng năm, mỗi dịp Thanh minh trong tiết tháng Ba tất cả các "đình"



Ảnh: Văn Thông

trong một họ tụ tập tại từ đường, hay nhà trưởng họ để đồ xôi, luộc thịt chuẩn bị ra nhận mả ông bà: quét tước, dọn cỏ, đắp thêm đất và mời tổ tiên về nhà hưởng lễ. Đây là lúc người ta nhận nguồn cội, nhận anh em họ hàng tạo nên mối dây đoàn kết đặc biệt.

2 ... đến sự tích hợp với các yếu tố Nho-Phật-Đạo trong tục thờ cúng tổ tiên của người Việt

Trong bối cảnh văn hóa Đông Nam Á, tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam có một vài đặc điểm khác so với các tộc người ở khu vực bởi có sự tích hợp thêm các yếu tố Nho-Phật-Đạo.

Từ cái nền Nho giáo coi trọng vai trò của người nam giới trong gia đình mà dân tộc ta có biểu hiện của chế độ phụ hệ. Từ đây hình thành nên nhà thờ đại tông, nhà thờ tư chi đều thờ cùng một thống hệ thuộc về người cha. Ví dụ như người đàn bà họ Lê lấy chồng họ Nguyễn thì được con cháu thờ cúng ở nhà họ Nguyễn chứ không được thờ cúng bên họ Lê. Cha mẹ ông bà tổ tiên của người đàn bà ấy đã có họ Lê thờ và không bao giờ được thờ bên họ Nguyễn (trừ một vài trường hợp đặc biệt). Người nào không có con trai, nếu có một hay nhiều con gái thì các con rể cũng không thiết lập bàn thờ cha mẹ vợ ở nhà của mình. Ấu đây cũng là quan niệm để đảm bảo dòng chảy huyết tộc luôn được mãi mãi và không bị pha trộn.

Cũng theo quan niệm Nho giáo thì sự thờ cúng tổ tiên của người Việt luôn luôn phải theo dòng trưởng. Tức là việc kế thừa sự hương hỏa dòng họ bao giờ cũng ưu tiên cho người con trai trưởng rồi cháu trai đích tôn. Điều này đã trở thành một quy định bất di bất dịch từ bao đời nay.

Phật giáo vốn là một tôn giáo lớn ở nước ta và có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống của con người nhất là ở các

làng xã. Không biết từ bao giờ khi bắt đầu cầu khẩn một điều gì trước bàn thờ ông bà tổ tiên thì câu cửa miệng của mỗi người là "Nam-mô A-di-đà Phật". Giải thích điều này chỉ có thể lý giải từ niềm mong mỏi của con cháu là tổ tiên sớm được siêu thoát đến cõi Cực lạc để rồi giúp con cháu được an lành trong cuộc sống còn lắm lo toan. Như vậy, tục thờ cúng tổ tiên của người Việt suy cho cùng cũng bắt nguồn từ những tinh túy của văn hóa Phật giáo khuyên con người ta lương thiện để sớm được siêu sinh.

Từ Đạo giáo mà tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của ta cũng mang tính thần thánh. Mỗi dịp cúng lễ gia tiên, nhất là ở các từ đường dòng họ, vẫn còn hiện tượng gieo đồng tiền âm dương để nhận biết được suy nghĩ của người đã mất khi hưởng lễ là vui hay buồn, đồng ý hay không đồng ý. Hay như hiện tượng nhập đồng, ớp đồng vào những kỳ làm lễ 49 ngày theo quan niệm của cư dân Việt cũng nhuộm màu Đạo giáo sâu sắc. Sự tích hợp này đúng ở góc độ nào đó là mê tín dị đoan nhưng nó lại nói lên việc thờ cúng tổ tiên ở người Việt là một hành động vô cùng thiêng liêng và linh ứng; đồng thời cũng biểu hiện luôn tình cảm tiếc thương của con cháu đối với ông bà cha mẹ.

Tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của người Việt Nam không hẳn mang tính duy nhất trong khu vực Đông Nam Á mà nó cũng phát triển từ một dòng chảy chung là tín ngưỡng sùng bái người đã mất. Tuy nhiên, do yếu tố truyền thống, yếu tố giao lưu tích hợp của văn hóa Việt mà biểu hiện của tín ngưỡng này có sự khu biệt nhất định. Điển hình nhất là sự pha trộn ba sắc thái của Nho-Phật-Đạo khiến tục thờ cúng này vừa mang tính chất tín ngưỡng dân gian, bản địa vừa mang tính tôn giáo thiêng liêng và ăn sâu trong tâm thức người dân Việt Nam. ■



Cam thốc mùa xuân trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du

PHẠM TUẤN VŨ

1 “Tuế hữu tứ thời xuân tại thủ” (năm có bốn mùa thì xuân là đầu), xuân là mùa đứng đầu trong năm. Đó là mùa của sinh sôi phát triển, của hạnh phúc đoàn viên. Tự cổ chí kim, mùa xuân luôn là một đề tài hấp dẫn trong văn chương, trở thành cảm hứng bất tận cho các thi sĩ. Dường như trong đời mỗi thi nhân, ai cũng làm cho mình một vài bài thơ xuân. Thơ xuân vì thế có số lượng rất nhiều và thường mang chung một âm hưởng.

Nguyễn Du là nhà thơ vĩ đại của dân tộc. Sáng tác của ông không chỉ là “tập đại thành của văn học cổ Việt Nam” (Nguyễn Lộc) mà đó còn là thế giới vô biên với những điều sâu kín trong tâm hồn của người tự xem là kẻ đa sầu mộng (*Tri giao quáĩ ngã đa sầu mộng*). Cũng như ở *Truyện Kiều*, trong thơ chữ Hán, Nguyễn Du viết nhiều về mùa xuân. Thế nhưng, viết về đề tài này, thi nhân dường như không đi theo con đường của số đông nhà thơ khác. Bởi mùa xuân trong thơ chữ Hán của Thanh Hiên gắn liền với những tâm trạng, những xúc cảm thẩm mỹ rất riêng.

2 Trong 249 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du, có 46 lần chữ “xuân” xuất hiện, trong đó, có 01 chữ nằm trong tên địa danh (kinh đô Phú Xuân trong nhan đề *Họa Hải ông Đoàn Nguyễn Tuấn “Giáp dân phụng mệnh nhập Phú Xuân kinh”*). Trong 45 lần xuất hiện còn lại, có 4 chữ “xuân” nằm ở nhan đề tác phẩm (*Xuân nhật ngẫu hứng, Xuân dạ, Mộ xuân mạn hứng, Xuân tiêu lữ thú*), 41 chữ xuân nằm trong câu thơ, tập trung nhiều nhất ở *Thanh Hiên thi tập* với 20 lần. Có thể nói, thơ xuân là một mảng sáng tác quan trọng trong thơ chữ Hán Tố Như, không chỉ với tỉ lệ khá cao mà còn ở những giá trị thẩm mỹ độc đáo mà chúng mang lại.

Trong quan niệm truyền thống của người phương Đông, xuân thuộc về hành Mộc, ứng với phương Đông, nghi Dương, quẻ Thái, là mùa của sinh sôi, nảy nở (xuân sinh, hạ trưởng, thu liễm, đông tàn). Mùa xuân bao giờ cũng gắn với thiên nhiên tràn đầy sức sống được hồi sinh sau một mùa đông dài lạnh lẽo, lụi tàn; với lòng người phơi phới, hân hoan cho một sự khởi đầu mới; với tuổi trẻ, lứa đôi và khát khao hạnh phúc. Thơ ca viết



về mùa xuân vì thế thường mang sắc thái tươi vui, âm hưởng lạc quan, ca ngợi. Thế nhưng trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du, rất hiếm những vần thơ như vậy. Mùa xuân dường như đứng dưng với thi nhân và thơ xuân của ông thường đượm những nỗi buồn.

3 Khác với trong thơ của nhiều tác giả, thiên nhiên trong sạch, vô tư là chỗ đi về, nơi gửi gắm tình cảm, ký thác tâm tư, tỏ bày chí hướng, là chốn con người có thể sống gần gũi, chan hòa (thiên nhân hợp nhất); trong thơ chữ Hán Tố Như, thiên nhiên dường như đối lập với con người, là thế lực đáng sợ mà con người không thể tìm thấy sự đồng cảm nào. Những mờ mịt, đen tối, gò đống, những trận gió tây thổi ù ù, những vắng trắng lạnh, những ngọn núi xanh rờn, những dòng sông cuộn cuộn sóng dữ, những con đường gió bụi xa vời, thậm chí khu vườn thuốc cũng lạnh hơi xuân, khóm trúc trong vườn cũng tiêu điều thưa thớt... đó là thiên nhiên hoang vắng, lạnh lẽo đến rợn người.

Mùa xuân trong thơ chữ Hán Nguyễn Du cũng vậy. Ngay từ nhan đề, ẩn tượng chung mà độc giả có thể cảm nhận được đó là những mùa xuân chất chứa đầy tâm trạng (*Xuân dạ, Xuân tiêu lũy thú, Xuân mộ mạn hứng...*) bởi tâm trạng con người trong đêm (dạ, tiêu), chiều (mộ) thường buồn. Như chính nhà thơ từng viết trong Truyện Kiều, “*Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”, mùa xuân trong

thơ chữ Hán của Tố Như qua cái nhìn của con người suốt đời mang ám ảnh tha hương tẩm thân gửi chốn mây trời gió bụi (*Tha hương thân thế thác phù vân*) lúc nào cũng mang một nỗi niềm u ẩn, nhuốm màu tâm trạng bi thương. Đó là những mùa xuân dường như không mong đợi của con người nhiều hoài bão nhưng đến cuối đời chỉ biết ngẩng mặt bi thiết nhìn lên trời (*Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên*) và rồi chua chát tự nhận mình là kẻ cùng đường không còn mộng đẹp (*Nhân đáo cùng đồ vô hảo mộng*), gây ấn tượng sâu sắc với mỗi người đọc.

3.1

Cũng như những hình tượng thiên nhiên khác, mùa xuân trong thơ chữ Hán của Thanh Hiên đã góp phần thể hiện nỗi niềm cô trung, tâm sự bất đắc chí, “*u hoài, dở dang*” vì thân phận kẻ di thần; tâm trạng “*sầu muộn, u ẩn... của kẻ mang nặng nợ đời và khổ đau vì đời*” (Lê Đình Ky) mà chính nhà thơ cũng đã nhiều lần thừa nhận:

Ngã hữu thốn tâm vô dữ ngữ

Hồng Sơn sơn hạ Quế giang thâm.

Ta có một tắc lòng không biết cùng ai nói

Sâu như nước sông Quế dưới chân núi Hồng.

(*Mi trung mạn hứng*)

Xuân vốn tươi vui, sung mãn nhưng trong mắt nhà thơ lại trở nên hoắc lạnh lẽo, tiêu điều, hoặc vô tình và nặng nề, đau đáu nhiều nỗi u hoài.

Đó là mùa xuân gắn với ý niệm thời gian trôi đi vùn vụt, lạnh lùng, vô tình, phủ mờ tất cả, trong đó có tuổi tác con người. Trong các sáng tác bằng chữ Hán của cụ Tiên Điền, danh từ “xuân” thường đi cùng với từ khác tạo nên những cụm từ như “xuân thu”, “bách xuân”, “tam xuân”, “xuân lan thu cúc”, “xuân hàn hạ thử”... để chỉ cho bước đi vội vã của thời gian. “*Ngày vui dài chẳng tày gang*” (Truyện Kiều), xuân trong mắt Tố Như lại càng đi nhanh gấp bội, đứng dưng với mọi thứ và tàn phá tuổi trẻ của con người:

Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi (Xuân thu trả lại cho ta mày râu tuổi già) (*Tự thán 1*).

Xuân thu đại tự bạch đầu tân (Xuân thu qua đi, mái đầu cứ bạc thêm) (*Tự thán 2*).

Tam xuân tích bệnh bản vô dược (Ba tháng mùa xuân mang bệnh, nghèo không có tiền uống thuốc) (*Mạn hứng 1*).

Xuân lan thu cúc thành hư sự (Xuân lan thu cúc thành chuyện hão) (*Tạp thi 1*).

Xuân hàn hạ thử cố tương xâm (Xuân lạnh hè nóng cứ quấy rầy nhau) (*Ngọa bệnh 2*).

Đó là mùa xuân bàng quan, vô cảm trước hoàn cảnh đói nghèo, bệnh tật, cô độc và tâm trạng chất chứa nhiều nỗi niềm, u ẩn của thi nhân. Nhà thơ dường như không tìm được bất kỳ sự an ủi cảm thông nào từ mùa xuân vốn tươi đẹp, có thể đem đến cho con người niềm phấn khởi, hân hoan. Ở nhiều bài thơ chữ



Hán của Tố Như, sự đối lập ấy được đẩy lên đến cao độ, khắc họa sâu hơn tâm trạng chán chường, cô đơn của chủ thể trữ tình:

Bế môn bất ký xuân thâm thiển (Đóng cửa nên không biết xuân sớm hay muộn) (*Tạp ngâm*).

Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo (Người thì cứ tiêu tụy còn xuân thì cứ đẹp) (*Xuân tiêu lữ thứ*).

Nhất sàng cô muộn dịch xuân hàn (Một giường cô đơn sầu muộn chịu xuân lạnh) (*Ngẫu thư công quán bích 2*).

Xuân là mùa của sum họp đoàn viên. Thế nhưng trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du, hầu như chỉ có những mùa xuân chia lìa, lưu luyến. Có lẽ đúng như thi nhân đã tiên cảm trong *Truyện Kiều* “*Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi*”, suốt cuộc đời Tố Như phải sống kiếp phong trần, tấm thân gởi nơi gió bụi. Mặc cảm tha hương luôn thường trực trong thơ ông. Có một đêm xuân nơi quê vợ Quỳnh Côi đượm buồn một nỗi nhớ nhà man mác:

Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán

Bạch đầu đa hận tuế thời thiên.

Chốn Hồng Lĩnh không nhà, anh em tan tác

Bạc đầu mang nhiều hận năm tháng cứ trôi đi.

(*Quỳnh Hải nguyên tiêu*)

Có một sáng thanh minh nơi quán trọ xa nhà của con người đã đi qua tuổi thiếu tráng (*Xuân nhật hữu thân phi thiếu tráng*) mang một nỗi buồn vô hạn nơi chân trời không có rượu đón thanh minh (*Thiên nhai vô tửu đối thanh minh*):

Khách xá hàm sầu dĩ vô hạn

Mạc giao mao thảo cận giai sinh.

Quán trọ mang nỗi sầu vô hạn

Chớ để cỏ sậy mọc gần bên thêm.

(*Thanh minh ngẫu hứng*)

Có một ngày xuân ở chốn núi rừng yên ắng:

Sài môn trú tĩnh sơn vân bế

Dược phổ xuân hàn lũng trúc sơ.

Ngày yên tĩnh, cửa sài mây núi phủ kín

Vườn thuốc lạnh hơi xuân, khóm trúc thưa.

Đau đáu về quê nhà và tin tức của các em của người anh ly hương có một tác lòng quê giải bày dưới trăng (*Nhất phiến hương tâm thiểm ánh hạ*), vẫn nhớ hoài về ngày chia tay đầm nước mắt năm xưa (*Kinh niên biệt lệ nhận thanh sơ*):

Cố hương đệ muội âm hao tuyệt

Bất kiến bình an nhất chỉ thư.

Chốn quê nhà các em không nghe một tin tức

Không thấy một lá thư báo cho biết bình an.

(*Sơn cư mạn hứng*)

Có một mùa xuân hững hờ, vô cảm trên đường đi sứ nơi đất Bắc chốn nỗi nhớ nước nhà đã xa mịt mù sau lưng tám ngàn dặm (*Du du hương quốc bát thiên lý*) và sự chán chường cho đường công danh lận đận vô nghĩa chẳng khác nào hạt bụi hư vô (*Lục lục công danh nhất phiến trần*):

Cộng chỉ mai hoa báo tiêu tức

Xuân hà tăng đảo dị hương nhân.

Mọi người đều chỉ vào hoa mai báo tin xuân đến

Nhưng xuân nào có đến với người khác quê đâu.

(*An Huy đạo trung*)

Thanh Hiên thời trai trẻ từng ôm ấp mộng cảm thư, “*chàng trai Nguyễn Du buổi bình minh của cuộc đời cũng đã rất xông xáo dần thân*” (Lê Thu Yến). Thế nhưng sau những biến động to lớn, đường công danh lận đận, mộng hiệp khách tan tành, thi nhân chán chường chỉ biết cúi đầu than dài “*Sinh vị thành danh thân dĩ suy*” (Sống chưa làm danh gì tấm thân đã suy yếu - *Tự thán 1*). Trong thơ ông, có một đêm xuân nào nùng, tuyệt vọng với trăm mối u hoài không thể nào vơi (*Bách chủng ư hoài vị nhất sự*) về thế cuộc, công danh:

Anh hùng tâm sự hoang tri sính

Danh lợi doanh trường lụy tiểu tân

Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo

Đoàn Thành thành hạ nhất triêm cân.

Tâm sự anh hùng đã nguội lạnh chẳng còn màng đến chuyện rong ruổi:

Đường danh lợi lụy đến cả chuyện khóc cười

Người cứ tiêu tụy dần, xuân thì cứ tươi đẹp

Dưới chân Đoàn thành nước mắt đầm khăn.

(*Xuân tiêu lữ thứ*)

Về cấu trúc ngữ pháp, chữ “xuân” trong nhiều bài thường kết hợp với một yếu khác để tạo thành từ/cụm chính phụ mà trong đó “xuân” lại là yếu tố phụ. Chẳng hạn như “xuân vân” (mây xuân), “xuân vũ” (mưa xuân), “xuân hứng” (cảm hứng mùa xuân), “xuân thụ” (cây màu xuân), “xuân túy” (cơn say mùa xuân), “xuân quang” (phong cảnh sáng đẹp mùa xuân)... Như vậy, chữ “xuân” xuất hiện ít lại có vai trò phụ trong nhiều trường hợp càng khắc họa sâu sắc hơn nỗi trống trải, lạnh lẽo trong tâm hồn nhà thơ. Xuân không đến cho nhà thơ chút ít niềm vui đã dành mà

đường như có mùa xuân, thi nhân càng thấy mình lẻ loi, sầu muộn. Và nói như Lê Đình Kỵ trong *Truyện Kiều và chủ nghĩa hiện thực* “thơ chữ Hán (của Nguyễn Du), ít có bài nào có thể coi là thanh thoát, u nhàn”.

3.2

Tổ Như trong thơ chữ Hán mang nhiều nỗi niềm thất vọng, chán chường, bi quan nhưng điều đáng quý ở chỗ thi nhân không rơi vào vô vọng, bi lụy. Xuân trong thơ chữ Hán của ông mang đầy tâm trạng như nhà thơ nhưng chưa đến mức vô hồn, khắc nghiệt. Trong thơ chữ Hán, cũng có đôi lúc nhà thơ tự bước ra khỏi dòng tâm trạng đặng đặng u sầu để vui đùa với láng giềng, bè bạn, vui thú câu cá sẵn hươu để quên đi nhân tình thế sự và cho vơi bớt nỗi lòng. Xuân cũng vì thế mà nhiều khi cũng trở nên tươi mát hơn.

Đó là cảnh xuân về ấm áp sau những ngày rét lạnh kín cửa then cài (*Hoạn khí kinh thời hộ bất khai*) với ông bạn già hàng xóm quanh quần bên miếu thôn say khướt quên cả lối về làm nhà thơ phần chần chừ rồi thốt lên “*Quỳnh Hải xuân tòng hà xứ lai*” (Quỳnh Hải xuân từ đâu về trải khắp nơi) dù đang là kẻ tha hương trong bài *Xuân nhật ngẫu hứng*.

Hay đó là bức tranh mùa xuân rộn ràng, nhộn nhịp của các thuyền chợ hội họp (*Xuân nhật thương thuyền họp*) trên dòng sông Phú Nông đã khiến cho nhà thơ, người qua đây cũng dạt dào cảm xúc:

Du khách vô hạn cảm

Phương thảo biến thiên nhai.

Khách qua cảm xúc vô cùng

Chân trời xa tít một vùng cỏ thơm.

(*Độ Phú Nông giang cảm tác*)

Đối với tâm hồn mang nhiều suy tư, u ẩn, bị tổn thương quá nhiều của thi nhân, xuân như làn nước mát xoa dịu, làm cho hồi sinh lại. Nhà thơ tìm đến xuân, hòa mình vào mùa xuân là để quên đi hết những phiền muộn, trút bỏ hết những ưu tư, mặc cho sự đời đảo điên bằng cách thưởng thức rượu xuân chốn lầu ngọc (Bồ đào xuân túy ngọc lầu nhân - *Đại nhân hý bút*); tìm về với núi rừng thôn dã, với cuộc sống thanh bình giữa ngày xuân có trẻ mục đồng gõ sừng trâu nơi đồng hoang lúc chiều xuống, có các cô thôn nữ kéo gàu múc nước giếng ngọc:

Mục nhi giác chủy hoang giao mộ

Cấp nữ đồng liên ngọc tỉnh xuân.

(Sơn thôn)

Đi săn, coi hươu hoẵng như là bạn thân nơi sơn cước có mây xuân vờn kín lối đi (*Xuân vân mãn kính quần mi lộc* - Tặng nhân)... Cho nên nhìn nhận lại những gì đã qua, nhà thơ chợt giật mình tiếc nuối vì đã để thời xuân qua đi một cách phung phí: “*Phao trịch xuân quang thù khả liên*” (phung phí thời xuân thật đáng tiếc - Mộ xuân mạn hứng).

Trong trường hợp này, tác giả thường để danh từ “xuân” kết hợp với tính từ có sắc thái dương tính để chỉ mùa xuân tươi tốt (“xuân nghiên”, “xuân tự hảo”); những từ “xuân sắc”, “xuân hứng” được sử dụng nhiều hơn cũng góp phần thể hiện tâm trạng tươi mới, dạt dào của một tâm hồn đa cảm, nhạy cảm.

4 Có thể nói, Nguyễn Du vĩ đại trước hết bởi *Truyện Kiều*. Nhưng bên cạnh *Truyện Kiều*, *Văn chiêu hồn*, “*còn một tòa lâu đài nữa*”, đó là ba tập thơ chữ Hán, nói như Mai Quốc Liên, “*Truyện Kiều là ‘diễn âm’, ‘lỡ tay’ mà thành kiệt tác, còn thơ chữ Hán mới đích thực là ‘sáng tác’, nên xem nó là phát ngôn viên chính thức của Nguyễn Du [...] Thơ chữ Hán Nguyễn Du là những áng văn chương nghệ thuật trác tuyệt, ẩn chứa một tiềm năng vô tận về ý nghĩa. Nó mới lạ và độc đáo trong một nghìn năm thơ chữ Hán của ông cha ta đã đành, mà cũng độc đáo so với thơ chữ Hán của Trung Quốc nữa*”.

Thơ xuân trong sáng tác bằng chữ Hán của Nguyễn Du là một nét độc đáo như vậy. Ta không gặp nhiều những vần thơ xuân tươi vui, phấn khởi mà chủ yếu trong thơ chữ Hán của Tổ Như là những bài thơ xuân u buồn, dồn nén nhiều tâm trạng, chất chứa biết bao nỗi niềm không thể nói ra. Nguyễn Du tự nhận mình là người trước lúc chết vẫn còn lo mãi chuyện ngàn năm (*Thiên tuế trường ưu vị tử tiền* - Mộ xuân mạn hứng), thường một mình ngồi ngẫm khóm trúc trước sân mà chẳng nói năng gì (*Vô ngôn độc đối đình tiền trúc* - Ký hữu). Trong thơ chữ Hán, Tổ Như hiện ra là con người triển miên trong lo âu, buồn bã, u hoài. Cõi lòng lạnh giá ấy xâm chiếm trong thơ, lan sang cả những vần thơ xuân. Ngày nay, đọc lại thơ xuân của ông, ta không khỏi ám ảnh nhiều điều, cảm thương cho con người tài hoa suốt đời mang nhiều tâm sự. Đọc thơ xuân của Tổ Như, ta hiểu thêm về ông, đồng cảm với người tự xem mình mang nỗi oan phong vận lạ lùng (*Phong vận kì oan ngã tự cư* - Độc Tiểu Thanh ký) và khóc cùng ông với những nỗi đau nhân thế mà thi nhân đã đau đời viết ra. ■

Tài liệu tham khảo:

1. Thiều Chửu (*tái bản lần thứ năm*, 2011), *Hán Việt tự điển*, Nxb Thanh Niên, H.

2. Nguyễn Thạch Giang, Trương Chính (*biên khảo và chú giải*, 2000), *Nguyễn Du tác phẩm và lịch sử văn bản*, Nxb TP.HCM.

3. Mai Quốc Liên (chủ biên, 1996), *Nguyễn Du toàn tập*, tập 1, Nxb VH, H.

4. Nguyễn Lộc (*tái bản lần thứ năm*, 2004), *Văn học Việt Nam (Nửa cuối cuối thế kỷ XVIII-hết thế kỷ XIX)*, Nxb GD, H.

5. Lê Thu Yến (1999), *Đặc điểm nghệ thuật thơ chữ Hán Nguyễn Du*, Nxb Thanh Niên, H.



Tản mạn về kinh Đại thừa¹

VŨ THẾ NGỌC

Trong truyền thống Phật giáo Đại thừa, kinh *Viên Giác* luôn luôn được các bậc cổ đức kính trọng. Đặc biệt, đối với Hoa Nghiêm tông và Thiền tông, kinh *Viên Giác* là một khóa bản căn yếu mà mọi người trong tông môn đều tham học. *Viên Giác kinh* là tên ngắn gọn của bộ kinh *Đại Phương quảng Viên Giác Tu-đa-la Liễu nghĩa kinh*, tuy không có bản Phạn ngữ nhưng có tên Phạn văn là *Mahāvaiṣṭyapūrṇa-Buddhasūtra-Prasannārtha-Sūtra*² được dịch ra Hán văn lần đầu tiên vào năm 647 và bản dịch Hán văn chúng ta hiện có là bản dịch của Buddhatrāla (Giác Cứu) người Kashmir (Kế Tân) dịch vào năm 693. Kinh này không có nguyên bản Sanskrit và cũng không có bản dịch chữ Tây Tạng ngoài bản

Hán ngữ, nên đã bị coi là kinh giả do các đại sư người Trung Hoa tạo ra³. Nên ghi nhận truyền thống làm giả của người Hoa từ kinh sách đến đồ vật thường dụng đã có rất lâu đời⁴.

Việc phê bình kinh Đại thừa không phải là chính kinh Đức Phật tuyên giảng, không phải là nhận định mới. Trong quá khứ từng có trào lưu “khảo chứng” nhằm vào *toàn bộ* kinh tạng Phật giáo Đại thừa. Lý do căn bản của nghi vấn này là câu hỏi tại sao kinh Đại thừa chỉ xuất hiện hơn năm trăm năm sau khi Đức Phật nhập diệt và không có mặt trong cả ba kỳ kiết tập kinh điển trước đó trong lịch sử⁵. Các nhà Phật học Đại thừa xưa nay đã có nhiều giải thích.

1. Trước hết là các giải thích chỉ dựa vào đức tin hay

huyền thoại. Đó là các giải thích như truyền thuyết ngài Long Thọ (Nāgārjuna, thế kỷ thứ hai) xuống Long cung lấy kinh Đại thừa về, hay ngài Vô Trước (Asanga, thế kỷ thứ tư) lên tận cung trời Đâu Suất thỉnh Bồ-tát Di-lặc xuống trần giáo hóa để được ngài ghi chép thành các luận để, thành hình giáo lý Duy Thức tông (yogācāra) v.v.

2. Sau đó là đến giai đoạn của lý luận chủ quan. Đó là giải thích cho rằng chính Đức Phật đã giảng nhiều loại giáo lý tùy theo căn cơ thính chúng hoặc vì trình độ người nghe cũng khác biệt nên có người nghe thông tuệ hiểu sâu hơn kẻ phàm phu. Vì vậy những kinh Đại thừa đã được giữ gìn đặc biệt, chỉ giao truyền cho một nhóm đệ tử ưu tú nào đó, và chỉ được phổ biến khi gặp thời gian thích hợp (nên không có mặt trong ba kỳ tập kết kinh điển).

3. Cuối cùng, khi lý thuyết về Tam thân (trikāya) thành hình vững chãi từ thế kỷ thứ tư thì vấn đề kinh điển Đại thừa có một cơ sở riêng để giải thích. Theo thuyết Tam thân này thì Đức Phật lịch sử duy nhất, tức Đức Phật Thích-ca Mâu-ni mà chúng ta biết, cũng chỉ là một ứng thân (nirmākāya) của Pháp thân Phật. Pháp thân (dharmakāya) được hiểu như là một thể tính thanh tịnh chân thật của Phật. Theo đó, Pháp thân mới là nguyên lý, đó là Phật Pháp (Buddha-Dharma)⁶ mà chính Đức Phật Thích-ca Mâu-ni lúc còn tại thế giảng dạy. Khi nhìn nhận Đức Phật Thích-ca lịch sử chỉ là một ứng thân trong muôn ngàn ứng thân của Pháp thân, thì giáo lý Đại thừa cho thấy Phật có vô số ứng thân và xuất hiện khắp nơi trong mọi thời gian và không gian. Muôn vạn các ứng thân này chiếu hiện trong mọi hoàn cảnh chỉ vì theo lòng từ bi với mục đích giáo hóa chúng sinh. Từ quan điểm Tam thân này mà các kinh Đại thừa xuất hiện trong thời gian vô tận và có vô tận thế giới với vô số Phật và Đại Bồ-tát. Với lập cước này thì vấn đề giải thích sự xuất hiện muộn màng của kinh điển Đại thừa coi như đã được giải quyết, ít nhất là trên quan điểm giáo lý riêng của Phật giáo Đại thừa⁷.

Nhưng ngay cả trước khi thuyết Tam thân được phổ biến và trở nên một lập cước chung của Phật giáo Đại thừa để giải thích cho câu hỏi về nguồn gốc của các kinh điển Đại thừa, thật ra các nhà tu tập Phật giáo cũng không bận tâm chú ý đến nguồn gốc kinh điển. Đối với họ, đức tin mới là một thắng đức cao cả, niềm xác tín vào “như thị ngã văn”⁸ là đủ. Các thắc mắc về nguồn gốc kinh điển Đại thừa thường chỉ là ý kiến của các nhà nghiên cứu ngoại đạo⁹ hay các tông môn Phật giáo không phải Đại thừa. Trong các kinh Đại thừa, không phải chỉ có một mình Đức Phật giảng pháp mà còn nhiều cư sĩ khác giảng pháp như kinh *Duy-ma-cật*, hay kinh *Thăng Man*. Nên biết, ngay cả kinh *Diệu Pháp Liên Hoa* 妙法蓮華經¹⁰ (được Đại thừa tôn là vua của các kinh) Đức Phật chỉ giảng duy nhất phẩm “Như Lai Tùy Hảo Quang Minh Công Đức”; còn lại, toàn bộ kinh *Pháp Hoa* này chỉ là những bài Pháp thoại của các Bồ-

tát khác. Và phổ biến hơn nữa là *Bát-nhã Tâm Kinh*¹¹ mà hằng triệu Phật tử Á Đông tụng đọc hằng ngày cũng không phải do Đức Phật Thích-ca giảng dạy.

Tuy nhiên khi các hành giả Đại thừa không thắc mắc về nguồn gốc kinh điển của mình, họ không thờ ngầy hay mê tín, vì điều quan trọng nhất đối với họ là *thực chứng* những gì đã được dạy trong kinh (theo nguyên lý Tứ Y Pháp 四衣法 đã nói rõ trong luận *Đại Trí Độ*¹²). Sự thực là có quá nhiều kinh điển trong Tam tạng, mà chỉ đọc không thôi cũng chưa từng có người có khả năng đọc hết. Cũng lại có quá nhiều pháp môn tu tập (như thành ngữ “tám vạn bốn ngàn pháp môn”¹³ mà chúng ta thường nghe); cho nên, trong thực tế các hành giả cũng chỉ tu tập theo một pháp môn mà chính thầy của họ giao truyền, hay chính họ tự thấy thích hợp và *thực chứng được trong việc tu tập*¹⁴. Thiền tông, tông môn phát triển sau cùng của Đại thừa, còn đồng đặc tuyên thuyết “bất lập văn tự” chẳng cần căn cứ vào kinh điển, tự nhận là “giáo ngoại biệt truyền” với pháp môn tu tập “trực chỉ nhân tâm, kiến tính thành Phật”. Cho nên các thiền đường đầu tiên cũng không tụng kinh hay trưng bày ảnh tượng Đức Phật. Thực ra, tư tưởng lập cước của Thiền tông không phải quá mới lạ¹⁵. Trong truyền thống Đại thừa, kinh điển vẫn nhiều lần khẳng định chính kim ngôn của Đức Phật cũng chỉ được coi là *ngón tay chỉ trăng* (kinh Pháp Hoa), *cuối cùng cũng cần phải buông bỏ cả kinh* (kinh Kim Cương Bát-nhã). Ngay trong truyền thống Nam tông, kinh điển Pāli cũng thường nhắc lại lời dạy “qua sông bỏ bè” (kinh *Tăng nhất A-hàm*) và nhắc lại chính Đức Phật đã răn dạy Phật tử đừng mù quáng tin ngay lập tức lời dạy của “tập tục văn hóa, truyền thống lịch sử, kinh điển thánh nhân” và dĩ nhiên cả những lời Phật thuyết pháp. Cho nên Đức Phật khuyến cáo mọi người đều phải cẩn trọng so sánh phân tích kỹ lưỡng “như người thợ vàng để thử vàng thật, phải dùng đá mài để thử, dùng dao gọt để thử, dùng lửa để thử”.

Tóm lại, chúng ta nên biết kinh luận Phật giáo không phải được giao truyền chỉ vì đức tin mà vì thực chứng của các bậc thầy bậc tổ trong quá khứ. Điều quan trọng, như các bậc cổ đức đã nói, “tranh vẽ thực phẩm dù rất nhiều, dù rất khéo nhưng không thể làm no bụng”. Cơ bản thực chứng cuối cùng chính là sự *tự thẩm định* của từng cá nhân trong quá trình tu học của chính mình. Cho nên, ngay một nhà khoa học nghiên cứu Phật học Tây phương danh tiếng hiện đại như Edward Conze cũng từng viết “Mặc dù bạn có thể bị hấp dẫn vô cùng vì triết lý sâu viễn của đạo Phật, nhưng bạn chỉ có thể thấu hiểu được giá trị của nó trong đời sống hằng ngày của bạn”¹⁶. Cũng chính trong thời gian ông đã nghỉ hưu nhưng vẫn nhận hướng dẫn cho người viết này với lời răn bảo “Người thuần túy nghiên cứu (Phật học) nếu không có được kinh nghiệm thực chứng thì sự thành thạo văn bản từ a tới b của anh chỉ có thể là một người



sưu tầm kinh sách thế thời¹⁷. Người học Phật phải tu học trong ánh sáng trí tuệ, nhưng cuối cùng mọi tri thức cao viễn của Phật học phải đi đôi với kinh nghiệm thực chứng¹⁸.

Đạo Phật lại càng không phải là tôn giáo đặt trọng tâm vào đức tin của giáo điều. Tất cả các pháp môn dù Bắc truyền hay Nam truyền, Thiền Tịnh Mật hay Nguyên thủy đều lấy giáo lý vô ngã vô thường và duyên khởi là trung tâm; nên trên cơ bản giáo lý, không có tông môn nào là tôn giáo tín điều¹⁹. Trong khi đó người ta thấy rõ là bên cạnh các khác biệt, phần cốt lõi căn bản của tất cả các tông môn thì không khác gì nhau (như giáo lý Duyên khởi, Tứ diệu đế, Bát chánh đạo, Tam pháp ấn²⁰). Cho nên ngày nay các Phật học viện từ Nhật Bản đến Tích Lan, từ Ấn Độ đến Hoa Kỳ đều dạy đủ về giáo lý các tông môn. Nghiên cứu văn bản vẫn là một môn học chuyên môn có người theo học, nhưng nguồn gốc kinh điển Đại thừa không còn là đề tài tranh luận quan trọng.

Vì thế, điều mà giới nghiên cứu khảo chứng vừa qua thì không còn đặt vấn đề về cội nguồn của kinh điển Đại thừa nữa, mà đặt nghi vấn vào các quyển kinh chỉ có văn bản bằng chữ Trung Hoa (Hán văn), nên gọi là vấn đề “Ngụy kinh Phật bằng tiếng Hoa” (*Chinese Buddhist Apocrypha*). Các khảo chứng thường chỉ đặt vấn đề với các kinh luận bằng chữ Trung Hoa không có bản Phạn ngữ và cũng không có cả bản dịch tiếng Tây Tạng hay bất cứ một ngôn ngữ nào khác²¹. Nhiều nghiên cứu đã chứng minh trên văn bản một số kinh này chỉ có thể do các đại sư người Hoa sáng tác trong một không gian và thời gian nhất định, chứ không thể xuất phát từ thực tế và không gian Phạn ngữ Ấn Độ.

Tuy nhiên theo quan điểm của Phật giáo Đại thừa thì ngay tác giả của những kinh luận này là người Trung Hoa hay Việt Nam thì cũng không có gì ngạc nhiên. Người viết từng thấy Phật tử người Hoa ở Quảng Châu

tụng *Pháp Bảo Đàn kinh* của Lục Tổ Huệ Năng người Lĩnh Nam như tụng các kinh Hoa ngữ dịch từ Phạn ngữ. Ngày nay dù người Việt có thể tụng *Lục thời sám hối* của vua Trần Thái Tông cùng với bài tụng kinh *Tâm kinh Bát Nhã* thì cũng không làm ai ngạc nhiên.

Vấn đề “ngụy kinh” đứng ra chỉ còn là vấn đề *chính danh* (gọi tên cho đúng) như trường hợp nổi tiếng và gây tranh cãi vừa qua về quyển luận nổi tiếng *Đại Thừa Khởi Tín Luận* không thể là tác phẩm của Mã Minh. Khi luận về “Đại Thừa Khởi Tín Luận” của Mã Minh (Asvaghosa) trong thời chân ngụy của luận này chưa được đặt ra và chứng minh, Thiền sư Hám Sơn thời nhà Minh Trung Hoa trong *Đại Thừa Khởi Tín Luận Trực Giải* cũng đã từng viết: “Quyển luận này y cứ vào hằng trăm bộ Đại thừa là do hóa thân Phật kiến lập, tức thật là quyền. Nay luận này tổng nhiếp quyền thừa qui về một cái thật, chủ ý muốn hiển tức quyền là thật, cũng là qui dẫn về biển Viên Dung...”. Nhận định của ngài Hám Sơn cũng không phải là nhận định chủ quan, luận *Đại Trí Độ* cũng đã viết từ trước: “*Phật Pháp không chỉ là những lời được nói ra từ miệng Đức Phật, mà còn là tất cả những ngôn từ chân thật, sâu xa và an lạc trong thế giới này*”²². Lời này cũng có thể được dùng để kết luận của tôi về giải thích chân giả của kinh *Viên Giác* và các bộ kinh Đại thừa khác. ■

Chú thích:

1. Vào đầu năm 2015 anh chị cựu sinh viên Phân khoa Khoa học Xã hội Đại học Vạn Hạnh trong mục giao lưu “cafevanhanh” có chuyển cho tôi một bài viết của một tu sĩ phê phán về kinh Đại thừa một cách rất kỳ lạ. Tu sĩ này là người được biết khá nhiều ở Việt Nam về đề tài này, và việc thắc mắc về kinh điển Đại thừa cũng là một đề tài rất cũ. Nhân việc xuất bản *Kinh Viên Giác Dịch Giảng* tôi có bài *tản mạn* này.

2. Ý ngay tên kinh cũng lập lại từ *sutra* hai lần (Tu đa la, Kinh).

3. Từ thế kỷ trước giới học giả đã có nhiều nghiên cứu về các kinh Phật ngụy tạo bàn thảo với các phương pháp khảo chứng khoa học, và cho đến nay vấn đề đã được tạm coi là có cơ sở để giải quyết. Xem Hayashiya Tomojiro, *Kyoroku Kenkyu*, Tokyo: Iwanami Shoten, 1940; Mochizuki Shinko, *Bukko kyoten seritsu-shi ron*, Kyoto: Hozokan 1946; *Gikyo Kenkyu*, Kyoto: Kyoto Daigaku Jinbun Kagaky Kenkyujo, 1976. Hiện nay trong Anh ngữ, có một tác phẩm bàn kỹ về các bản kinh Phật gọi là ngụy kinh do người Trung Hoa sáng tác là *Chinese Buddhist Apocrypha* của Robert Buswell. Từ *apocrypha* (偽經 ngụy kinh) thực ra là một từ quen thuộc trong giới nghiên cứu về Kinh Thánh Thiên Chúa giáo (Bible) lấy từ chữ Hy Lạp *apokruphos* chỉ các book (phẩm) có tính cách bí mật, được phát hiện ra khác với văn bản Kinh Thánh truyền thống. Trong Hán văn có hai từ tương đương là 異經 *iching* (dị kinh) và 偽經 *weiching* (ngụy kinh).

4. Xuất *Tam Tạng Tập Ký* 出三藏集記 (T.55. no. 2145, 1-114) của Tăng Hựu (僧祐 445-518) từng cho biết ngài Đạo An (道安 312-385) đã liệt kê 26 bản “dị kinh” và 175 quyển “kinh lạ” trong

số này có 143 bản dịch không có tên người dịch và không có nguyên tác Phạn văn. *Xuất Tam Tạng Tập Ký* còn ghi thêm 29 văn bản mà Tăng Hộ tìm ra và gọi là “ngụy kinh”.

5. Điển hình như bộ kinh *Đại Bát-nhã* với 600 quyển đã cần gần sáu thế kỷ để hoàn tất (từ thế kỷ thứ hai trước Tây lịch đến cuối thế kỷ thứ ba sau Tây lịch), tám mươi quyển kinh *Hoa Nghiêm* cũng trải qua quá trình hình thành rất dài.

6. “Phật Pháp” là từ đúng nghĩa và được dùng từ xưa, còn “Phật giáo” (Buddism) có lẽ chỉ dùng sau này vì ảnh hưởng “ism” của các từ Tây phương gọi Phật Pháp.

7. Mật tông, thường được coi là tông môn cuối cùng của Phật giáo Đại thừa, còn có nhiều kinh riêng của tông môn, trong quá khứ từng có những vị Theravāda lần Đại thừa cho các kinh Mật tông không chỉ là “ngụy kinh” mà còn gọi là “quỉ kinh” vì cho rằng có ảnh hưởng quá nhiều của đạo Bà-la-môn với các tư tưởng và nghi thức tu tập thực hành trái ngược với truyền thống Phật giáo. Nhưng dần dần tư tưởng Mật tông lại thâm nhập mạnh vào các tông môn Đại thừa cho nên một số kinh của Mật tông cũng được sắp vào Đại tạng kinh Phật giáo Đại thừa. Đến thế kỷ thứ VIII Mật tông đến Tây Tạng lại phối hợp văn hóa và tôn giáo bản địa (như đạo Bon một tín ngưỡng ma thuật) để dần dần tạo thành Kim Cương thừa *vajrayāna* có tính chất riêng của Tây Tạng phát triển trên giáo pháp Mật tông Ấn Độ với nhiều bộ kinh mới. Nhưng nên biết nhiều kinh của Kim Cương thừa cũng có nguồn gốc sớm hơn từ Ấn Độ. Từ thế kỷ thứ sáu đã có những kinh của Mật tông xuất hiện ở Ấn Độ cho thấy ngoài ảnh hưởng tư tưởng và nghi thức hành trì của Bà-la-môn giáo, tư tưởng Mật tông còn có ảnh hưởng từ các tôn giáo nhất thần (Thiên Chúa giáo, Hồi giáo, Bái Hỏa giáo...) có nguồn gốc từ Trung Đông (xem Edward Conze, *Buddhism Its Essence and Development* nxb Harper & Row, New York 1975 các trang 174-199). Trước đây tại các quốc gia theo Phật giáo Đại thừa và Theravāda thường có nhiều thông tin không tích cực về các giáo phái Mật tông Tây Tạng. Phật giáo có những biến dạng khi vào Tây Tạng, thì cũng như Phật giáo Đại thừa vào Trung Hoa chuyển thành Thiền tông, Tịnh Độ tông. Các tông môn Phật giáo đều có những nghi lễ và hình thức, kể cả các kinh luận khác nhau, nhưng nội dung căn bản không xa nhau. Nên hiểu rộng nghĩa “Đức Phật tùy bệnh mà cho thuốc”. Ngay khi tại thế Đức Phật đã khuyến cáo các đại đệ tử của Ngài đi xa giảng Phật pháp bằng ngôn ngữ địa phương.

8. *Evam srute mayā* 如是我聞 (Như thị ngã văn): “Như thế tôi nghe rằng”. Đây là câu mở đầu của hầu hết các kinh của Đại thừa lẫn Theravāda, theo giáo học thì đây là lời của ngài A-nan, thị giả của Đức Phật, người được coi là có trí nhớ vô song, trùng tuyên lại các bài nói pháp của Đức Phật trong đại hội kết tập kinh điển lần thứ nhất ngay sau ngày Đức Phật nhập diệt. Lễ dĩ nhiên trong kỳ kết tập này chư Tăng chỉ cùng tụng và tự ghi nhớ chứ chưa ai viết xuống và sau nhiều thế kỷ các kinh văn chỉ là truyền khẩu (cũng vì thế các kinh Phật ngày nay thường ở dạng kệ (ārya meter) thì cũng chỉ là một hình thức văn vần cho dễ nhớ). Kinh điển Phật giáo Theravāda cũng chỉ được viết xuống bằng chữ Pāli nhiều thế kỷ sau ngày Đức Phật nhập diệt. Tóm lại, với không gian và thời gian như thế

không thể nào có bất cứ quyển kinh ngày nay chúng ta đang có là “y nguyên” lời Đức Phật đã giảng dạy, và chắc chắn Đức Phật không nói tiếng Pāli hay Sanskrit.

9. Từ “ngoại đạo” trong Phật học chỉ có nghĩa là “ngoài Phật giáo” chứ không có nghĩa nặng nề như trong truyền thống tôn giáo tây phương “ngoại đạo” luôn luôn ám chỉ có nghĩa là mọi rợ, ma quỉ (pagan, infidel).

10. *Đại Chính Tân Tu Đại Tạng Kinh* (T.10).

11. *Tâm kinh Bát-nhã* (Māhaprajñāpāramitā Hrdaya Sutra) là Pháp ngữ của Bồ-tát Quán Tự Tại Quan Thế Âm (*Avalokitesvara*).

12. Tứ Y Pháp (四依法): 1. *Y pháp bất y nhân* (theo Pháp chứ không theo người), 2. *Y liễu nghĩa kinh bất y bất liễu nghĩa kinh* (theo kinh liễu nghĩa chứ không theo kinh chưa liễu nghĩa), 3. *Y nghĩa bất y ngữ* (theo nghĩa lý chứ không theo ngôn tự), 4. *Y trí bất y thức* (theo trí tuệ chứ không theo sự hiểu thông tục).

13. Câu “Tám vạn bốn ngàn pháp môn” thực ra lại có nguồn gốc trong kinh điển Nam tông. Nên biết trong kinh sách văn hóa Ấn Độ các từ “bát vạn tứ thiên” hay “hàng hà sa số” chỉ là cách diễn tả “số nhiều” giống như từ “thập” trong văn hóa Trung Hoa có nghĩa là “hoàn toàn” chứ không có nghĩa con số 10.

14. Một đại quan đến hỏi một thiền sư danh tiếng: “Cốt tủy của lời Phật dạy là gì?” Sư trả lời: “Tránh các điều ác, làm điều lành, đó là tất cả lời Phật dạy” (vốn là một kệ quen thuộc trong kinh Pháp Cú *dharmapada*). Vị đại quan ngạc nhiên nói tiếp: “Câu nói đó trẻ tám tuổi cũng biết, có gì lạ đâu?” Sư đáp: “Trẻ tám tuổi nói được, nhưng người già tám mươi làm không được.” Truyện khác kể, ngài Đại Mai sau khi đắc pháp với Mã Tổ Đạo Nhất liền vào rừng sâu tu tập. Nhiều năm sau có người đến hỏi: “Đại sư được gì nơi Mã Tổ?” Ngài trả lời “Tổ dạy *Tức tâm tức Phật*. Bần tăng đã ngộ ra lời đó và tu theo đó.” Người hỏi nói: “Bây giờ tổ lại dạy rằng *Vô tâm vô Phật*.” Ngài Đại Mai trả lời “Kệ cho ông già trào lộng vô tâm vô Phật với thiên hạ. Bần tăng chỉ biết tức tâm tức Phật.” Người đi hỏi về thưa lại với Mã Tổ. Tổ tán thán: “Trái mạn lớn đã chín rồi!” Vũ Thế Ngọc, *Vô Môn Quan*, Eatwest Institute 1988, tr.82.

15. Xem Vũ Thế Ngọc, *Nghiên Cứu Lục Tổ Đàn Kinh*, sđd, để thấy sự thực bốn lập cước của Thiền tông đã có nguồn gốc sâu xa trong kinh Phật.

16. Vũ Thế Ngọc, *Trí Tuệ Giải Thoát*, sđd, tr.391.

17. Ibid, tr.298.

18. Đó là lý do căn bản tại sao các bậc cổ đức gọi thời nay là “thời mạt pháp”.

19. Lễ dĩ nhiên trong thời “mạt pháp” sau này nhiều pháp môn Phật giáo lại trở nên cực kỳ giáo điều (dogmatic) không khác các tôn giáo Trung Đông, mặc dù người học Phật ai cũng nhớ đến lời Đức Phật dạy trước khi nhập Niết-bàn “Hãy tự thấp xuống mà đi”.

20. Tam Pháp ấn: Ba khía cạnh đặc biệt riêng của Phật giáo: vô thường, vô ngã, khổ là ba giáo pháp khác hẳn tất cả các giáo lý của Ấn Độ ngày đó và cả các giáo lý tôn giáo khác ngày nay.

21. Nguyên tắc này cũng là nguyên tắc chung áp dụng cho tất cả các kinh luận. Thật ra tất cả kinh Phật chỉ được viết xuống sau khi Đức Phật nhập diệt nhiều trăm năm.

22. Long Thọ, *Đại Trí Độ luận* T.25, 66b2.



Ảnh: Diệu Hương

Thừa hưởng nguồn nước công đức

NGUYỄN LỘC

Từ bao đời nay, các thế hệ người Việt luôn thể hiện một tập tục văn hóa thật hay và thật đẹp. Đó là đi lễ chùa vào những ngày đầu năm. Rất đẹp và rất thiêng liêng, truyền thống đến chùa lễ Phật đầu năm. Năm mới mà đến với Phật thì quanh năm sẽ luôn luôn có Phật ở trong lòng, được Phật hộ cho ăn ở hiền hòa, được Phật độ cho muôn điều tốt lành! Đó là quan niệm quy ngưỡng Phật môn của các thế hệ người Việt.

Quan niệm quy y Phật để ăn ở hiền lành, để xây dựng mái ấm hạnh phúc gia đình, để giữ cho xóm làng yên vui hiền hòa từ lâu đã trở thành lễ sống thân thương của cư dân đất Việt. Nhờ biết quay về nương

tựa Phật, biết ăn hiền ở lành theo lời Phật dạy nên các thế hệ người Việt sống hạnh phúc, tạo lập cuộc sống gia đình đầm ấm, dựng xây quê hương thái bình. Một quan niệm hay được chú ý vận dụng lâu ngày thì thành ra truyền thống, tạo nên một lễ sống mang tính cộng đồng. Lễ sống nương theo Phật để ăn ở hiền lành ấy của người Việt đã tạo nên một cuộc sống thanh bình hiền lương, dệt nên một xứ sở thái bình hiền hòa:

*Quê tôi có gió bốn mùa,
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm...*

*Rủ nhau xuống bể mò cua,
Lên non hái củi về chùa nghe kinh...*

*Lên chùa lạy Phật quy y,
Cầu cho kẻ ở người đi an lành...*

Nhân những ngày thu thái đầu năm, chúng ta thử chiêm nghiệm lại những lời Phật dạy về ý nghĩa quy y Tam bảo để hiểu rõ vì sao tổ tiên ông bà của chúng ta trước đây đã sớm tìm đến cửa Phật, một lòng quy y tin tưởng Phật, quyết tâm ăn ở hiền lành theo lời Phật dạy, lập nên một truyền thống mền chuộng Phật pháp để tạo thế phúc đức cho con cháu muôn đời về sau.

Theo lời Phật thì quy y Tam bảo – Phật-Pháp-Tăng – tức là phát tâm học theo hạnh giác ngộ của Phật, phát tâm sống theo pháp giác ngộ của Phật, phát tâm noi theo gương đức hạnh của chư Tăng đệ tử Phật để sửa đổi bản thân, ăn ở hiền lành, tu nhân tích đức, được thể hiện cụ thể qua việc phát nguyện thọ trì năm giới cấm, tức từ bỏ sát sanh, từ bỏ lấy của không cho, từ bỏ tà hạnh trong các dục, từ bỏ nói láo, từ bỏ uống rượu. Đây chính là ý nghĩa thiết thực của việc quy y Tam bảo, tức nương theo Phật-Pháp-Tăng để tu dưỡng bản thân, phát huy nếp sống đạo đức hiền thiện. Đức Phật gọi nếp sống quy ngưỡng Tam bảo và thọ trì năm giới cấm như vậy là sự tắm mình trong tám nguồn nước công đức, tám nguồn nước thiện, đưa đến hạnh phúc an lạc lâu dài cho con người.

Chúng ta nghe nguyên văn lời Phật dạy: “Này các Tỳ-kheo, có tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc. Thế nào là tám?”

Ở đây, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Phật. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ nhất, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Pháp. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ hai, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử quy y Tăng. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ ba, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận sát sanh, từ bỏ sát sanh, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tư, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận lấy của không cho, từ bỏ lấy của không cho, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ năm, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận tà hạnh trong các dục, từ bỏ tà hạnh trong các dục, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ sáu, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận nói láo, từ bỏ nói láo, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ bảy, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Lại nữa, này các Tỳ-kheo, Thánh đệ tử đoạn tận đắm say rượu men, rượu nấu, đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại. Này các Tỳ-kheo, đây là nguồn nước công đức thứ tám, là nguồn nước thiện ... dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.

Này các Tỳ-kheo, tám nguồn nước công đức này, là nguồn nước thiện, món ăn cho an lạc, làm nhơn sanh Thiên, quả dị thực an lạc, đưa đến cõi trời, dẫn đến khả ái, khả hỷ, khả ý, hạnh phúc, an lạc.”

Trên đây là lời Phật nói về tám nguồn nước công đức hay tám nguồn nước thiện, đưa đến hạnh phúc an lạc cho con người. Rõ ràng, tám nguồn nước công đức mà Đức Phật đã nói đến trong bài kinh của Ngài không gì khác là tám hạnh lành của người con Phật, đặt nền móng cho nếp sống đạo đức hạnh phúc của cá nhân, đồng thời cũng là nền tảng của đời sống hạnh phúc gia đình và ổn định xã hội. Điểm lại từng lời Phật dạy, chúng ta sẽ thấy rõ ý nghĩa và giá trị thiết thực của nếp sống quy y Tam bảo và thọ trì năm giới cấm mà Đức Phật khuyên nhắc mọi người nên dốc tâm thực hành để xây dựng hạnh phúc an lạc cho chính mình, cho gia đình mình, cùng lúc góp phần vào việc dựng xây một xã hội trong sáng và hiền thiện.



Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ nhất là quy y Phật, có nghĩa là quay về sống với bản tính giác ngộ, sáng suốt và chân thực vốn có của chính mình.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ hai là quy y Pháp, tức là quay về với Chánh pháp, quay về với giáo pháp giác ngộ của Phật, lấy Chánh pháp làm lẽ sống, dùng Chánh pháp làm ngọn đèn soi sáng các hành vi vi diệu thuộc thân, miệng, ý của chính mình.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ ba là quy y Tăng, nghĩa là quay về học tập và sống theo Thánh hạnh hay đạo hạnh cao quý giống như chư vị xuất gia.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ tư là từ bỏ sát sanh, tức thể hiện sự hiểu biết và tình thương yêu bằng cách tôn trọng sự sống và môi trường sống của muôn loài chúng sinh.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ năm là từ bỏ lấy của không cho, tức là sống với tâm chân thật, không tham lam trộm cắp, thể hiện lòng tôn trọng sở hữu và quyền sở hữu của người khác.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ sáu là từ bỏ tà hạnh trong các dục, tức từ bỏ lòng ham muốn dục vọng bất chính, thực thi nếp sống hôn nhân thủy chung, tôn trọng hạnh phúc hôn nhân và hạnh phúc gia đình của người khác.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ bảy là từ bỏ nói láo, tức là sống chân thực, không vọng ngôn, không dối gạt người khác, thể hiện lời nói chân thực, không nói lời sai trái, nói đúng sự thật, không nói láo vì động cơ này hay động cơ khác.

Hạnh lành hay nguồn nước công đức thứ tám là từ bỏ các loại rượu men rượu nấu, tức là biết gìn giữ và nuôi dưỡng tâm thức tỉnh táo và sáng suốt, tránh xa các chất kích thích làm rối loạn và mê mờ tâm trí.

Như vậy, cứ theo lời Phật dạy thì một người mà biết quy y Tam bảo và tuân thủ năm giới cấm của Phật tức là người biết xây dựng hạnh phúc an lạc cho chính mình, đồng thời biết tôn trọng hạnh phúc an lạc của người khác; một người như vậy tức là có đủ đức năng tạo lập cuộc sống hạnh phúc gia đình, có đủ phẩm chất góp phần xây dựng xã hội trong sáng và hiền thiện. Người ấy thể hiện một nếp sống chân chánh hiền thiện – không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói láo, không uống rượu – đưa đến tự lợi và lợi tha, được xem là người “*đem cho không sợ hãi cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hận thù cho vô lượng chúng sanh, đem cho không hại cho vô lượng chúng sanh; sau khi cho vô lượng chúng sanh không sợ hãi, không hận thù, không hại, vị ấy sẽ được san sẻ vô lượng không sợ hãi, không hận thù, không hại*”. Nói khác đi, với nếp sống quy ngưỡng Tam bảo và gìn giữ năm giới cấm, người Phật tử không những biết cách xây dựng đời sống hạnh phúc an lạc cho chính mình mà còn tạo duyên lành cho nhiều người khác thiết lập cuộc sống hạnh phúc an lạc, thể hiện trách nhiệm cao quý của một người con Phật là luôn luôn sống với tâm niệm tự lợi và lợi tha, thực thi nếp sống đạo đức hiền thiện vì hạnh phúc cho chính mình và vì lợi lạc cho mọi người khác. Đây chính quả lành của nếp sống quy ngưỡng Tam bảo hay sự tàm mình trong tám nguồn nước công đức, tám nguồn nước thiện mà Đức Phật đã nói đến ở trong bài kinh của Ngài.

Nhìn chung, nếp sống nương theo Phật để sửa đổi bản thân, quyết tâm ăn ở hiền lành, nỗ lực tu nhân tích đức của cư dân đất Việt cứ lặng lẽ diễn ra từ thế hệ này sang thế hệ khác, đem lại không khí hạnh phúc đầm ấm cho từng mái nhà, sự yên vui hòa ái cho từng xóm làng; giống như tiếng chuông chùa lặng lẽ buông rơi mỗi ngày, thức tỉnh thiện tâm và lòng từ ái trong lòng mọi người vậy. Chính nếp sống hiền thiện ấy đã từng dệt nên một bức tranh thanh bình tuyệt đẹp cho quê hương xứ sở, xứng đáng cho các thế hệ con cháu người Việt chiêm ngạn và tự hào:

*Quê tôi có gió bốn mùa,
Có trăng giữa tháng có chùa quanh năm.*

Ngày nay, nhìn cảnh mọi người già trẻ gái trai tấp nập trong khuôn viên các ngôi cổ tự vào những ngày đầu xuân với lòng kính cẩn dâng hương lễ Phật, chúng ta lại thấy quý trọng chừng nào truyền thống tín ngưỡng Tam bảo mà tổ tiên ông bà của chúng ta đã lập nên để cho đến hôm nay các thế hệ con cháu người Việt chúng ta vẫn tiếp tục được tàm mình trong nguồn nước công đức, nguồn nước thiện mà hơn 2.500 năm trước Đức Phật đã từ trần khai thị cho chúng sanh, sau đó tổ tiên ông bà của chúng ta đã khéo tiếp thu và lưu truyền lại cho chúng ta. ■

Chú thích:

1. Kinh Nguồn nước công đức, *Tăng Chi Bộ*.

Chân Không Diệu Hữu trong kinh *Hoa Nghiêm*

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Thế giới *Hoa Nghiêm* là thế giới làm bằng hoa, được trang nghiêm bằng hoa. Thế giới chúng ta đang sống ở trong biển thế giới *Hoa Nghiêm*, hay biển thế giới *Hoa Tạng*, và biển thế giới *Hoa Tạng* thì đồng nhất với vũ trụ, pháp giới.

*Biển Hoa Tạng thế giới
Đồng pháp giới không khác
Trang nghiêm rất thanh tịnh
An trụ nơi hư không.*

(Phẩm *Hoa Tạng* thế giới, thứ 5)

Thế giới *Hoa Tạng* là y báo, tức là cảnh vật, môi trường, cõi nước của Phật bốn nguyên Tỳ-lô-giá-na (phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4; và phẩm *Hoa Tạng* thế giới, thứ 5). Còn chánh báo chính là Phật Tỳ-lô-giá-na (phẩm Tỳ-lô-giá-na, thứ 6). Thế giới *Hoa Tạng* là sự viên dung vô ngại của chánh báo và y báo của Phật Tỳ-lô-giá-na.

*Thân Phật khắp pháp giới
Khắp rưới những mưa pháp
Vô sanh, vô sai biệt
Thế gian hiện tất cả.
Mười phương vi trần cõi
Lưới sáng trùm khắp nơi
Ánh sáng đều có Phật
Khắp hóa độ quần sanh.
Thân Phật vô sai biệt
Đầy khắp nơi pháp giới
Đều khiến thấy sắc thân
Tùy cơ khéo điều phục.*

(Phẩm *Như Lai* hiện tướng, thứ 2)

Chánh báo viên dung vô ngại với y báo. Nói cách khác, Pháp thân là tánh Không vô ngại, được trang nghiêm bằng Sắc thân là Báo thân và Hóa thân. Cả ba thân ấy viên dung vô ngại với nhau, đến độ cả ba thân là một.

Người đã đi sâu vào “pháp giới thể tánh trí” (phẩm Thế giới thành tựu, thứ 4) như Bồ-tát Phổ Hiền thì thấy tất cả cõi là pháp giới *Hoa Tạng*:

*Trí huệ, công đức, biển rất sâu
Hiện khắp mười phương vô lượng cõi
Được thấy tùy theo các chúng sanh*

*Quang minh soi khắp chuyển pháp luân
Phật vô lượng kiếp đều nghiêm tịnh
Vi độ chúng sanh khiến thành thực
Xuất hiện tất cả các cõi nước
Phật cảnh rất sâu khó nghĩ bàn
Khắp dạy chúng sanh khiến được vào
Tâm họ nhỏ hẹp chấp hữu lậu
Chẳng thông đạt được cảnh giới Phật.
Nếu có lòng tin chắc, trong sạch
Thường được gần gũi thiện tri thức
Tất cả chư Phật hộ niệm cho.
Thế mới được vào Như Lai trí.*

Và pháp giới *Hoa Tạng* ấy ở trong thân của Bồ-tát Phổ Hiền:

*Tất cả cõi nước trong thân ta
Chư Phật cũng an trụ ở đó
Chúng nên xem các chân lông tôi
Nay tôi hiện bày cảnh giới Phật
Hạnh nguyện Phổ Hiền không bờ mé
Tôi đã tu hành được đầy đủ
Cảnh giới Phổ Nhân thân rộng lớn
Là cõi giới Phật, hãy nghe kỹ.*

(Thế giới thành tựu, thứ 4)

Thế giới *Hoa Tạng* gồm mười biển thế giới, trong đó, ngoài những “biển tất cả thế giới, biển tất cả pháp giới, biển tất cả chư Phật, biển tất cả pháp luân chư Phật, biển tất cả tam muội, biển tất cả nguyện lực của tất cả Như Lai, và biển thần biến của tất cả Như Lai”, còn có “biển tất cả chúng sanh, biển tất cả nghiệp chúng sanh, biển căn dục của tất cả chúng sanh”. Trong thế giới *Hoa Tạng* và thế giới chư Phật hoàn toàn thanh tịnh, còn có biển chúng sanh với nghiệp và căn dục, mà thế giới *Hoa Tạng* ấy vẫn không nhiễm ô. Sự phân biệt giữa chúng sanh và Bồ-tát, giữa sanh tử nghiệp báo và Niết-bàn thanh tịnh là sự phân biệt giữa tâm bất tịnh và tâm thanh tịnh. Nghĩa là cùng một pháp giới mà người thanh tịnh thì thấy thanh tịnh và người bất tịnh thì thấy ra bất tịnh và tạo nghiệp bất tịnh.

*Chúng sanh loạn đục bởi phiền não
Phân biệt, ưa thích chẳng phải đồng
Tùy tâm tạo nghiệp vô số kể
Tất cả biển cõi từ đây lập.
Bồ-tát thường tu hạnh Phổ Hiền*



*Du hành pháp giới vi trần đạo
Trong mỗi trần hiện vô lượng cõi
Rộng lớn thanh tịnh như hư không.*

(Thế giới thành tựu, thứ 4)

Thế nên, tất cả các pháp tu tâm trong kinh: định, quán, định-quán đồng thời, các ba-la-mật... là để đưa tâm bất tịnh trở về cõi nguồn vốn thanh tịnh của nó, đó là tích tập trí huệ. Còn tích tập công đức liên hệ nhiều hơn đến người khác và thế giới bên ngoài:

*Bồ-tát tu hành những biển nguyện
Khắp tùy chỗ chúng sanh mong muốn
Chúng sanh tâm tưởng rộng vô biên
Cõi nước Bồ-tát khắp mười phương
Bồ-tát thẳng đến Nhất thiết trí
Siêng tu các môn tự tại lực
Xuất sanh khắp vô lượng biển nguyện
Cõi nước rộng lớn đều thành tựu
Tu những biển hạnh rộng vô biên
Vào cảnh giới Phật cũng vô lượng
Thanh tịnh mười phương các cõi nước
Mỗi mỗi cõi trải vô lượng kiếp.*

(Thế giới thành tựu, thứ 4)

Tu hành *Hoa Nghiêm* là tu hành các định và quán để đi vào tánh Không và như huyễn (như phẩm Thập Định, thứ 27), các trí thông (Thập Thông, thứ 28), các nhãn (Thập Nhãn, thứ 29)... đó là sự tích tập trí huệ, và tu hành hạnh Bồ-tát theo Bồ-tát Phổ Hiền, đó là sự tích tập công đức. Càng lên cao, hai sự tích tập trí huệ và công đức càng hợp nhất.

Hai sự tích tập trí huệ và công đức đưa người tu đạo Bồ-tát vào thế giới *Hoa Tạng* Chân Không Diệu Hữu của Phật. Thế giới *Hoa Tạng* ấy thành tựu bằng trí huệ Chân Không và công đức Diệu Hữu của Phật.

*Chư Phật cảnh giới vô lượng môn
Tất cả chúng sanh chẳng vào được
Phật tánh thanh tịnh như hư không
Vi khắp thế gian khai chánh đạo.
Mỗi mỗi chân lông của Như Lai
Đầy đủ công đức như biển cả
Tất cả thế gian đều an vui
Thọ Quang vương đầy đã thấy được.*

(Thế chủ Diệu Nghiêm, thứ 1)

Chân Không Diệu Hữu của thế giới *Hoa Tạng* sâu rộng và vi tế cho đến mức độ vi trần và khoảnh khắc (niệm).

Những sự trang nghiêm trong ba thời

Trong trái ngọc sáng đều hiển hiện
Thế tánh vô sanh, không thể nắm
Đây là Như Lai tự tại lực.
Tất cả trang nghiêm mặt đất này
Đều hiện thân Như Lai rộng lớn
Đầy cũng chẳng đến cũng chẳng đi
Phật nguyện lực xưa đều khiến thấy.
Trong mỗi vi trần mặt đất này
Tất cả Phật tử đang hành đạo
Đều thấy rõ mình được thọ ký
Tùy theo ý nguyện đều thanh tịnh.

(Hoa Tạng thế giới, thứ 5)

Để có thể tương ưng, thấy và thâm nhập được thế giới *Hoa Tạng*, hay thế giới Chân Không Diệu Hữu, hay Trí huệ và Công đức Phật, tâm chúng ta phải tương ưng và thâm nhập tánh Không và được trang nghiêm bằng công đức tương tự như Bồ-tát Phổ Hiền.

Từ các Phật pháp mà sanh ra
Cũng từ nguyện lực của Như Lai
Chân Như bình đẳng tạng hư không
Pháp thân của ngài đã nghiêm tịnh.
Trong chúng hội tất cả cõi Phật
Phổ Hiền ở khắp nơi trong đó
Quang minh biển trí huệ công đức
Chiếu khắp mười phương đều được thấy.

...

Vào trong tất cả trần pháp giới
Thân ấy vô tận không sai khác
Ví như hư không đều toàn khắp
Diễn nói pháp Như Lai rộng lớn.
Quang minh của tất cả công đức
Rộng lớn như mây lực vi diệu
Du hành trong tất cả biển chúng sanh
Nói công hạnh Phật pháp vô đẳng.

(Phổ Hiền tam muội, thứ 3)

Tâm sáng sạch của Bồ-tát được ví như vàng, càng lên những địa cao thì vàng càng được tinh lọc thành tinh khiết. Điều này được nói trong phẩm Thập Địa thứ 28. Tâm như vàng càng sáng sạch thì càng thấy thế giới nghiêm tịnh vốn là vàng ròng. Thế giới *Hoa Tạng* hay Chân Không Diệu Hữu của Phật được ví như vàng ròng, vàng tinh khiết nhất, thuần túy nhất, tinh ròng nhất. Do đó trong một hạt bụi vi trần đều đầy đặc vàng:

Mười phương cõi rộng lớn
Ưc kiếp siêng tu hành
Đi trong Chánh biến tri
Biển tất cả các pháp.
Chỉ một thân bất hoại
Thấy trong mọi vi trần
Vô sanh cũng vô tướng
Hiện khắp trong các cõi.

...

Mười phương vô lượng Phật
Đều nhập một chân lông
Đều riêng hiện thần thông
Mắt trí xem thấy được.

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Trong mỗi sát-na, mỗi khoảnh khắc, mỗi niệm đều đầy đặc vàng:

Mười phương những quốc độ
Vô lượng vô biên Phật
Đều ở trong mỗi niệm
Đều riêng hiện thần thông.
Các Bồ-tát đại trí
Thâm nhập vào biển pháp
Phật lực thường gia trì
Biết được phương tiện ấy.
Nếu người đã an trụ
Các hạnh nguyện Phổ Hiền
Thấy những cõi nước kia
Thần lực của chư Phật.
Nếu có người tin hiểu
Cho đến các đại nguyện
Đầy đủ trí huệ sâu
Thông đạt tất cả pháp.
Có thể nơi thân Phật
Mỗi mỗi quan sát được
Sắc thanh không chướng ngại
Rõ thấu các cảnh giới.
Có thể nơi thân Phật
An trụ cõi trí huệ
Mau vào Như Lai địa
Bao trùm khắp pháp giới.

(Như Lai hiện tướng, thứ 2)

Với sự tích tập trí huệ và công đức khá đủ, chúng ta bước vào thế giới *Hoa Tạng* vốn đã nghiêm tịnh như vậy từ xưa nay, cũng tức là bước vào thế giới Chân Không Diệu Hữu của chư Phật.

Sự tích tập trí huệ và công đức của chúng ta thì quá nhỏ, nhưng chúng ta cần luôn luôn nhớ rằng sự tích tập ấy không phải là của riêng chúng ta, không phải là công phu của chúng ta. Trí huệ và công đức Phật đã có sẵn, đầy đủ, bằng sự thực hành của mình, đến lúc nào đó chúng ta chạm vào nó để thấy tất cả là mình, là của mình. Bởi vì thế giới Chân Không Diệu Hữu đó đã có sẵn, đã là Quả vốn đã viên thành, cho nên sự tu hành dù đối với chúng ta là trên nhân, thì nhân đó luôn luôn ở trong Quả Phật.

Bước vào pháp giới *Hoa Nghiêm* là nhờ sự chuyên cần tu hành, một ngày nào chúng ta thấy ra hạt cát của mình vẫn luôn luôn nằm trong vô số cát rục rờ của sông Hằng, thấy ra giọt nước đơn độc là cuộc đời mình luôn luôn và tự bao giờ vẫn nằm trong đại dương toàn khắp của chư Phật. ■



Kinh *Pháp Cú* và Hiến chương UNESCO

HOANG PHONG

Trong một bài viết ngắn của Michel-Henri Dufour, học giả người Pháp và cũng là một người tu tập theo Phật giáo Theravada, ông đã nêu lên một sự tương đồng khá lý thú giữa ý nghĩa của câu mở đầu trong Hiến chương của Tổ chức UNESCO (The United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization/Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hiệp Quốc) với câu thứ nhất trong kinh *Pháp Cú* (*Dhammapada*) ghi lại những lời giảng huấn của Đức Phật:

*Tâm thức khởi xướng đưa đến tất cả mọi hiện tượng,
Tất cả mọi hiện tượng đều bị chi phối bởi tâm thức, tạo
dựng bởi tâm thức.*

*Nếu một người nói năng và hành động không tinh khiết,
Thì khổ đau tất sẽ theo mình tương tự như cái bánh xe,
Lăn theo vết chân của con bò kéo xe.*

(Kinh Pháp Cú)

Chiến tranh phát sinh bên trong tâm thức con người.

Vì thế khả năng bảo vệ hòa bình,

cũng phải được vun xới từ bên trong tâm thức con người.

(UNESCO)

Câu mở đầu trong Hiến chương của Tổ chức UNESCO trên đây phản ánh rõ rệt lời dạy thật thâm thúy của Đức Phật qua câu thứ nhất trong kinh *Pháp Cú*. Cuộc Thế chiến thứ II vừa chấm dứt ngày 11 tháng 5 năm 1945 thì ngay sau đó, vào ngày 26 tháng 6, Liên Hiệp Quốc đã được thành lập; và chưa đầy bốn tháng sau đó, Tổ chức UNESCO cũng đã được hình thành vào ngày 16 tháng 11. Sự kiện này cho thấy sau khi nhìn lại những gì thật kinh hoàng vừa xảy ra, con người thời bấy giờ có thể đã bừng tỉnh và nhận thấy sự hung bạo, tham lam và sai lầm đưa đến chiến tranh đã bùng lên từ bên trong tâm thức của một số người trong một số

quốc gia; đồng thời, họ cũng ý thức được rằng việc kiến tạo hòa bình phải được vun xới từ bên trong tâm thức con người. Thế nhưng sự bùng tình đó cũng đã được Đức Phật nói lên từ hơn hai ngàn năm trăm năm trước trong câu mở đầu của kinh *Pháp Cú*.

Nguyên gốc tiếng Pa-li của câu này là:

Manopubbangammā dhammā

Manosetthā manomayā

Manasā ce padutthena

Bhāsati vā karoti vā

Tato nam dukkham anveti

Cakkam va vahato padam.

Kinh *Pháp Cú* là một bộ kinh rất phổ biến, đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng. Đối với tiếng Anh thì cũng đã có khoảng vài chục bản dịch khác nhau. Với tiếng Pháp, cũng có ít nhất mười sáu bản dịch của kinh này; và tất nhiên là đối với tiếng Việt thì cũng có rất nhiều bản dịch khác nhau. Tuy nhiên trong số các bản dịch đã được tham khảo thì hầu hết đều cho thấy một số các chi tiết không được hoàn toàn thống nhất và đồng đều, qua phong cách dịch thuật cũng như trên phương diện ý nghĩa. Thiển nghĩ nếu muốn kiểm chứng nhằm tìm hiểu sâu xa hơn, thì nhất thiết phải so lại với bản gốc bằng tiếng Pa-li. Ngày nay nhờ có nhiều tự điển nên việc tra cứu cũng dễ dàng. Thật ra đôi khi cũng chỉ cần phân tích cẩn thận một vài chữ trong một câu đã đủ giúp thấu triệt được ý nghĩa của cả câu ấy. Vậy chúng ta hãy thử phân tích vài chữ khá chủ yếu trong câu kinh *Pháp Cú* trên đây, chẳng hạn như các chữ: ***manopubbangama***, ***dhamma***, ***dukkham***, hầu giúp chúng ta tìm hiểu chính xác và sâu xa hơn về ý nghĩa của câu này.

Chữ ***Manopubbangama*** là một từ ghép gồm ba chữ khác nhau:

- *mano/mana*: là một từ rất quen thuộc và có nghĩa là *tâm thần* hay *tâm thức* (mind, spirit), và trong một số trường hợp có thể xem như đồng nghĩa với chữ *vinnana* hay *tri thức* (consciousness) nêu lên trong tạng Luận/Abhidhamma, hoặc cũng có thể xem như tương đương với chữ *citta* (*tâm thức/state of consciousness*, mind) trong chữ *Cittamatra* (Duy thức học).

- *pubbha*: có nghĩa là *trước hết, khởi đầu, khởi xướng*, và nếu ghép thêm hậu ngữ *gama* thì sẽ trở thành từ ghép *pubbhangama* và có nghĩa là *"trước hết sẽ làm hiện ra/đưa đến/tạo ra"*.

Do đó từ ghép *manopubbhangama* có nghĩa là *"tâm thức khởi xướng đưa đến, tạo ra hay mang lại..."* một cái gì đó.

Chữ ***dhamma*** (tiếng Phạn là *dharma*) có nhiều nghĩa khác nhau nhất là giữa Phật giáo và đạo Bà-la-môn. Đối với Phật giáo thì chữ này có hai nghĩa và cả hai đều rất quan trọng:

- nghĩa thứ nhất là *hiện tượng* (phenomenon), kinh sách Hán ngữ dịch là *"pháp"*. Hiện tượng, hay pháp, có

nghĩa là các đối tượng nhận biết của tâm thức - gồm ngũ giác và tri thức - tức là những gì mà một cá thể cảm nhận, tưởng tượng hay hình dung được; nói một cách cụ thể là tất cả những gì trông thấy được, ngửi được, nghe được, nếm được, đụng chạm và sờ mó được thuộc thế giới bên ngoài, và những gì có thể tưởng tượng, nhận thức hay hình dung được thuộc bên trong tâm thức, hoặc là những gì nhớ lại được từ trong các giấc mơ. Tất cả những thứ ấy đều gọi là *"hiện tượng"* (hay là *"pháp"* trong các kinh sách tiếng Hán). Dưới một góc nhìn khác thì cũng có thể nói rằng mỗi cá thể tự tạo ra trong tâm thức mình một vũ trụ riêng, gồm các hiện tượng mà mình nhận biết được bằng ngũ giác, và qua sự tưởng tượng và hình dung bên trong tâm thức của chính mình.

- nghĩa thứ hai của chữ *dhamma* là *Đạo Pháp*, tức là Giáo Huấn của Đức Phật, hay *"Con Đường"* mà Đức Phật đã khám phá ra; từ này cũng có thể dùng để chỉ định Bản Chất hay Sự Thật tối thượng của Hiện Thực. Đối với trường hợp của ý nghĩa này kinh sách Hán ngữ cũng gọi là *"pháp"*, như trường hợp trên đây khi chữ *dhamma* mang ý nghĩa là *hiện tượng*, và không có gì để phân biệt. Trong khi đó thì các học giả Tây phương không dịch chữ này mà giữ nguyên tiếng Pa-li là *dhamma* hoặc tiếng Phạn là *dharma*, và đề nghị một cách viết nhằm giúp phân biệt hai ý nghĩa khác nhau của từ này: nếu mang ý nghĩa là hiện tượng thì chữ *dhamma* sẽ không viết hoa, và nếu mang ý nghĩa là *Đạo Pháp* thì chữ *Dhamma* sẽ được viết hoa. Thuật ngữ *dhamma* mang hai ý nghĩa khác nhau cũng có thể hiểu như là một cách nói lên *"khái niệm về hai sự thật"* (tương đối và tuyệt đối) trong giáo lý Phật giáo, và đồng thời cũng cho biết là Đạo Pháp của Đức Phật chỉ là một hiện tượng như tất cả mọi hiện tượng khác.

Chữ ***dukkha/dukkham*** có nghĩa là khổ đau (suffering, pain, unsatisfactory, discomfort...) dù là thuộc lãnh vực thân xác hay tâm thần, và chữ này cũng mang ý nghĩa thật tinh tế và bao quát trên phương diện giáo lý cũng như ngôn từ. Tuy nhiên trong phần dưới đây chúng ta cũng chỉ phân tích chữ này duy nhất trên phương diện ngôn từ, bởi vì việc phân tích và tìm hiểu các thể dạng khổ đau thuộc vào khuôn khổ của một lãnh vực khác.

Dukkha là một từ ghép, gồm chữ *dus* và chữ *kha*:

- chữ *dus/duh* có nghĩa là *bất ổn, rối loạn* (ill-being). Các tiền ngữ *dys* và *dis* trong các ngôn ngữ Tây phương đều do chữ *dus* trong tiếng Phạn và Pa-li mà ra, và cũng có nghĩa là không phù hợp, không đúng, nói lên một sự phủ định, thí dụ như các chữ *dys-function* (sự vận hành rối loạn), *dis-comfort* (sự bất an)...

- chữ *kha* có nghĩa là một khoảng trống, trong trường hợp này là lỗ hổng ở giữa bánh xe dùng để lắp trục bánh xe vào đó. Nếu ghép chữ này với tiền ngữ *dus* thì sẽ trở thành chữ *dukkha* tức là cái lỗ bánh xe bị méo mó, không tròn trịa, khiến bánh xe bị vướng, lắc



lư và quay không đều, và cỗ xe sẽ không tiến lên được như ý muốn, và đây cũng chính là hình ảnh của sự khổ đau trong cuộc sống.

Trong câu thứ hai, tức là câu song hành nhằm để nói lên ý nghĩa đối nghịch với câu trên đây, chúng ta sẽ đặc biệt tìm hiểu chữ *sukham* hay *hạnh phúc*, là chữ tương phản với chữ *dukkha* hay khổ đau trên đây.

Tâm thức khởi xướng đưa đến tất cả mọi hiện tượng,

Tất cả mọi hiện tượng đều bị chi phối bởi tâm thức, tạo dựng bởi tâm thức.

Nếu một người nói năng và hành động tinh khiết,

*Thì **hạnh phúc** tất sẽ theo mình tương tự như cái bánh xe,*

Lăn theo vết chân của con bò kéo xe.

Manopubbangammā dhammā

Manosetthā manomayā

Manasā ce pasannena

Bhāsati vā karoti vā

*Tato nam **sukham** anveti*

Chāyā va anapāyinī.

Chữ **sukham** được dịch là “hạnh phúc” trong hầu hết các bản dịch thường thấy. Trên phương diện ngôn từ thì tiền ngữ *suk/sus* có nghĩa là *khô ráo, trơn tru, không dính bẩn*, và hậu ngữ *kha* - như đã được giải thích trên đây - có nghĩa là cái lỗ tròn ở giữa cái bánh xe để lắp trục bánh xe vào đấy. Nếu cái lỗ hổng của trục bánh xe không dính bùn đất, trơn tru và tròn trịa thì bánh xe tất sẽ phải lăn đều, chiếc xe không bị lắc lư và tiến lên nhanh, và đây chính là hình ảnh của “hạnh phúc” trong cuộc sống.

Tóm lại, hạnh phúc hay khổ đau theo Phật giáo, hay ít nhất là theo ý nghĩa của các câu trên đây, không nhất thiết chỉ là những thứ xúc cảm tạm thời mang tính cách hân hoan hay đau khổ xảy ra với một cá thể trong một bối cảnh thời gian và không gian nhất định nào đó, mà còn là những gì có thể theo đuổi trong suốt cuộc sống của cá thể ấy. Chẳng phải thân xác mình cũng tương tự như một chiếc xe bò nặng nề mà mình phải gánh chịu và phải lăn theo với hai chiếc bánh xe của nó hay sao?

Ngoài ra, cách so sánh thứ nhất giữa thể dạng khổ đau và hạnh phúc của một cá thể với lỗ trục của cái bánh xe, và cách so sánh thứ hai giữa một kiếp người và chiếc bánh xe cùng với cỗ xe, quả là hai cách so sánh thật tinh tế và tuyệt vời, gợi lên thật cụ thể tác động của tâm thức (trục bánh xe) đối với ngôn từ và hành động (cái bánh xe) đưa đến tình trạng khổ đau hay hạnh phúc của một cá thể (chiếc xe lắc lư trên con đường của sự sống trôi buộc). Cách so sánh “hai lần” (trục bánh xe và cái bánh xe) thật khéo léo trên đây bằng cách chỉ mượn một hình ảnh duy nhất là chiếc xe nặng nề và khập khểnh để nói lên những nỗi khổ đau và hạnh phúc của một cá thể trong thế giới này, phải chăng cũng là cách nhắc nhở chúng ta luôn phải nhìn vào cái lỗ trục và cái bánh xe của đời mình để ý thức được sự hiện hữu của chính mình hay sao?

Ngoài ra câu kinh trên đây khi nêu lên “*Tâm thức khởi xướng đưa đến tất cả mọi hiện tượng, và tất cả mọi hiện tượng đều bị chi phối bởi tâm thức, tạo dựng bởi tâm thức*” cũng là cách nói lên toàn bộ căn bản mang nặng các khía cạnh Tâm lý học của học phái Duy Thức (Cittamatra/Yogacara/Vijnanavada) do Vô Trước (Asanga) triển khai vào thế kỷ thứ IV. Điều này cho thấy tư tưởng của Đức Phật thật vô cùng sâu sắc và mênh mông và các vị đại sư sau này cũng chỉ diễn đạt và triển khai thêm những gì mà Đức Phật đã nêu lên từ trước. Hơn nữa sự kiện này còn cho thấy là Đức Phật không hề quan tâm đến việc triển khai giáo huấn của mình trên phương diện triết học siêu hình, tâm lý học hay luận lý học qua các khía cạnh thuần lý. Ngài chỉ nhắm vào việc giảng dạy thật thiết thực hầu giúp những con người chất phác sống cách nay hơn hai ngàn năm trăm năm có thể hiểu được, áp dụng được và thực hành được một cách cụ thể những gì thiết yếu nhất trong những lời giáo huấn của Ngài.

Qua câu kinh trên đây chúng ta nhận thấy thật hết sức rõ ràng là sau khi nêu lên vai trò chủ yếu của tâm thức thúc đẩy làm phát sinh ra các hành động tâm thần (tác ý), ngôn từ và các động tác trên thân xác, thì ngay sau đó Đức Phật đã hướng người nghe giảng nhìn thẳng vào các hậu quả trực tiếp mang lại từ các hành động ấy. Thế nhưng bảy thế kỷ sau đó - từ thế kỷ thứ II với Long Thụ, Thánh Thiên, đến thế kỷ thứ IV với Vô Trước, Thế Thân, và thế kỷ thứ VI và VII với Trần Na, Nguyệt Xứng... - Giáo Huấn của Đức Phật đã được triển khai thật sâu rộng trên mọi khía cạnh triết học, tâm lý học và luận lý học. Tuy nhiên, dù các vị đại sư này tuy có diễn đạt và triển khai tư tưởng của Đức Phật sâu rộng hơn, trên thực tế các ngài không hề mang lại thêm được một điều gì mới lạ cả. Ngoài ra cũng còn một điều khá quan trọng đáng lưu ý nữa là các tông phái và học phái khác nhau được hình thành sau này như Đại thừa, Kim Cương thừa, Thiền tông... cũng chỉ là những phương cách thực hành và ứng dụng Giáo

Huấn của Đức Phật, và nhất thiết không phải là những đường hướng giáo lý mới tách ra khỏi nền tảng Giáo Huấn của Ngài.

Sau hết, câu kinh *Pháp Cú* trên đây, khi nêu lên vai trò chủ yếu của tâm thức trong cuộc sống, còn khiến chúng ta liên tưởng đến một phép tu tập rất căn bản trong Phật giáo là Tu Giới. Thật vậy việc giữ giới là phương cách hữu hiệu nhất mang lại cho mình một tâm thức trong sáng và ngay thật, và đó cũng chính là cách giúp cho chiếc xe của đời mình lăn bánh thật vững chắc, không hề lắc lư và xiêu vẹo trong cuộc sống giữa thế gian này.

Giới luật đầu tiên trong phép Tu Giới đối với người xuất gia cũng như người thế tục là:

Không được làm phương hại đến sự sống của chúng sinh.

Pāṇātipātā veramani sikkhāpadam samādiyami.

Sinh vật có nhiều cấp bậc tiến hóa khác nhau, từ các vi sinh vật thô sơ đến các con trùn biết quặn đau và giãy giụa khi bị giẫm đạp, cho đến các sinh vật tiến hoá hơn trong đó kể cả con người. Đối với các sinh vật tiến hóa thì ngoài những cảm nhận đớn đau trên thân xác, còn bùng lên trong tâm thức những sự lo âu và sợ hãi, cũng như các thứ xúc cảm khổ đau và sung sướng. Riêng đối với con người thì các thể dạng xúc cảm ấy còn có thể phức tạp và đa dạng hơn nữa giúp con người ý thức và hình dung được một cách rõ rệt thế

nào là tự do và hạnh phúc. Con người biết yêu thương và nhất là có khả năng phân biệt giữa cái đúng với cái sai, giúp ý thức được bốn phận và quyền hạn của mình.

Tóm lại là ngoài miếng ăn ra, sự sống đối với con người - kể cả đối với một số các sinh vật tiến hóa khác - còn hàm chứa nhiều khía cạnh tinh thần rất phức tạp và phong phú.

Đặc biệt là riêng đối với trường hợp con người, sự sống còn thể hiện qua các hình thức sinh hoạt tập thể trong xã hội, cũng như những khát vọng tâm linh và các khả năng thưởng thức và sáng tạo nghệ thuật, mà người ta thường gọi chung là sự tự do hay nhân quyền. Tóm lại, đối với giới luật "*không được làm phương hại đến sự sống của chúng sinh*" thì không nhất thiết chỉ có nghĩa là không được tước đoạt mạng sống của một chúng sinh nào, mà còn có nghĩa là - đặc biệt trong trường hợp của con người - không được tước đoạt sự tự do và nhân quyền trong cuộc sống của họ. Bởi vì sự tước đoạt ấy cũng là một cách giết lẩn giết mòn họ trong đau buồn và tủi nhục, trong ước mơ và tuyệt vọng.

Giáo Huấn của Đức Phật quả hết sức thâm sâu và siêu việt, do đó việc tìm hiểu và hòa nhập với những lời giáo huấn ấy luôn đòi hỏi chúng ta phải biết mở rộng lòng mình, biến cải và tinh khiết hóa tâm thức mình, khiến cho cái trục bánh xe của cuộc đời mình không bị vấy bẩn bởi bùn đất, hầu giúp nó lăn đều trên con đường Phật Pháp. ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2014

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2014, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

Một độc giả : 50 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga : 44 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy : 45 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu : 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng : 25 cuốn/kỳ
PT Chánh An & Chơn Hòa : 14 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu : 12 cuốn/kỳ
Đđ. Thích Viên Anh + Đđ. Thích Viên Hải,
 Chùa Bảo Ân : 12 cuốn/kỳ
Cô Nga : 10 cuốn/kỳ
PT. Tâm Hiền, Tâm Hoa (USA) : 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên : 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q.BT : 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miền Ngoc : 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà : 10 cuốn/kỳ
Bà Lương Thị Ngọc Hạnh,
 Q.5, PD: Diệu Đức : 10 cuốn/kỳ
Ô. Trần Quốc Định : 10 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định : 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh : 9 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Thị Hoa : 7 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA) : 6 cuốn/kỳ
Hóng Phúc & Xuân An : 6 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Khôi : 5 cuốn/kỳ
Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q.BT : 5 cuốn/kỳ

Cửa hàng Tâm Thuận : 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội : 5 cuốn/kỳ
Ô/Bà Nguyễn Văn Bàn, USA : 5 cuốn/kỳ
Phật tử Trương Trọng Lợi : 5 cuốn/kỳ
Ô. Lê Xuân Triều, Q.BT : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Kim Sơn, Q.2 : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ngọc, Phan Thiết : 5 cuốn/kỳ
Lakinh.com : 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa : 4 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Thị Ninh, USA : 4 cuốn/kỳ
Cô Huệ Hương : 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy : 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh : 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh : 3 cuốn/kỳ
Châu Thiên An : 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân : 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net : 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,
Cty TNHH Cơ khí Mê Linh : 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q.2 : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh : 2 cuốn/kỳ
BBT Viện khongtu.com : 2 cuốn/kỳ
Cty Nén Hạnh Phúc, Q.BT : 2 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh : 2 cuốn/kỳ

Cty TNHH Thép Thiên Tâm : 2 cuốn/kỳ
Cty Tân Hiệp, Q.6 : 2 cuốn/kỳ
Ô. Lê Hưng Khanh, Gò Vấp : 2 cuốn/kỳ
Nguyễn Dũng : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Kính : 2 cuốn/kỳ
Bác sĩ Thanh, Q.3, TP.HCM : 2 cuốn/kỳ
Phật tử Quảng Mỹ : 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân : 1 cuốn/kỳ
Cô Kim : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung : 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt : 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCHP ĐN : 1 cuốn/kỳ
Cty Dược phẩm Phúc Thiện : 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh : 1 cuốn/kỳ
PT. Nguyen Thuan
 (namgiaol1942@yahoo.com) : 1 cuốn/kỳ
Cô Châu : 1 cuốn/kỳ
Tổng số báo tặng kỳ này: **454 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG : (08) 3 8484 335.**
Email: toasoanvhp@gmail.com

Ban Biên tập



Sống cũng có nghĩa đang chết

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Mọi thứ có sự sống đều phải chết

Hãy đọc đoạn đối thoại dưới đây giữa cô giáo và nhóm trẻ từ 6 đến 8 tuổi ở trường học của Bệnh viện nhi Seattle (Hoa Kỳ).

- Các con, điều gì khiến các con nghĩ rằng con người khác cái chai hay hộp khăn giấy?

- Thừa cô, những thứ cô kể không có sự sống.

- Vậy, có phải mọi thứ có sự sống đều là con người? Có ai nói cho cô biết sự khác biệt giữa con người là chúng ta và con chó, cả hai đều có sự sống và có sự khác biệt không?

- Dạ, chó không nói được ạ.

- Như vậy, không phải mọi thứ có sự sống đều nói được; nhưng hãy cho cô biết, làm sao ta biết được thứ gì đó có sống hay không?

- Những thứ có sự sống là những thứ di chuyển được

- Nhưng không phải mọi thứ có sự sống đều có thể di chuyển được. Cây cối đâu có di chuyển được mà chúng vẫn sống đấy thôi. Vậy các con có nghĩ điều gì làm cho thứ gì đó đang sống?

- Thứ đó sẽ chết. Mọi thứ có sự sống đều sẽ chết. Rồi sẽ chết, đó là cách nhận biết thứ gì đó đang sống hay không.

Cô giáo, tác giả bài viết ghi lại đoạn đối thoại trên, đã kết thúc bài viết: "Câu nói của nhóm trẻ khiến tôi kinh ngạc. Tất cả chúng ta đều cố nghĩ rằng những thứ đang sống sẽ không chết nhưng không ai trong chúng ta có thể làm được điều đó. Nếu bạn bắt tử, thì liệu bạn có sống không?".

Đọc đoạn đối thoại trên, tôi không chỉ kinh ngạc mà còn thán phục. Trẻ con, nhờ đầu óc của chúng chưa bị

nhồi nhét quá nhiều kiến thức, thường hồn nhiên và thậm chí sáng tạo trong việc trả lời các câu hỏi hóc búa. Ở đây tôi thán phục vì các học sinh trẻ con của cô giáo bên trời Tây đã đưa ra câu trả lời xét cho cùng là chân lý: "Mọi thứ có sự sống đều phải chết".

Chết là một phần của sự sống

Trong quyển sách dành cho thiếu nhi có tên *Mùa thu của chiếc lá Freddie* (The fall of Freddie the leaf), tác giả Leo Buscaglia đã kể lại cuộc đời của một chiếc lá có tên Freddie và nỗ lực tìm hiểu về cái chết của anh chàng này. Chiếc lá Daniel, bạn của chiếc lá Freddie, đã kể cho các chiếc lá khác là vào mùa thu, tất cả lá sẽ chuyển nhà tức là rơi rụng (Fall là mùa thu và cũng là rơi rụng) mà người ta gọi là "chết". Freddie nói với Daniel rằng mình rất sợ chết. Daniel nói rằng "chết" chỉ là một sự thay đổi tự nhiên, giống như mùa xuân chuyển thành hạ, hạ chuyển thành thu... Thế rồi, đến lúc Freddie chấp nhận sự thật và sẵn sàng cho sự chết. Freddie đã nhìn thấy cái cây khổng lồ khỏe mạnh và cứng cáp như thế nào khi rơi ra, rời khỏi nó, Freddie vẫn còn kịp tự hào là chiếc lá, một phần của cái cây, cũng như cái chết là một phần của sự sống, đến lúc nào đó, chiếc lá lìa cây và đó là chết.

"Cái chết là một phần của sự sống". Câu này làm cho tôi nhớ đến một câu khác. Trong tác phẩm *"Tạng thư sống chết"*, Sogyal Rinpoche viết rằng: "Theo đạo Phật, sống và chết được xem như một toàn thể, ở đây chết chỉ là khởi đầu của một chương mới. Chết như một tấm gương trong đó phản chiếu tất cả những ý nghĩa cuộc đời".

Tôi là người học Phật nên tôi đã biết bất cứ sự vật nào thuộc thế giới hiện tượng, nghĩa là có hình tượng, đều phải trải qua bốn giai đoạn của hiện hữu “sinh, trụ, di, diệt”. Đó là định luật của sự vô thường. Theo định luật này, phàm cái gì có sinh ra (từ chưa có trở nên có) thì phải có diệt; có sống thì phải có chết. Không thể có sống mà không có chết, cũng như không thể có chết mà trước đó đã không có sống. Sống đi liền với chết như hai mặt của đồng tiền.

Trong kinh *Pháp Cú*, trong một câu chuyện kể, Đức Phật đã đưa ra bài kệ:

*“Dù trốn ở hư không
Hay biển khơi, núi rộng
Không một nơi nào cả
Tránh được khỏi tử vong”.*

Trong kinh *Đại Niết Bàn*, Đức Phật dạy: *“Trong tất cả các vụ mùa, cày cấy vào mùa thu là tốt nhất. Trong tất cả bước chân, bước chân voi là vĩ đại nhất. Trong tất cả sự chấp nhận, chấp nhận về cái chết, về sự vô thường là vĩ đại nhất”.*

Vì sao ai cũng sợ chết?

Không tỏ ngộ sự thật, cho nên gần như tất cả mọi người đều sợ chết. Rất nhiều người không dám nghĩ đến nó, hoặc nghĩ đến bằng cách đẩy nó ra xa, càng xa chừng nào tốt chừng nấy. Có nhiều lý do để nhiều người trong chúng ta đều sợ chết.

Đối với nhiều người, chết có nghĩa là chấm dứt sự sống và chấm hết. Trong y học, người ta phân cái gọi là chết làm hai giai đoạn: chết lâm sàng và chết thật sự. Chết lâm sàng xảy ra khi não bị tổn thương không hồi phục làm cho tim, phổi ngừng hoạt động, không còn thở, không còn tuần hoàn và mất tri giác hoàn toàn. Chết thật sự xảy ra khi mô, tế bào khắp nơi trong cơ thể không còn hoạt động và bắt đầu bị phân hủy. Căn cứ vào thân xác chết đi như thế rõ ràng chết là chấm dứt vĩnh viễn, là sự “đứt đoạn” cuối cùng oan nghiệt và tàn nhẫn. Ai không thấu hiểu bản chất của thế giới là vô thường thì làm sao không sợ hãi sự đứt đoạn, chấm dứt như thế.

Trên con đường hình thành và phát triển ở thế giới Ta-bà này, con người luôn hiện hữu với “cái tôi” xấu xí. Thoát thai từ một động vật, con người dính liền với bản năng luôn phóng chiếu đủ loại dục vọng, trong đó có bản năng “tham sống sợ chết”. Khi đối phó hiểm nguy xâm phạm tính mạng, con người vì “tham sống sợ chết” tìm cách vượt qua, thoát khỏi hiểm nguy, đó là sự thường tình. Nhưng do “cái tôi” luôn hiện diện trong tâm tưởng dính liền với sự an toàn của bản thân với các lợi ích của vật chất như nhà cửa, tài sản, tài khoản ngân hàng... với các lợi ích tinh thần: tôi và vợ (chồng) với con cái, tôi và danh vọng sự nghiệp, tôi và nỗ lực đạt những điều mong muốn, tôi và những kinh nghiệm đưa đến khoái lạc... mà người ta sợ chết. Sợ chết còn vì đã thấy và suy diễn mình sẽ đau đớn thân xác khốc liệt trước khi chết. Sợ chết vì sợ mất

những gì đang có hoặc mơ ước sẽ có, hoặc do chưa hoàn thành một trách nhiệm nào đó. Sợ chết vì sợ cô đơn, cô độc khi đối mặt với điều chưa biết (chết là điều đã biết thì còn gì để nói). Sợ chết vì sợ sa vào địa ngục, v.v.

Sợ chết thật ra chỉ là sự nghĩ tưởng. Sợ chết vì người ta còn đắm chìm trong cái “tưởng” không đúng đắn để cảm thấy đau khổ về sự đứt đoạn thật ra là bản chất của sự vật hiện tượng. Người ta sợ chết vì nghĩ về nó như một ý niệm tô vẽ theo “cái tôi” của mình chứ không như một thực tại hiện hữu.

Hãy sống như là đang chết trong từng giây phút

Theo Phật giáo, cái chết là sự tan biến những gì đã cấu hợp. Đối với con người, sự tan biến đã nằm sẵn trong sự sinh bắt đầu từ lúc noãn phối hợp với tinh trùng để có sự thụ thai và cái chết thật ra không khởi sự khi tim hết đập và phổi hết thở. Xét về phương diện vi mô, cơ thể người từ lúc sinh ra tới lúc chết đi luôn có sự chết đi của từng tế bào để có sự sinh ra các tế bào mới. Nếu không có sự chết đi của các tế bào cũ để phát sinh các tế bào mới thay thế thì làm sao có sự sống gọi là tồn tại và phát triển. Trong từng phút, từng giây, từng sát-na, mỗi tế bào, mỗi mô, mỗi cơ quan luôn có sự chết đi để duy trì sự sống. Như vậy, quá trình sống của con người là chuỗi của các sự chết để tiến đến cái chết cuối cùng là cái chết thật sự của thân xác. Bên cạnh sự chết đi từng phút, từng giây, từng sát-na của thân xác đáng lẽ cũng phải có sự chết đi từng giây phút của tư duy, cảm giác, cảm xúc không đúng đắn của cá thể và “hậu trường” xấu xí (tức những tập tục, truyền thống xấu) của xã hội con người. Nhưng con người cứ muốn kéo dài đến muôn đời vĩnh viễn những gì thực chất là vô thường. Con người, trong tâm tưởng, cứ muốn kéo dài khoái lạc mà mình đã hưởng thụ, kéo dài sự chiếm hữu mà mình đã kinh nghiệm, kéo dài sự sống mà mình nghĩ là trường tồn vĩnh viễn... Tức là, con người rất ít khi sống trong giây phút hiện tại và chết đi cái quá khứ luôn bám chặt nhằm bành trướng “cái tôi” tham lam, luôn chạy theo sự mong cầu mà rốt lại chỉ là ảo tưởng. Tại sao con người chúng ta không làm chết đi các ký ức để giảm thiểu sự bám víu vật chất và tinh thần luôn hành hạ con người? Tại sao con người chúng ta không chết đi trong từng giây phút trong tâm thức để thật sự “an trú trong hiện tại”?

Krishnamurti đã nói: “Phải để quá khứ chết đi nhằm tập trung sống trọn vẹn trong giây phút hiện tại. Sống hôm nay là chết đi hôm qua, sống và chết giao nhau trong từng giây phút. Hạnh phúc thật sự khi con người biết chết đi với quá khứ”. Còn Milarepa thì nói: “Bởi chẳng sớm thì muộn bạn phải bỏ lại mọi sự vật sau lưng, tại sao không từ bỏ chúng ngay từ bây giờ?”.

Hãy sống như là đang chết trong từng giây phút. Đó là những “đứt đoạn” cấp thấp để chúng ta quen dần và chấp nhận sự “đứt đoạn” sau cùng ở cấp cao nhất trong an nhiên tự tại. ■



Sử liệu về Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng

Bài & ảnh: THÍCH ĐỒNG DƯƠNG

Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng (1818-1872) là một vị cao tăng triều Nguyễn. Sư thuộc thiền phái Lâm Tế Liễu Quán, đời pháp thứ 40. Ngài xuất thân từ tổ đình Long Sơn Bát Nhã (Phú Yên) và là cao đệ của Tăng cang Tánh Thông Giác Ngộ (1774-1842). Dưới mái chùa Bát Nhã, ngài đã được thầy trao truyền diệu pháp và cho tham phương học đạo với các vị đại sư đương thời. Noi gương công cuộc hoằng pháp của các bậc tổ sư, ngài phát tâm vân du hóa đạo, từng dừng chân ở nhiều chùa cảnh thuộc các tỉnh Phú Yên, Bình Thuận, Ninh Thuận và vào cả tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Ở đâu ngài cũng cố tâm kiến thiết, phục hưng, khai sơn lập nên những đạo tràng thật trang nghiêm và mong muốn chuyển tải những nét đẹp của văn hóa Phật giáo cho bà con xứ sở miền Nam. Công hạnh ngài thật đáng để hàng hậu học chúng ta noi gương học tập. Do đó, chúng tôi mạo muội sưu tầm sử liệu để phác họa một vài nét về vị cao tăng này.

Có lẽ người đầu tiên ghi chép về Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng là nhà nghiên cứu Nguyễn Hiền Đức trong công trình *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*. Do việc tiếp cận sử liệu còn hạn chế, Nguyễn Hiền Đức ghi lại hành trạng thiền sư với nhiều sự nhầm lẫn đáng tiếc. Các sách lịch sử Phật giáo địa phương thường xuyên trích dẫn từ công trình này. Đã có một vài bài nghiên cứu chỉ ra cái hạn chế của bộ *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*. Ở đây, chúng tôi xin đính chính sai lầm và bổ biên thêm sử liệu.

Thứ nhất, tác giả *Lịch sử Phật giáo Đàng Trong* đã đồng nhất Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng với Thiền sư Liễu Minh Đức Tạng (chùa Thiền Lâm). Học giả Thích Hạnh Bình với bài nghiên cứu “*Tổ đình Thiền Lâm và vai trò lịch sử của nó*” đã có trao đổi và chứng minh sự đồng nhất là vô căn cứ². Bài viết của Thích Hạnh Bình đã dẫn ra khá nhiều tư liệu từ nội tự nhằm phân biệt rõ hai vị. Chúng tôi tán thành ý kiến của vị học giả này, nhằm khẳng định Hải Bình Bảo Tạng (1818-1872) không phải là Liễu Minh Đức Tạng (?-1813). Theo sử liệu, Thiền sư Liễu Minh Đức Tạng khai sơn chùa Thiền Lâm vào năm Chiêu Thống thứ 3 (1789), còn Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng đến trụ trì và trùng tu chùa năm Giáp Dần (1858). Hai vị đã từng đảm đương công việc xây dựng chùa Thiền Lâm, một vị khai sơn, một vị kế thế trụ trì trùng tu. Hai vị khác nhau cả về khung niên đại.

Thứ hai, Nguyễn Hiền Đức cho Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng có tên là Lê Chi³. Ông không ghi lại tư liệu nào nói về tên thế tục này. Nay, chúng tôi xin trích dẫn một tư liệu viết rõ về Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng trong một bản chép tay tại chùa Bát Nhã (Phú Yên)⁴.

Sách chép: “*Châu Viên sơn khai sáng tổ sư tục xuất phổ hệ. Tự Lâm Tế chính tông tứ thập thế Long Quang tự kiến đàn thí giới, huyết danh tục Huỳnh Văn Yết, nguyên sinh Mậu Dần niên muội nguyệt nhật thời, thế độ Huỳnh thị tử pháp danh húy Hải Bình hiệu thượng Bảo hạ Tạng hòa thượng khai đại giới đàn ư Mậu Thìn niên tứ nguyệt sơ bát nhật chính, tiên khởi sơ lục nhật. Chí Nhâm Thân niên ngũ nguyệt nhị thập ngũ nhật kỷ thời nhi viên tịch. Sư chi phụ sinh Huỳnh Văn Xưa chính kỷ tứ nguyệt thập tứ nhật, sư chi thân mẫu Trần Thị Tới chính kỷ cửu nguyệt thập cửu nhật*”.

Nghĩa là: “Tổ sư khai sáng núi Châu Viên nối tục xuất phổ hệ. Kế thừa dòng chính tông Lâm Tế đời thứ 40, kiến đàn trao giới chùa Long Quang, tục danh là Huỳnh Văn Yết, sinh năm Mậu Dần, chưa rõ giờ, ngày tháng. Hòa thượng họ Huỳnh với pháp danh là Hải Bình hiệu Bảo Tạng. Xin mở giới đàn vào chính ngày mồng 8 tháng 5 năm Mậu Thìn, lúc đầu mở ngày mồng 6. Đến giờ Hợi ngày 25 tháng 5 năm Nhâm Thân viên tịch. Cha sinh của ngài là Huỳnh Văn Xưa, kỷ ngày 14 tháng 4; thân mẫu của sư là bà Trần Thị Tấn, chính kỷ ngày 19 tháng 9”.

Cứ liệu trên cho ta biết ngài Bảo Tạng có thế danh là Huỳnh Văn Yết, cha là Huỳnh Văn Xưa và mẹ là Trần Thị Tấn⁵. Về niên đại, bản chép tay viết đúng với tấm bia tháp của ngài tại chùa Ngọc Tuyền (Bà Rịa Vũng Tàu). Bia tháp đề: “*Tự Lâm Tế chính tông tứ thập thế, húy Hải Bình, thượng Bảo hạ Tạng hòa thượng giác linh. Mậu Dần ... sinh. Tử ư Nhâm Thân niên ngũ nguyệt nhị thập ngũ nhật...*”⁶ xác định sư sinh năm Mậu Dần, tịch ngày 25 tháng 5 năm Nhâm Thân. Theo Nguyễn Hiền Đức, ngài sinh năm Mậu Dần là năm 1818, tịch năm Nhâm Thân là năm 1872⁷, thọ 55 tuổi. Một tư liệu khác cũng ghi niên đại ngài mà chúng tôi cần đưa ra. Đó là long vị thờ tại tổ đường chùa Long Sơn Bát Nhã (Phú Yên) như sau: “*Tự Lâm Tế chính tông tứ thập thế húy Hải Bình, thượng Bảo-Hoàng hạ Tạng-Tôn nhị vị hòa thượng giác linh chi vị. Mậu Dần niên bát nguyệt thập tứ nhật khứ. Nhâm Thân niên ngũ nguyệt trấp ngũ nhật khứ*”. Long vị thờ hai vị là Hải Bình Bảo Tạng và Hoàng Tôn. Riêng dòng lạc khoản ghi cho Thiền sư Hải



Bình Bảo Tạng. Ở đây, có nhầm một chút, tức trong lạc khoản viết về năm sinh thì long vị để chữ “Khứ” tức đi, nghĩa là viên tịch, đúng là chữ “lai”. Người soạn long vị có thể ghi nhầm nên thợ khắc cứ khắc theo. Đối chiếu với hai năm sinh, mất ở hai tư liệu, chúng ta thấy dòng lạc khoản trong long vị thờ tại chùa Bát Nhã ghi giống với bia tháp chùa Ngọc Tuyền, và bổ sung được ngày tháng sinh. Nhiều người không đọc kỹ sẽ cho dòng lạc khoản này ghi năm tịch của Thiền sư Hoàng Tôn. Từ long vị, xác nhận Thiền sư Hải Bình sinh ngày 14 tháng 8 năm Mậu Dần (1818). Long vị thờ tại chùa Bát Nhã ghi được ngày tháng năm sinh đủ nhất.

Cũng theo sử liệu trên, Thiền sư Bảo Tạng được cung thỉnh làm đường đầu hòa thượng tại giới đàn chùa Long Quang tổ chức vào ngày mồng 8 tháng 5 năm Mậu Thìn (1868). Thực ra, trước đó hai ngày đã khai đàn rồi, có thể ngày mồng 8 trao giới Tỳ-kheo và giới Bồ-tát và cũng là ngày cuối của giới đàn. Cũng tập tư liệu trên, từ tờ thứ 4 đến tờ 8 có ghi về giới đàn. Sách chép: “Long Quang tự giới đàn, Hoàng Ân vi đàn chủ... Từ Quang tự hòa thượng vi hộ giới đàn, Hồ Sơn tự hòa thượng vi sám chủ, Thiên Đức tự pháp sư vi thuyết giới, Long Quang tự Bảo Tạng vi truyền giới hòa thượng, Sơn Long tự Bảo Nghiêm vi yết-ma xà-lê, Long Sơn Bát Nhã tự Viên Thông vi giáo thọ xà-lê. Cổ Lâm tự Huệ Tường vi tôn chứng sư đệ nhất, Bảo Lâm tự Phổ Hóa vi tôn

chứng sư đệ nhị, Bảo Sơn tự Huệ Minh vi tôn chứng sư đệ tam, Viên Quang tự Vĩnh Thọ vi tôn chứng sư đệ tứ, Phổ Bảo tự Trí Chánh vi tôn chứng sư đệ ngũ, Kim Sơn tự vi tôn chứng sư đệ lục, Phước Quang tự Huệ Tuệ vi tôn chứng sư đệ thất...”.

Tạm dịch: “Giới đàn chùa Long Quang ngài Hoàng Ân làm đàn chủ, Hòa thượng chùa Từ Quang làm hộ giới đàn, Hòa thượng chùa Hồ Sơn làm sám chủ, Pháp sư chùa Thiên Đức làm thuyết giới, Bảo Tạng chùa Long Quang làm Hòa thượng truyền giới. Bảo Nghiêm chùa Sơn Long làm Yết-ma A-xà-lê, Viên Thông chùa Long Sơn Bát Nhã làm giáo thọ A-xà-lê, Huệ Tường chùa Cổ Lâm làm thầy tôn chứng thứ nhất, Phổ Hóa của Bảo Lâm làm thầy tôn chứng thứ nhì, Huệ Minh chùa Bảo Sơn làm thầy tôn chứng thứ ba, Vĩnh Thọ chùa Viên Quang làm thầy tôn chứng thứ tư, Trí Chánh chùa Phổ Bảo làm thầy tôn chứng thứ năm, thầy chùa Kim Sơn làm tôn chứng thứ sáu, Huệ Tuệ chùa Phước Quang làm tôn chứng thứ bảy”.

Giới đàn được tổ chức tại chùa Long Quang (Phú Yên) do Thiền sư Hoàng Ân làm đàn chủ. Ta thấy ba vị hòa thượng đường đầu, giáo thọ, yết-ma thuộc cùng môn phái, ngài Bảo Tạng, Bảo Nghiêm là đệ tử của Thiền sư Tánh Thông Giác Ngộ, chùa Bát Nhã. Thiền sư Viên Thông (1830-1879) pháp danh Thanh Lâm, đệ tam trụ trì chùa Bát Nhã. Thiền sư Bảo Tạng ở chùa Long Quang, cùng chùa với Thiền sư Hoàng Ân mà ta chưa rõ ai là trụ trì.

Thiền sư Bảo Tạng còn tham gia in ấn kinh sách, nhất là kinh *Kim Cương Bát Nhã*. Theo bản in *Kim Cương chú giải* mà ở tờ đầu có ghi rõ: “*Tự Đức Mậu Ngọ trung thu cốc nhật trùng tuyên, Châu Viên sơn tự tàng bản*”⁸ nghĩa là bản in được thực hiện năm Tự Đức Mậu Ngọ (1858), ván khắc được tàng bản tại chùa núi Châu Viên. Mặt sau ghi: “*Châu Viên sơn tự Bảo Tạng thiền sư phát khởi*”. Phía gần cuối tập sách có ghi thêm thông tin: “*Châu Viên sơn tự trụ trì kiêm lý An Long tự, Bảo An tự, Hưng Long tự tự Bảo Tạng thiền sư phát khởi tạo bản*”. Đoạn trích cho ta một số cứ liệu, ngoài việc trụ trì chùa núi Châu Viên, Thiền sư Bảo Tạng còn kiêm lý thêm ba ngôi chùa khác nữa. Hiện chúng tôi chưa rõ về ba ngôi chùa này.

Sư còn đứng in bản *Kim Cương Tâm kinh diễn nghĩa* vào năm Tân Dậu (1861) mà cuối sách ghi rõ: “*Đại Nam quốc Phú Yên đạo Đồng Xuân huyện Xuân Vinh tổng Phong An xã Tuy Dương ấp Phước Sơn tự thượng Bảo hạ Kế hộ bản, Thạch Sơn tự thượng Bảo hạ Tạng phát tâm san bản...*” nghĩa là: chùa Phước Sơn, ấp Tuy Dương, xã Phong An tổng Xuân Vinh huyện Đồng Xuân đạo Phú Yên nước Đại Nam, Thiền sư Bảo Kế⁹ hộ bản, Thiền sư Bảo Tạng chùa Thạch Sơn phát tâm in ván. Năm này, thiền sư đã về trụ trì chùa Thạch Sơn tại tỉnh Phú Yên.

Tổng kết lại mấy tư liệu, Thiền sư Bảo Tạng thường hành đạo ở nhiều nơi. Từ Phú Yên vào đến tận Bà Rịa. Khoảng năm 1858, sư đã vân du vào Nam hành hóa trụ trì mấy ngôi chùa. Khoảng năm 1861 đến năm 1868 thì thiền sư trở lại Phú Yên làm Đường đầu Hòa thượng tại giới đàn chùa Long Quang, trụ trì chùa Thạch Sơn và tại tự sở này sư đứng in bản dịch nôm kinh *Kim Cương* và *Tâm kinh Bát Nhã*. Sau đó, sư trở vào Nam trụ trì chùa Long Hòa, Ngọc Tuyền cho đến khi viên tịch. Công nghiệp ngài được Thích Hạnh Bình ghi lại việc trùng hưng Tam bảo như sau: “*Tại tỉnh Ninh Thuận, Ngài khai sơn chùa Phước Lâm thôn Vạn Phước, khai sơn chùa Trà Cang ở núi Trà Cang, chùa Linh Sơn ở núi Trà Cú, chùa Cổ Thạch ở Bình Thuận, chùa Long Bàn thuộc xã Long Điền, Bà Rịa – Vũng Tàu, cuối cùng Ngài thị tịch tại chùa Ngọc Tuyền Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 15 tháng 5 năm 1872...*”¹⁰.

Niên biểu:

- Mậu Dần (1818) ngày 14 tháng 8: ngài sinh tại tỉnh Phú Yên, thế danh là Huỳnh Văn Yết. Cha ngài tên là Huỳnh Văn Xưa, mẹ là Trần Thị Tấn. Ngài xuất gia từ thuở nhỏ với Thiền sư Tánh Thông Giác Ngộ tại chùa Bát Nhã, Phú Yên.

- Năm Nhâm Dần (1842), bốn sư Tánh Thông Giác Ngộ viên tịch tại chùa Bát Nhã. Sau đó, ngài vân du hoằng hóa ở núi Cổ Thạch thuộc xã Bình Thạnh - huyện Tuy Phong. Ngài vào khai sơn chùa Trà Cang.

- Mậu Ngọ (1858), ngài trùng tu chùa Thiền Lâm (Ninh Thuận), đứng in *Kim Cương chú giải* tại chùa núi Châu Viên, kiêm nhiệm trụ trì các chùa An Long, Bảo An, Hưng Long. Thực hiện công trình khắc ván in sách, cung thỉnh Thiền sư Hải Thanh chứng minh.

- Tân Dậu (1861) đứng in *Kim Cang kinh diễn nghĩa*, Thiền sư Bảo Kế chùa Phước Sơn hộ bản. Lúc này, ngài về trụ trì chùa Thạch Sơn, Liên Trì ở tỉnh Phú Yên.

- Mậu Thìn (1868) Đại sư Hoàng Ân chùa Long Quang đứng ra tổ chức giới đàn và được bầu làm đàn chủ, cung thỉnh ngài làm Hòa thượng Đường đầu truyền giới tại giới đàn chùa Long Quang (Phú Yên). Sau đó, ngài lại du Nam trụ trì chùa Long Hòa, chùa Ngọc Tuyền.

- Nhâm Thân (1872), ngài viên tịch, đồ chúng lập tháp tại chùa Ngọc Tuyền (tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu). ■

Chú thích:

1. Dựa theo bài viết trên trang www.tuechung.net.

2. Thích Hạnh Bình ngờ rằng chứng cứ để Nguyễn Hiền Đức đồng nhất ngài Liễu Minh Đức Tạng với ngài Hải Bình Bảo Tạng là dựa vào ngày kỵ của hai vị thiền sư này, cùng là ngày 25 tháng 5. Chứng cứ này không đủ thuyết phục; vì lẽ có sử liệu xác định ngài Liễu Minh Đức Tạng khai sơn chùa Thiền Lâm năm Chiêu Thống thứ 3 (1789) và viên tịch năm 1813, nghĩa là ngài viên tịch 24 năm sau khi khai sơn chùa Thiền Lâm, điều này hợp lý; trong khi có sử liệu xác định ngài Hải Bình Bảo Tạng viên tịch năm 1872. Nếu hai vị là một, thì sau khi khai sơn chùa Thiền Lâm, ngài thọ thêm 83 năm nữa!

3. Hầu như các nhà nghiên cứu Phật giáo từ Phú Yên trở vào, khi trích dẫn sử liệu về Thiền sư Hải Bình Bảo Tạng đều sao chép theo cuốn *Lịch sử Phật giáo Đảng Trong* của Nguyễn Hiền Đức. Tiêu biểu như *Lịch sử Phật giáo và các chùa tỉnh Phú Yên*, *Lịch sử Phật giáo và các chùa tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận...*

4. Sách thuộc loại tạp lục, tức người chép không có ý định phân chia chương, tiết. Trong đó, nội dung gộp nhặt từ các thơ văn cho đến khoa cúng. Sách không có tựa đề; 4 tờ đầu chép thơ văn thù tạc; 4 tờ tiếp theo chép sự kiện giới đàn tại các chùa Long Quang, Phổ Bảo, và bản Chính pháp Nhân tạng của Thiền sư Minh Dung Pháp Thông ban cho đệ tử Thiệt Ý Chân Như vào năm Long Đức thứ 3; 40 tờ tiếp theo chép các khoa nghi như *Nhập thất nghi*, *Phật môn tống chung pháp sự nghi* có đánh số tờ riêng; sau đó là nhiều bản văn khác. Hiện, sách được mang về tu viện Huệ Quang (TP. HCM). Chúng tôi sử dụng bản ảnh do thầy Không Hạnh cung cấp. Nhân đây xin cảm ơn thầy.

5. Hầu như trước đây, khi viết về Thiền sư Bảo Tạng, các nhà nghiên cứu đều trích dẫn sách *Lịch sử Phật giáo Đảng Trong*. Nhân đây, xin công bố thế danh cùng gia quyến của Thiền sư Bảo Tạng một cách chuẩn xác.

6. Dựa theo Nguyễn Hiền Đức trong *Lịch sử Phật giáo Đảng Trong*, tr.366.

7. Sdd, tr.366.

8. *Kim Cương chú giải*, bản in năm Tự Đức Mậu Ngọ (1858), chùa núi Châu Viên tàng bản. Thủ bản Pháp Đăng viện.

9. Thiền sư Bảo Kế còn đứng trùng san *Trung khoa Du-già tập yếu* vào mùa xuân năm Tự Đức Tân Hợi (1851). (dựa vào bản sách lưu trữ tại Tu viện Huệ Quang).

10. Thích Hạnh Bình, *Chùa Thiền Lâm và vai trò lịch sử của nó*, trên trang mạng www.tuechung.net.

Lang thang trong chữ

Nói tiếp về từ ghép

HỒ ANH THÁI

Một từ tiếng Anh khác cũng đang được Việt hóa. Đem ra nói ở đây chỉ vì nó cũng thành một từ thừa, thừa theo kiểu những cụm từ Hán Việt đã nói trước. *Fan hâm mộ*. Hoàn toàn có thể viết là người hâm mộ, không hề dài hơn cụm từ ghép Anh Việt kia. Đã fan lại còn hâm mộ. Sợ viết mỗi chữ fan ngoại lai thì người đọc không hiểu, phải thêm chữ hâm mộ để giải thích. Coi như một bước đệm để tiến dần đến chỗ có thể bỏ dần chữ hâm mộ, để chỉ còn giữ lại một chữ fan. Cũng có thể không lược bỏ mà sẽ giữ luôn cụm từ nửa Anh nửa Việt. Giống như từ *quán bar*. Có thể một ngày nào đó từ điển tiếng Việt sẽ phải đưa chữ fan này vào, thậm chí Việt hóa mà viết thành phen. Có thể sẽ phải đưa chữ bar này vào, thậm chí Việt hóa mà viết thành ba, hoặc barơ.

Thao tác mưa dầm thấm lâu này không hề lạ. Thuở ban đầu, khi bê một số từ tiếng Hán vào tiếng Việt, người ta cũng làm theo công thức: một từ ngoại + một từ giải nghĩa: cấp bậc, áo bào, binh lính, mũ miện, gạo mễ, cây cổ thụ, nội trong ngày, nội nhật trong ngày...

Và thời nay, muốn không viết thừa, thì không chỉ hiểu từ Hán Việt, mà có khi phải biết cả tiếng Pháp, tiếng Anh. Để mà không viết fan hâm mộ, quán bar, pêđan bàn đạp, môđen hiện đại... Cái xe to chở khách, hoặc chở công nhân đi làm học sinh đi học, gọi là xe ca (chắc là từ chữ car, cái xe có động cơ). Cái xe nhỏ ngày trước thường dùng cho chỉ huy quân đội, gọi là commăngca (command car, xe chở chỉ huy).

Ngay cả trong một nước thôi, phương ngữ thổ ngữ nhiều, rất lắm khi phải áp dụng công thức ghép từ. Chẳng hạn, một từ Nam, một từ Bắc. Say xin =

Say + Xin. Say là từ Bắc, xin là từ Nam. Nói say thôi, có thể nhiều người Nam chụng lại. Nói xin thôi có thể nhiều người Bắc ngờ ngàng. Người ta ghép hai từ đồng nghĩa, thành một từ có thể dễ hiểu hơn với cả hai. Một từ mang tính thống nhất, hai miền.

Đây cũng là một từ mang tính thống nhất: là ủi. Hành động dùng một vật nóng miết trên quần áo làm cho nó phẳng ra, miền Bắc nói: là quần áo. Miền Nam nói: ủi quần áo. Cái bàn là ở miền Bắc, miền Nam gọi là cái bàn ủi. Thế rồi để cho dễ hiểu với cả hai, xuất hiện một động từ là từ ghép: là ủi.

Cũng là một vật, miền Bắc gọi là đi tất, miền Nam gọi là mang vớ. Miền Bắc có câu đùa: đi giày không tất thà đi đất còn hơn. Rồi cũng để cho dễ hiểu với cả đôi, có người viết: Nó đi giày mà chẳng chịu mang tất vớ gì cả.

Rồi có khi lại là một tính từ. Bắc bảo điên. Nam bảo khùng. Dường như nó tách ra từ một từ ghép: điên khùng. Chữ lửa gạt cũng ghép như vậy, Bắc bảo lửa, Nam bảo gạt.

Một đứa cháu từ Sài Gòn ra Hà Nội chơi. Cháu giúp cho bà đi tập đi xe máy. Cháu ngồi đằng sau, dì ngồi run run lái xe đằng trước. Ngang qua chỗ chợ đông người, đáng lẽ bóp tay phanh, dì lại cuống lên rồ ga tăng tốc. Xe sầm sầm lao tới, đám quang gánh chạy dạt. Đứa cháu ngồi sau hoảng quá hét lên: Dì thắng, dì thắng. Lúc ấy dì cũng đang hoảng, dì lại càng chẳng hiểu thắng là gì.

Sau một cú hoảng hồn suýt gây tai nạn, cái câu dì thắng được dịch là dì phanh, dì phanh xe lại ngay.

Rồi tự bao giờ, xuất hiện một từ thống nhất hai miền: phanh thắng. Chẳng hạn: không có ý kiến trái chiều, thì chẳng khác gì xuống dốc mà không có phanh thắng. ■





Tiếng dương cầm trong căn nhà đồ

LÊ HẢI ĐĂNG

1 Sóng trên biển phong trào

Sau sự thoái trào của chiếc đàn *electric keyboard* (được coi là *dương cầm điện tử* và dân gian quen gọi là đàn *organ*), mấy năm trở lại đây, cùng với sự phát triển của đời sống kinh tế tại những đô thị lớn như thủ đô Hà Nội, các thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... phong trào học dương cầm (đàn piano) bắt đầu trở nên thịnh hành...

Đối với một nhạc cụ, ngoài giá trị vật chất, nó còn được khoác trên mình ý nghĩa văn hóa, tính chất biểu trưng... Đàn piano tuy không có nhiều tính năng đa dạng như đàn *electric keyboard*, nhưng lại mang giá trị biểu trưng của văn hóa tư sản phương Tây. Xét ở khía cạnh này, đàn piano đã hình thành suốt chiều dài mấy trăm năm lịch sử, tạo nên bởi những đóng góp to lớn từ vô số những tài năng thiên bẩm của loài người. Vốn là một công cụ trong tay người sáng tác, đàn piano đã giúp các nhạc sĩ thiên tài tạo ra số lượng dồi dào những tác phẩm âm nhạc ưu tú, xuất sắc. Khi tiếp xúc với đàn piano, người học dễ dàng liên tưởng tới Wolfgang Mozart (1756-1791), Ludwig van Beethoven (1770-1827), Frederic Chopin (1810-1849), Franz Liszt (1811-1886)... hay Arthur Rubinstein (1887-1982), Rudolf Serkin (1903-1991), Sviatoslav Richter (1915-1997), Vladimir Horowitz (1903-1989), Glenn Gould (1932-1982), và gần chúng ta hơn là Đặng Thái Sơn...

Giá trị văn hóa, nghệ thuật tích lũy theo thời gian đã tạo nên nhiều lớp hào quang phủ ngoài chiếc dương cầm. Âm thanh kết tinh từ thành quả của những vĩ nhân, những thiên tài trong lĩnh vực sáng tác và trình diễn bằng đàn piano luôn chập chờn, ám ảnh, hóa thân cao độ vào giấc mơ âm nhạc của người theo học. Nó trở thành nguồn năng lượng vô hình thôi thúc, làm thành cầu nối với chiếc đàn.

Chẳng phải ngẫu nhiên, làn sóng học đàn *electric keyboard* "sớm nở tối tàn" và đi đến hồi kết một cách lặng lẽ. Thực tế đó không chỉ xuất phát từ lý do kinh tế, mà còn chịu ảnh hưởng trước tác động văn hóa. *Electric keyboard* chưa thoát khỏi hình bóng của piano để chuyển hóa thành chiếc đàn độc lập, và quan trọng hơn, là tạo nên dấu ấn cá nhân.

Ngược lại, từ chỗ liên tục được bổ sung giá trị đặc biệt, đàn piano nghiêm nhiên trở thành biểu trưng của nền văn hóa thượng lưu, hấp dẫn nhiều người tham gia thiết kế, xác lập cho mình một "căn cước văn hóa". Ở những khu đô thị mới, như Phú Mỹ Hưng thuộc hạng "Gangnam Style", "Xã hội Tiểu khang" chẳng hạn, bên cạnh chiếc xe hơi đắt tiền giấu mình trong garage những tòa biệt thự sang trọng, còn có chiếc đàn piano ngự trị giữa phòng khách xa hoa. Nhiều bậc phụ huynh hướng con cái theo học piano, không ngoài cả mục đích thể hiện lối sống, giai tầng xã hội

Lang thang trên những con đường quy hoạch chỉnh trang trong khu đô thị mới, bất giác nghe thấy tiếng đàn văng vẳng phát ra từ một căn biệt thự giữa không gian tĩnh mịch, yên ả... tiếng dương cầm càng trở nên mê hoặc khiến ta lạc bước vào một chiều không gian khác, nơi in dấu một thời đã qua.

2 Dĩ vãng một thời

Cuộc đời con người quá ngắn ngủi so với chiều dài lịch sử. Cho nên, lịch sử luôn là tấm gương phản chiếu chiều không gian - thời gian ký ức. Lịch sử âm nhạc nước nhà đã ghi nhận những tên tuổi như Thái Thị Liên, Đặng Thái Sơn, Tôn Nữ Nguyệt Minh... đã làm nên dấu ấn một thời cho chiếc đàn piano qua những đóng góp mang

tính chất nền tảng trong nền âm nhạc cổ điển Việt Nam. Thế nhưng để có được tiếng đàn vang lên siêu thoát giữa những “thánh đường” âm nhạc là chuỗi ngày dài gian khổ, cần mẫn, nhọc nhằn... Hình ảnh “tiếng dương cầm trong căn nhà đổ” không chỉ là hình tượng nghệ thuật đi vào tác phẩm, mà còn chính là cuộc sống của nhiều thầy cô giáo, sinh viên, học sinh nhạc viện những năm tháng chiến tranh. Sau khóa học 1964 – 1965, thầy trò Nhạc viện Hà Nội trải qua nhiều đợt sơ tán lên Xuân Phú, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang rồi về Giang Sỏi, Hà Tây... Giữa những trận bom ác liệt, trên bầu trời xanh ngát, dưới mặt đất ngổn ngang bom đạn vẫn có những âm thanh trong trẻo của đàn dương cầm cất lên. Bởi vậy, hình tượng “tiếng dương cầm trong căn nhà đổ” mới khiến lòng người xao xuyến hơn cả tiếng đàn phát ra từ một căn biệt thự. Nó ngự trị trong thế giới tâm hồn, đánh dấu sự hồi sinh giục giã; cũng như xưa kia, Thiền sư Mãn Giác từng cảm thán với “nhành mai sân trước đêm qua” vì nhành mai ấy thể hiện ý nghĩa hồi sinh, giá trị huyền vi, bất tử sau đêm dài ngủ vùi giữa mùa đông lạnh giá. Sự phục sinh của tâm hồn là những giây phút bình yên giữa tang thương đất trời. Ý nghĩa phóng chiếu đó chuyển tải ước nguyện ngàn đời của một dân tộc từng đi qua những năm tháng sống giữa cái chết chực chờ.

3 **Biến khúc trên chủ đề Hiện thực**

Trong xu hướng thị trường hóa, nhạc viện là một trong những cơ sở kiêm vai trò phổ cập giáo dục âm nhạc. Ở nước ta, nhạc viện là tổ chức quan phương về lĩnh vực giáo dục âm nhạc. Nhìn từ góc độ thị trường, nó có giá trị như một thương hiệu nhằm kích thích, thu hút “khách hàng”. Vào thời kỳ kinh tế thị trường, màu sắc thương mại phủ lên nhiều lĩnh vực; “thương hiệu” có khả năng thu hút nhiều đối tượng. Những mô hình đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp như nhạc viện trở thành điểm đến của các bậc phụ huynh lựa chọn cơ sở giáo dục cho con em. Xét về nguồn nhân lực, nhạc viện đáp ứng được nhu cầu đa dạng, từ đơn giản đến khắt khe, cộng hưởng với sự lăm tưởng giữa việc tiếp nhận giáo dục tại cơ sở nhạc viện và học theo chương trình của nhạc viện. Đôi lần nghe thấy tiếng đàn phát ra từ phòng học piano ở Nhạc viện thành phố Hồ Chí Minh, người nghe không khỏi ngạc nhiên bởi thứ âm thanh ngô nghê, chưa “sạch nước cần”, không còn thuần túy chất kinh viện thuở nào. Nhạc viện vốn là “vườn ươm tài năng” nghệ thuật âm nhạc nước nhà, sau khi tham gia tích cực vào quá trình xã hội hóa, phổ cập thứ giá trị tinh thần từng thuộc về thiểu số, khó tránh khỏi tha hóa, ngả màu đa tạp. Hiện tượng cộng tồn giữa nhiều mô hình đào tạo không tương thích trong cùng một cơ sở như vậy chắc chắn ảnh hưởng nhất định đến hình ảnh, uy tín của nhạc viện xét về lâu dài. Nó đẩy cơ sở âm nhạc này xuống cấp bình dân và không khéo sẽ dẫn tới sự lẫn lộn giữa trình độ chuyên nghiệp với nghiệp dư, thậm chí tổn hại đến

thanh danh nhiều thế hệ đã đóng góp vào lịch sử. Luật giá trị thời thượng hững hờ với những chuẩn mực khắt khe đang san phẳng đi khoảng cách giữa âm nhạc đỉnh cao và đại chúng. Nhiều sinh viên ngoại quốc không khỏi ngạc nhiên về tình hình tạp nham bên trong nhạc viện. Học viên ngoài giờ đông đúc hơn sinh viên chính khóa. Mặc dù vấn đề gia tăng nguồn thu ngân sách nổi lên như một mâu thuẫn cần giải quyết, nhưng xét về tư duy chiến lược, mục đích vươn tới cơ sở đào tạo âm nhạc đỉnh cao vẫn phải duy trì như một định hướng bất biến. Ngay cả nước Mỹ vốn được coi là có nền kinh tế thị trường tự do thuần túy, song rất nhiều cơ sở giáo dục, nhà hát... không tiếp nhận những phần tử chưa đạt chuẩn. Nhiều sản phẩm sáng tạo đóng vai trò nền tảng cho sự phát triển đều được chính phủ tài trợ hoặc doanh nghiệp đầu tư rủi ro... cung cấp nguồn tài chính. Nhà nước chúng ta đã “làm quá ít những việc đáng làm và làm quá nhiều những việc không nên làm”, từ đó dẫn tới tình trạng “nửa vời” như hiện nay.

Xét về lâu dài, cần tách hai bộ phận đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp và trung tâm giáo dục thường xuyên ra khỏi cơ sở đào tạo của nhạc viện. Nhạc viện không nên tranh giành thị phần với thị trường đào tạo âm nhạc đại chúng. Các thầy cô nhạc viện cần thấy rõ trách nhiệm của mình trước sự đánh đổi giữa cách thức mưu sinh và phương thức thể hiện mình nhằm tránh tình trạng đóng nhăm vai.

Theo nghiên cứu thực nghiệm, người ta đã tìm ra mối liên hệ giữa giáo dục âm nhạc và tình hình suy giảm hành vi phạm tội đối với trẻ vị thành niên. Đất nước Venezuela, quốc gia có những bước phát triển đáng kinh ngạc về cơ sở giáo dục âm nhạc công lập cho trẻ em nghèo và trẻ vị thành niên, đã tìm thấy hiệu quả tích cực thông qua chương trình phổ cập âm nhạc. Số lượng trẻ phạm pháp giảm đáng kể sau khi quốc gia này áp dụng chương trình El Sistema. Tổ chức El Sistema thành lập năm 1975 quản lý trên 150 dàn nhạc thanh niên, 70 dàn nhạc thiếu niên, tạo điều kiện cho hơn 250 nghìn thanh thiếu niên tham gia học tập âm nhạc miễn phí. Các em được cấp nhạc cụ, thẻ xe buýt đi học... Trong khi ở nước ta, ngay cả nhà văn hóa, cung thiếu nhi vốn là thiết chế sinh hoạt dành cho trẻ em cũng bị xé vụn thành những mảnh lợi ích rời rạc. Tất cả đều có sự hậu thuẫn của hoạt động kinh doanh biến “thiên đường trẻ thơ” thành chốn dung tục, tạp nham.

“Thị trường nửa vời” đã cộng tồn cả hai yếu tố suy đồi, dã man của chủ nghĩa tư bản và thoái hóa, biến chất của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nhà làm luật đang đề xuất trẻ hóa đối tượng trẻ vị thành niên phạm pháp. Biện pháp rắn đe, trừng trị bằng pháp luật xem ra cần thiết trong lúc này, nhưng thật khó thể đi sâu vào sở trú tâm hồn con người chừng nào môi trường văn hóa, xã hội, giáo dục, đạo đức... chưa được cải thiện. Trong căn nhà đổ nát, tan hoang về giá trị đạo đức, lối sống, mong sao những hạt giống tâm hồn vẫn tiếp tục được gieo lên từ tiếng dương cầm. ■

Giới thiệu sách

Lời cảm ơn cuộc sống

LTS: Nhà xuất bản Hồng Đức và Nhà sách Văn Thành vừa thực hiện xong tập sách Lời cảm ơn cuộc sống, tập hợp một số bài viết trong chuyên mục cùng tên đã đăng trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo. Chúng tôi xin đăng Lời đầu sách thay lời giới thiệu đến quý độc giả.

Văn Hóa Phật Giáo

Sống là chịu ơn cuộc đời. Ơn đời rất nặng. Kinh sách Phật giáo (*Kinh Tâm địa quán, Pháp uyển Châu lâm, Đại thừa Pháp số...*) nói đến bốn ơn gồm trong Tứ trọng ân: ơn cha mẹ, ơn chúng sanh, ơn quốc vương (tức ơn đất nước) và ơn Tam bảo. Rất khó có thể đền đáp đầy đủ bốn ơn lớn này; tuy vậy, sự biết ơn và sự cố gắng tránh làm thương tổn đến

chủ thể của bốn ơn ấy là yêu cầu thiết yếu đối với mọi Phật tử hay đối với mọi người về ba trọng ân đầu.

T r o n g cuộc sống hàng ngày, con người vẫn mang ơn của nhau. Thi ân là biểu hiện của tình thương, lòng từ bi, thiện lành. Biết ơn là sự trân trọng đối với ơn đức được thọ nhận, đối với người thi ân. Đất nước ta đang phát triển về

sanh, luận *Đại Trí độ...*) chỉ dạy về việc ứng xử với nhau trong đời sống hàng ngày gồm bốn đề mục:

1. Giúp đỡ nhau về vật chất và tinh thần (bố thí).
2. Nói năng hiền hòa, chân thật (ái ngữ).
3. Làm điều lợi ích cho nhau (lợi hành).
4. Chia sẻ với nhau những lợi lạc mà mình có được (đồng sự).

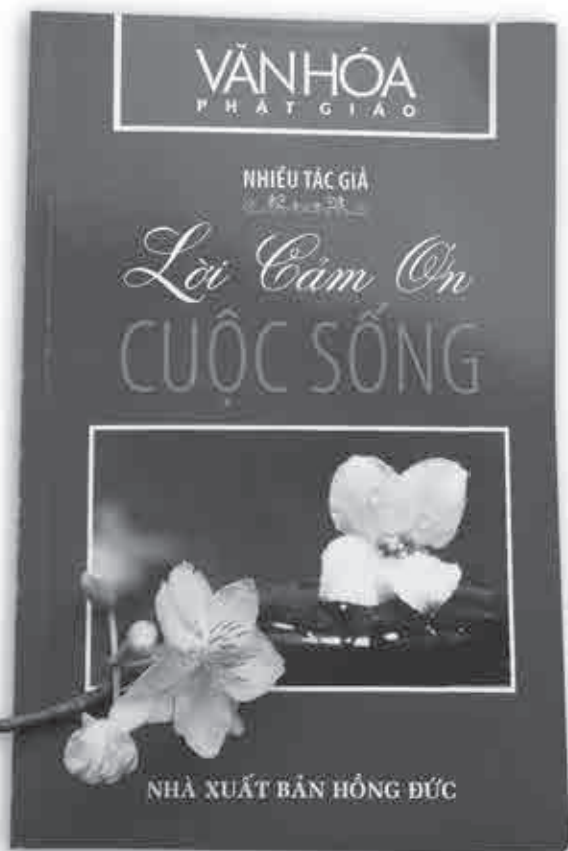
Để đóng góp phần này trong việc khuyến thiện, phát huy tình nghĩa trong xã hội qua những thể hiện nho nhỏ của thi ân, tri ân, tạp chí *Văn hóa Phật Giáo* ngoài các bài viết có nội dung liên quan, đã dành một trang chủ đề “Lời cảm ơn cuộc sống”. Chúng tôi đã nhận được rất nhiều ý kiến đồng tình. Đến nay, tạp chí đã đăng tải trên 300 bài đóng góp. Tác giả từ nhiều nơi gửi đến với hình thức “cây đăng”, đây là niềm khích lệ cho tạp chí.

Nhà sách Văn Thành có nhã ý đề nghị chúng tôi tập hợp các bài viết để in thành sách. Chúng tôi rất vui mừng vì đây là duyên may để phổ biến niềm mong mỏi, ý nguyện đóng góp vào việc xây dựng một xã hội thiện lành. Vì khuôn khổ sách chỉ có hạn, khoảng 200 trang, chúng tôi chỉ xin trích một số bài trong tổng số các bài viết nói trên, tựa đề các bài là do chúng tôi tự đặt để độc giả tiện theo dõi. Chúng tôi cũng mong sẽ được tiếp tục in số bài còn lại.

Mỗi bài viết đều kể lại một sự việc nhỏ, đơn giản, nhẹ nhàng; thậm chí có khi chỉ là một câu nói, một cử chỉ đem lại lợi ích và gây xúc động cho người viết vốn xảy ra rất nhiều, không kể hết được, ở khắp nơi: trong gia đình, ngoài đường phố, trong công viên, ở bệnh viện, chợ búa... Đó là những điểm xuyết nhẹ nhàng, đơn sơ, đẹp đẽ trong cuộc sống muôn màu, thiện ác lẫn lộn. Ai cũng có tâm thiện lành, có điều không phải ai cũng khơi dậy được tâm này. Số người xấu hiển nhiên là ít hơn số người tốt, nếu không thế thì xã hội này đã điên đảo, suy tàn. Trong niềm tin ấy, chúng tôi mong tập sách này sẽ góp phần nho nhỏ trong nỗ lực của mọi người về việc góp phần tạo an lành cho xã hội.

Xin cảm ơn Nhà xuất bản Hồng Đức và Nhà sách Văn Thành, xin cảm ơn các tác giả có bài viết và xin trân trọng giới thiệu cuốn sách nhỏ này đến chư độc giả.

Thành phố Hồ Chí Minh, Trung thu Giáp Ngọ, 2014
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



nhiều mặt, nhưng do ảnh hưởng của thời đại mới, xã hội phải gánh chịu những hiện tượng suy đồi đạo đức: gian dối, tham nhũng, cướp bóc, thô lỗ, bạo tàn, vô nhân, phi nghĩa... Ứng xử với nhau bằng tình thương mang tính văn hóa truyền thống có vẻ đang hiếm dần. Hai tiếng “cảm ơn” đơn giản cũng đang bị quên lãng. Giáo lý Tứ nhiếp của Đức Phật (trong kinh *Phạm võng*, kinh *Thiện*

Phật giáo và Thần thông

LTS: Phật giáo và Thần thông là tập sách nhỏ vừa được in xong gồm 24 bài dịch đã đăng tải trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo từ nhiều năm qua, nằm trong kế hoạch in thành sách những nội dung của tạp chí được đông đảo độc giả ưa chuộng. Chúng tôi đăng bài viết đầu sách để giới thiệu cùng quý độc giả.

Văn Hóa Phật Giáo

Trong khoảng mười năm qua, hầu như mỗi số báo của tạp chí *Văn Hóa Phật Giáo* đều có đăng một hoặc hai bài Việt dịch từ tiếng nước ngoài. Đây là những bài được các dịch giả chọn dịch phù hợp với chủ trương của tạp chí. Rất nhiều bài dịch được độc giả ngợi khen; điều này khiến chúng tôi càng cố gắng để các dịch giả ra công tìm dịch những bài viết hay để làm cho nội dung tạp chí thêm phong phú. Các tác giả là những vị đại sư, thiền gia, nhà nghiên cứu Phật học, triết học, văn hóa, xã hội... nổi tiếng. Các dịch giả là những người có kiến thức sâu rộng, có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn và vững vàng về ngoại ngữ; và hầu hết đều là những cây bút quen thuộc của *Văn Hóa Phật Giáo*.

Từ vài năm qua, chúng tôi đã có ý định in thành sách các bài dịch ấy, nhưng vì số lượng bài khá nhiều, lại chưa có thuận duyên để thực hiện nên đành tạm gác ý định ấy. May thay, mới đây được dịp trao đổi với cư sĩ Thanh Nguyên, Giám đốc Nhà sách Văn Thành, chúng tôi có nêu đề nghị việc in sách, cư sĩ vui vẻ tự nguyện đứng ra lo việc in ấn và phát hành. Không chần chừ, chúng tôi chuyển đến ông một số bài dịch nói trên, và giờ đây sách đã xong phần chế bản, đang chờ in ấn với tựa đề *"Phật giáo và Thần thông"*.

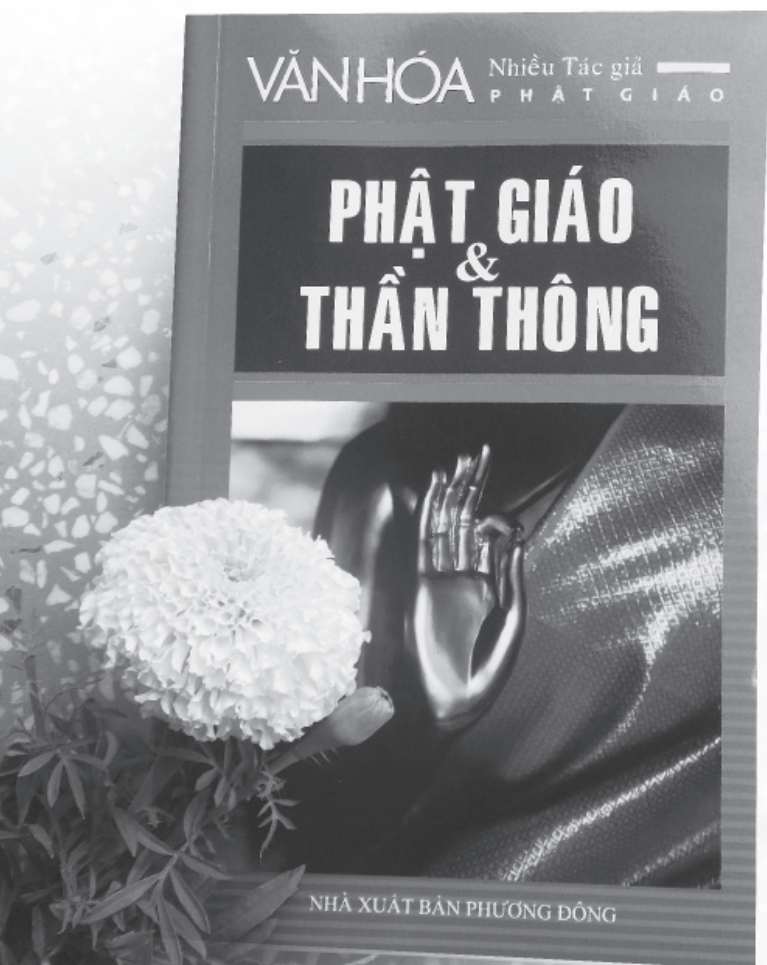
Sách gồm 24 bài viết với nhiều đề tài về nghiên cứu Phật học, Thiền học, niềm tin Phật, sự hiền thiện, tình thương, hạnh phúc... Tựa đề sách do Nhà sách Văn Thành đặt, có lẽ vì tính đa dạng của các đề tài hay do sự sắp xếp thứ tự theo ngẫu nhiên hay do một ý tứ nào đó. Chúng tôi hoan hỷ với việc chọn tựa đề ấy vì nghĩ rằng cư sĩ Thanh Nguyên là một thân hữu kỳ cựu của *Văn Hóa Phật Giáo* và của nhiều thành viên trong tòa soạn từ hàng chục năm qua, có kiến thức sâu rộng về Phật học, có trải nghiệm cụ thể về sinh hoạt tự viện, học viện Phật giáo, có kinh nghiệm về việc in ấn và phát hành kinh sách; Nhà sách Văn Thành cũng đã có uy tín từ lâu đối với giới nghiên cứu Phật học và độc giả Phật tử.

Sách báo Phật giáo xuất hiện ngày càng nhiều, có một số chưa hay; một số có giá trị, hữu ích đối với độc giả và *Văn Hóa Phật Giáo* mong được thuộc vào số sách báo này, đóng góp vào văn hóa Phật giáo nước nhà qua việc phổ biến đều đặn các số báo và gấn chục cuốn sách trích từ các bài viết trong tạp chí hoặc do tạp chí chọn và thực hiện từ các tác giả thân hữu được nhiều độc giả ái mộ. Mong sao cuốn *"Phật giáo và Thần thông"* này được độc giả đón nhận, thưởng thức, suy niệm và thu được ít nhiều lợi ích cho đời sống tâm linh.

Xin cảm ơn Nhà sách Văn Thành và chân thành giới thiệu cùng chư độc giả.

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng Giêng năm 2015

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





Chuyện kẻ ngỗng

CAO HUY HÓA

Chuyện viết ra dưới đây có chút cà-kê-dê-ngỗng, nhưng đích thực là chuyện con gà tây và con ngỗng bên Mỹ và bên Pháp, được đánh giá cao trong tiệc tùng, trong lễ hội, và chính vì vậy, con người đã gây ra tội nghiệp vô vàn cho hai con vật này.

Trước hết là con ngỗng. Ngỗng cũng như gà, vịt; được nuôi để cho con người ăn thịt, lấy trứng. Ngỗng thì ít quen thuộc, ít người ở nước ta ăn thịt ngỗng; nhưng từ lâu tôi nghe dân gian cho rằng mấy bà có thai ăn trứng ngỗng thì con sinh ra có mắt to đẹp; vậy thì, cho dầu là chuyện vui thôi, tiếc gì mà mấy bà không xơi trứng ngỗng? Bên phương Tây thì người ta không tin và không làm như vậy; họ thích chọn gan ngỗng để xơi. Trên thế giới, món ăn *foie gras* (gan béo) lấy từ gan ngỗng hay vịt, một món ăn của Pháp rất nổi tiếng, được tiêu dùng nội địa và xuất khẩu dưới dạng hộp. Từ đó phát sinh một ngành công nghiệp nuôi ngỗng để lấy gan, một ngành công nghiệp hành hạ con vật rất dã man.

"Sau khi bị nuôi 40 ngày trong lồng ấp, rồi 40 ngày ở ngoài, những con vịt và ngỗng mái bị ép ăn bằng kỹ thuật trong 12 ngày, giam trong lồng, trước khi bị giết. Người ta cho ăn theo kiểu gavage, nghĩa là: tọng thức ăn vào mỏ,

hai lần một ngày, nhờ cái bơm thủy lực hay bơm khí, vào sâu trong thực quản, khoảng 1kg cháo bắp đặc, mỗi con chừng 3 đến 4 giây. Cách ép ăn như thế gây ra tổn thương cho con vật, gây viêm thực quản, viêm ruột non và nhiễm các bệnh lây siêu vi. Lá gan được tăng trọng 10 lần so với gan bình thường của con vật, và chắc chắn bị nhiễm mỡ gan. Vì thế người ăn nhiều gan béo sẽ có vấn đề về gan. 4% số con vật chết khi được cho ăn như thế."

Sự thật dã man này đã được tờ báo mạng *Daily Mirror* (Anh) nêu lên dưới hình thức một video clip, quay tại nơi sản xuất gan béo Mitteault (Pháp) ở vùng Chalandray, thuộc thành phố Vienne (bên dòng sông Rhône, phía Đông nam nước Pháp); và báo *Le Monde*. fr ngày 24/12/2014 đã dẫn lại với nhan đề: "La cruauté du gavage des oies françaises indigne au Royaume-Uni" (Sự tàn bạo đối với ngỗng ở Pháp bằng cách gavage gây phản nộ ở Vương quốc Anh). Tờ báo Anh thật là... báo hại vì thời điểm đăng bài là trước Noël 2014, thời điểm mà thiên hạ vui chơi ăn uống.

Thế giới văn minh phương Tây ngày càng xét lại về hành xử đối với súc vật. Cộng đồng Châu Âu (EU), trong một chỉ thị năm 1998, cấm cung cấp thực phẩm từ con vật trong những trại chăn nuôi bị khổ đau và thiệt hại không cần thiết. Về chuyện chăn nuôi khai thác gan

ngỗng hay vịt theo kiểu như trên, EU khuyến cáo giải pháp thay thế và để ra một thời gian giao thời cho các nước sản xuất.

Hiện nay, chỉ còn năm nước châu Âu sản xuất gan béo: Pháp, Bulgaria, Hungaria, Tây Ban Nha và Bỉ. Ba Lan đã là nước sản xuất gan béo lớn thứ năm trên thế giới, đã tuyên bố *gavage* là bất hợp pháp từ năm 1999. Nước Ý cũng đã chấm dứt cách nuôi này từ năm 2004.

Pháp là nước đã đăng ký món *foie gras* vào di sản ẩm thực quốc gia vào năm 2006, là nước sản xuất *foie gras* chiếm 72% lượng gan béo trên thế giới, với 19.000 tấn trong năm 2013, lấy từ 40 triệu con vịt và 700.000 con ngỗng (nuôi theo cách *gavage*). Cũng trong năm đó, mỗi người dân Pháp tiêu thụ trung bình 280 gam gan béo.

Theo kết quả thống kê của một cuộc điều tra, 44% dân Pháp chấp nhận cấm nuôi kiểu *gavage* và 29% từ chối mua gan béo vì lý do đạo đức; nhưng trong khi đó, 80% trong số họ mong gan béo vẫn được dùng trong những lễ hội cuối năm.

Đó là chuyện gan béo bên Pháp. Nhưng tại sao tôi lại kéo chuyện này ghép với chuyện gà tây bên Mỹ?

Ngày 14/10/2014, Tòa án tối cao Hoa Kỳ xác nhận lệnh cấm sản xuất và buôn bán gan béo, vốn đã có hiệu lực từ năm 2012 tại California. Tờ báo Pháp *Le Monde* ngày 25/12/2014 (ngày lễ Chúa giáng sinh) liền mỉa mai nước Mỹ: Anh không mấy khoái gan béo thì anh cấm, làm như anh thương loài vật lắm, thế thì chuyện nuôi gà tây một cách dã man để phục vụ lễ hội, sao anh lại làm lơ? “Tại sao lại nhắm mắt gan béo, trong khi gà con Mỹ chết đông hàng chục ngàn trong các nhà kho, chờ chết trong vòng 42 ngày? Quý vị nghĩ như thế nào khi những con gà tây mái có ngực như bơm phồng lên, đến mức không thể giao hợp được một cách tự nhiên? Như nhà triết học và người tiên phong đề xướng quyền con vật Peter Singer cho biết: 99% số gà tây mái phục vụ lễ Tạ Ơn (Thanksgiving) là sản phẩm thụ tinh nhân tạo, điều đó có nghĩa là: Từ lâu, có một số người kích thích cho gà tây trống thủ dâm trong cả tuần để lấy tinh dịch, rồi cấy vào con mái”.

Nặng lời hơn, tờ *Le Monde* trích dẫn câu của giáo sư tâm lý học Hal Herzog, Đại học Tây Carolina (Mỹ), cho rằng, người Mỹ bị chứng “tâm thần phân liệt” về văn hóa: “Họ nhạy cảm trước những vấn đề đạo đức gây nên bởi cách nuôi công nghiệp để lấy gan béo, và đào tạo con vật để làm xiếc, trong khi đó, họ vẫn chống đối việc cấm săn bắn và chống ngăn cấm sử dụng chuột bạch trong nghiên cứu khoa học.” Ngay cả đầu đề bài báo cũng theo ý đó: “Interdire le foie gras pour déculpabiliser du massacre des dindes?” (Cấm dùng gan béo để xóa phức cảm tội lỗi của việc tàn sát gà tây mái?). Để thêm minh chứng cho ý tưởng này, bài báo đưa lên tin: Ngày 26/11/2014, hôm trước lễ Tạ Ơn (Thanksgiving), tổng thống Mỹ Barack Obama đã tiến hành tại Tòa Bạch Ốc một nghi thức hàng năm khá khó hiểu cho bên ngoài nước Mỹ: ông đã đặc xá

hai con gà tây mái, phóng thích chúng khỏi “số phận kinh khủng lẫn tuyệt diệu: đó là bàn ăn” – theo ý ông Obama, dĩ nhiên, kinh khủng cho gà và tuyệt diệu cho người (!). Hai con gà đó được đưa từ trại chăn nuôi tốt nhất và qua đêm hôm trước tại khách sạn Willard bên cạnh Tòa Bạch Ốc, trong một căn phòng 350 dollars với tấm thảm phủ bởi dăm bào. Bài báo còn đưa lên video clip về nghi thức đó. Con gà to tướng, đẹp đẽ, lông trắng toát, đặt trên bàn, và ông tổng thống cười vô cùng tươi, nói với những người dự lễ và... với gà: “tôi tha mạng cho hai con gà tây tên là Mac và Cheese, khỏi số phận kinh khủng nhưng cũng rất ngon lành” – ông Obama pha trò, nói thêm – “Nếu bạn là một con gà tây... cơ hội thoát khỏi bữa ăn tối của bạn là rất thấp. Vì thế những anh chàng này là các trường hợp hiếm hoi... Chúng sẽ sống nốt phần đời còn lại tại một điền sản ở Virginia” (theo *thethaovanhoa.vn* ngày 28/11/2014). Hành động đó, theo bài báo, chẳng qua là một nghi thức quốc gia xóa phức cảm tội lỗi trước thực tế hàng năm ở Mỹ có 46 triệu gà tây mái bị giết, trong đó có 22 triệu con vào dịp lễ Noël.

Dấu sao, cách cư xử của con người đối với con vật, trước hết là những con vật lấy thịt, đã theo chiều hướng bớt tàn bạo hơn, tôn trọng hơn đời sống của con vật, quan niệm con vật cũng có cảm xúc như con người, vì lương tri con người đã thức tỉnh trước sự tàn bạo cùng cực, và nhất là vì tiếng nói của các hội bảo vệ con vật, các nhà triết học, đạo đức, tôn giáo, môi trường, trí thức, văn nghệ sĩ... đã có trọng lượng đáng kể, ít nhất là trong các nước phát triển, tiến bộ. Dấu cho con vật phải bị làm thịt nhưng cách đối xử khi con vật sống và chết phải giảm thiểu đau đớn và tù túng. Những hội bảo vệ con vật đã đạt một thắng lợi đáng kể trong tháng Giêng 2015, tại Mỹ: đó là luật ngăn ngừa sự tàn bạo đối với vật nuôi trong trại. Luật đó cấm giam hãm gà, heo và bò “theo cách không cho con vật đứng thẳng, nằm, quay qua quay về hay duỗi chân”.

Nhắc đến Tổng thống Obama “ân xá” hai con ngỗng trước ngày lễ Tạ Ơn, tôi cũng liên tưởng đến cựu Tổng thống Bill Clinton. Sóng gió chính trường và hoạn nạn tình trường đã qua, ông ước mong: “Tôi muốn sống đủ lâu để cùng con gái tiến vào nhà thờ trong ngày cưới của con gái, rồi nhìn cháu của mình sinh ra và lớn lên”. Về nghỉ sau khi làm tổng thống hai nhiệm kỳ, ông vẫn đẹp trai, vẫn phong độ nhưng hơi thừa cân. Thế mà sau đó, ông đã phải trải qua cơn đau tim trầm trọng và phải chịu nhiều đợt phẫu thuật tim. Nhưng đó lại là duyên may khiến ông tìm được phương cách sống vui, sống khỏe. Ông say mê tập thiền có bài bản, niệm thần chú, đi bộ, chơi thể thao và đặc biệt ông ăn chay. Giờ đây, ở tuổi 69, ông giảm cân mà lại mạnh khỏe, làm việc hăng hái, đi đây đi đó. Ông Clinton và rất nhiều người ăn chay kiểu vegan hay kiểu vegetarian (có ăn trứng) ở Mỹ đã “ân xá” không biết bao gà tây, ngỗng, heo, bò... mà không có một nghi thức nào cả. ■



Hồ Tây - những cái "nhất"!

Thủ đô Hà Nội có hàng trăm hồ nước lớn nhỏ được tạo nên từ những biến động địa chất hàng vạn năm của vùng hạ lưu sông Hồng. Nằm trong khu vực nội thành của thủ đô, hồ Tây có diện tích rộng nhất với hơn 520 hecta mặt nước, chứa tới 8 triệu mét khối nước, con đường vòng quanh hồ dài 18 ki-lô mét. Có thể nói đó là những kỷ lục "ghi-nét" của hồ Tây so với những hồ khác ở Hà Nội.

Hồ Tây có nhiều tên gọi nhất: Dâm Đàm, đầm Xác Cáo, Lăng Bạc, Đoài Hồ, hồ Kim Ngưu (hồ Trâu Vàng)... Chung quanh hồ, con số những ngôi làng cổ còn mang đậm sắc thái dân gian được kể là nhiều nhất, như các làng Nghi Tàm, Nhật Tân, Xuân Tảo, Trích Sài, Kê Bưởi... làng nào cũng có những ngành nghề truyền thống như trồng hoa, làm giấy... Hồ Tây là hồ mệnh mang huyền bí nhất. Đây là nơi hội tụ chốn tâm linh và sau này cũng là nơi gặp gỡ của nhiều tao nhân mặc khách. Số lượng chùa, đền nổi tiếng xung quanh hồ cũng nhiều nhất: chùa Trấn Quốc, chùa Kim Liên, chùa Thiên Niên, chùa Vạn Niên, chùa Ước Niên, chùa Bà Già, chùa Tảo Sách, chùa Tinh Lâu (chùa Sãi), đền Quán Thánh, đền Đồng Cổ, đền Voi Phục, đền Sóc... (chùa Bà Đanh xưa cũng

nằm trên vùng đất này). Hồ cũng là nơi để các nhạc sĩ, văn sĩ, họa sĩ, nhiếp ảnh gia... có nhiều cảm xúc để sáng tác những tác phẩm để đời.

Từ lâu, hồ Tây như một chiếc quạt gió của trời, mang theo không khí trong lành cho người Hà Nội. Vào sáng sớm hay chiều tối, người Hà Nội và du khách thập phương thường ra hồ Tây hóng gió, đi bộ, tập thể dục, hít thở không khí trong lành. Nơi đây đã trở thành một điểm đến lý tưởng để mọi người dân Hà Nội tụ họp, nghỉ ngơi sau những buổi làm việc mệt nhọc, thưởng thức những món ăn ngon hay đón hương sen thơm ngát. Những ngôi nhà nổi theo kiểu du thuyền tập trung nhiều nhất ở quanh hồ: Tây Long 1, Tây Long 2, Potomac... với số lượng xe đạp nước (đạp vịt) được ghi nhận là nhiều nhất. Ở đây du khách có thể thưởng thức món đặc sản hân là không nơi nào có, mang thương hiệu "bánh tôm Hồ Tây".

Những đầm sen có mặt nhiều nhất ở ven hồ Tây và cũng vì thế mà nơi này đã thu hút nhiều nhất những dịch vụ cho thuê hoa sen làm hậu cảnh. Thời điểm hoa sen nở rộ nhất cũng là lúc du khách đến đông nhất, đặc biệt vào những ngày cuối tuần. Ở đây tình trạng "chật chèm" cũng phát triển nhất: có thời gian du khách muốn



DẠNG VIỆT THỦY

chụp ảnh hoa sen phải trả cho dịch vụ 20.000 đồng/người, mỗi bông sen “ngậm” trà ngon lên đến 25.000 đồng/bông, nước dừa có giá 30.000 đồng/quả. Giá trông xe máy từ 20.000 đến 30.000 đồng/xe, giá trông xe ô-tô từ 40.000 đến 60.000 đồng/xe. Quý khách mua bông sen nếu không rành có khi mua phải “sen nhái” vì người bán dùng hoa quỳ đánh tráo hoa sen!

Trong dịp lễ tiễn ông Công ông Táo vào ngày 23 tháng Chạp hàng năm, có một cái nhất nữa được ghi nhận ở hồ Tây là số lượng cá chép được nhiều người mang đến thả phóng sinh. Nhưng sau đó là tràn ngập túi ni-lông, chân hương, tro vàng mã... vương vãi khắp bờ hồ. Có những chú cá chép bị chết ngay sau khi thả bởi người ta ném chúng xuống nước mạnh tay quá hoặc chúng bị sặc nước tro hay những thứ khác. Người ta còn thả tay quăng xuống hồ Tây những thứ như ban thờ cũ, bát hương, vàng mã, vỏ chai rượu, chai bia, chai nước ngọt...

Số lượng ghế đá để du khách nghỉ chân ở hồ Tây bị những người bán hàng rong chiếm dụng nhiều nhất. Tình trạng hàng quán ngổn ngang xuất hiện từ nhiều năm nay, đặc biệt là đoạn ven hồ Tây bên đường Thanh Niên, những người bán hàng đã đặt chai lọ, vỏ dừa, tấm

xốp trên các ghế đá để xí chỗ. Ai muốn ngồi ngắm cảnh hồ đều bắt buộc phải mua nước, nếu không sẽ bị chửi mắng và đuổi đi. Vườn hoa Lý Tự Trọng nằm cạnh hồ Tây là một trong những vườn hoa nhếch nhác nhất. Mặc dù được gắn biển “Công trình 1.000 năm Thăng Long” từ năm 2010, nhưng đến nay hàng quán mọc lên khắp nơi, dân vãng lai đến nằm vật vờ, giặt túi ni-lông, phơi phóng quần áo lung tung. Không những thế, vườn hoa này còn trở thành đường đi của đủ loại phương tiện; không chỉ xe đạp, xe máy mà còn cả ô-tô. Nguyên nhân là điểm cuối cùng của tuyến đường ven hồ lại đâm thẳng vào vườn hoa. Người và xe lờ đi trên con đường này đành phải trèo lên vườn hoa để tìm lối ra. Gần đây đã chuyển biến tốt hơn, chính quyền đã cho làm đường ven hồ nối thông với đường Thanh Niên.

Có lẽ do hồ Tây rộng nhất nên cũng có hân hạnh được đón nhận số lượng rác người ta vứt xuống nhiều nhất; du khách có mà người bán hàng cũng có. Người viết bài này từng chứng kiến một bà bán hàng ven hồ quét rác gom lại tưởng hót đi; nhưng không, bà ta xả thẳng xuống hồ ngay sau chiếc ghế ngồi bán hàng của mình.

Hồ Tây là hồ có nhiều kẻ câu trộm cá táo tợn nhất. Trước đây có đến cả trăm “cần thủ” ngang nhiên câu trộm cá giữa ban ngày. Đi dọc con đường ven hồ Tây thấy rất nhiều “cần thủ” đang ung dung thả mồi câu cá, có khi chỉ 100 mét đã có năm sáu kẻ buông câu, mặc dù những biển báo cấm câu cá được dựng lên rất nhiều trong khu vực này. Tuy các phương tiện thông tin truyền thông đã đưa tin, các cơ quan chức năng có xử lý nhưng tình trạng câu trộm này vẫn diễn ra thường xuyên. Chỉ tính riêng 500 mét ven đường Thanh Niên đã có hàng chục tay câu cá trộm, tuổi từ 19, 20 đến hơn 60. Đồ nghề cũng đa dạng, từ cần câu hiện đại đến thô sơ truyền thống, vợt, ống bơ cột dây cước, lưới, lưới câu chùm... rất “khùng”. Du khách đi qua rất sợ khi họ giật cá, chỉ sợ lưới câu chùm vướng vào mặt. Thực tế đã có du khách “dính” lưới câu vào người, vào tay, kể cả khách Tây.

Hồ Tây có nhiều cá chết nhất. Mấy năm gần đây, cứ đến mùa nắng nóng, ít mưa, nước hồ Tây từ màu xanh rêu chuyển sang màu nước đục, bốc mùi khó chịu. Thời tiết nắng nóng, môi trường lòng hồ bị thay đổi dẫn đến cá chết hàng loạt. Quanh khu vực này có rất nhiều nhà hàng hoạt động, xả nước thải, văng dầu... cũng làm cá chết. Ngoài ra cá chết còn do những tay câu giật trượt, cá bị rách mang, sút đầu, toạc bụng lòi ruột... Không những cá chết mà các sinh vật khác như tôm, ốc... cũng bị bức tử.

Hồ Tây còn nhiều cái nhất khác không thể kể hết được, như trước khi công trình xây kè được thực hiện, hồ Tây đã bị người ta san lấp lấn chiếm hơn 300 hecta. Bên cạnh những cái nhất rất đáng tự hào của hồ Tây, còn có những cái nhất sao mà buồn, đau lòng và bức xúc quá! Hồ Tây ơi hồ Tây...! ■

Xuân

SÔNG HƯƠNG

Sáng nay xuân chạm mái hiên
 Liều xiêu bước gầy mẹ nghiêng tuổi trời
 Cha đi về cuối sông đời
 Chuyện vai con gánh một thời lo toan

Sáng nay xuân trái nắng vàng
 Cánh chim vỗ nhịp giao hoan đất trời
 Ru hờ câu hát... ầu ơi
 Phù sinh gói lại trong lời ca dao

Sáng nay xuân phớt má đào
 Giữa dòng tin muộn nụ trao... môi người
 Nhủ lòng xuân hãy còn tươi
 Thoảng nghe đâu đó tiếng cười con thơ.

Xuân thâm

PHAN VĂN THỊNH

Sớm ba mươi lẳng hồn trong như nước
 Tuổi thơ bay trên cánh gió chập chờn
 Bên quán trọ - cội mai già ngơ ngác
 Hạt sương cười nghe nụ - nẩy mầm khôn.

Hoa cứ rộ cho vàng phai mắt biếc
 Xuân lại qua thăm viếng đã bao lần
 Nào ai biết tuổi còn reo tiếng ngọc...
 Dấu chưa mòn - sương khói đã chôn chân.

Cao cao vút mấy tầng mây cánh hạc
 Công âm thầm như lũ khách phương xa
 Cũng khói sương vương chút nắng quê nhà
 Nghiêng chưa hết giữa vàng mây ánh bạc.

Ngày lẳng đặng khói trầm đường chưa dứt
 Ngửa tay tron xem hoa nở bao mùa...
 Nghe trước ngõ cành mai vừa bừng nụ
 Dấu lặng thầm mà ngan ngát hương đưa.

**Con về
chạm ngõ tuổi thơ**

TRẦN NGỌC MỸ

Con về chạm ngõ mùa thơm
 Dịu êm hương buổi gió đơm nắng hồng
 Xuyên bao bão táp mưa giông
 Cây xanh hoa trái vẫn nồng nàn thơm

Con về chạm bóng ao vườn
 Bình yên động cỏ, giọt thương khôn cùng
 Rạ rom chồn nín lạ lòng...
 Khoảng trời thơ nhỏ tóc hung nắng hè

Mây giăng êm mát bờ tre
 Phất phơ bụi chuôi vọng về tiếng xưa
 Ngọt ngào chiếc võng đu đưa
 Mẹ ru giấc ngủ như vừa bên con

Về đi hạt gạo trắng trong
 Xa quê thương mẹ mỗi mong bao ngày
 Sân hong khoai sắn thân gầy
 Tâm hồn khôn lớn từ đây ơn người!

**Tiếng ru
và lời ca**

TRỊNH NGỌC THÀNH

Tiếng ai ru... như tiếng Mẹ ngày xưa,
 Giọng ồm ồm đưa con vào giấc ngủ,
 Có ai hiểu trong lời ru của Mẹ,
 Đã đượm đầy bao nỗi khổ đau!

Tiếng ai ca... như tiếng của em thơ,
 Đang hát vang vang giữa mái trường làng,
 Có ai hiểu trong những lời ca ấy,
 Tiếng hát rộn ràng đất nước đang lên!

Mẹ ơi!
 Con vẫn ngủ trong lời ru của Mẹ.
 Con đang ngân giọng hát câu hò.
 Con đang vui với lũ trẻ thơ
 Đang vững bước cho ngày mai tươi sáng
 Con mong ước trên quãng đường con bước
 Chẳng lúc nào vắng tiếng Mẹ ầu ơ...!

Về miền thôi xanh

KIM HOA

Hoàng hôn ngả bóng nơi này
Vàng dương ló dạng trời Tây xứ người
Chim đàn rời tổ chơi vơi
Về miền xa ngái vọng lời nhớ quê...

Ngút ngàn dặm bước nhiều khê
Hai đầu thương nhớ khó bề phôi phai
Trăng nghiêng bóng đổ đêm dài
Đêm buồn chan giọt mắt cay tự tình.

Thả trôi dòng cảm lênh đênh
Nén lòng nỗi giấc tìm quên muộn phiền
Chất chiu kỷ niệm sơ nguyên
Dang tay nín giữ về miền thôi xanh.

Mong nắng ...

NGUYỄN TỪ

Nắng về khô áo em phơi
Ráo đường đi học mưa rơi hôm nào
Nắng về vườn tía xôn xao
Nhờn nhớ cánh bướm ra vào sớm trưa
Nắng về cho tốt đám dưa
Gió hòa, mưa thuận cho mùa đơm bông
Nắng về cho chợ luôn đông
Vui lòng người bán, phi lòng người mua
Nắng về để ráo đường mưa
Đỡ chân lội dầm sớm trưa bùn sinh
Nắng về tươi sáng bình minh
Reo vui khắp nẻo muốn chim đón chào
Nắng về đẹp tựa ngàn sao
Tâm hồn thoáng mở nâng cao học hành...

Hư vô

THIÊN NHẤT PHƯƠNG

Ta đi
Với phố không người
Hình như
Xuân cũng xa vơi
Nơi đâu?
Sài Gòn nắng quái mưa mau
Nhân gian rồi cũng qua cầu nước trôi!
Một đời thôi
Một người thôi
Lang thang đi giữa đất trời
Có Không!

Đóng cửa

TƯƠNG GIANG

Đối diện với những bao la
Mà nghe chật chội chan hòa bon chen
Một mình đóng cửa cài then
Cho hồn tỉnh thức, cho tim tìm về

Phía ngoài là vũng si mê
Là tâm chấp ngã bên lề tử sinh
Những lời yêu rất chân tình
Để dang ngộ nhận khi mình cô đơn

Hồn nhiên thơ ấu ngủ quên
Cho nên vàng trán hằn thêm tội tình
Ồn ào giữa những vô minh
Tình cờ giẫm đạp chính mình đầy thôi

Vẫy tay tạm biệt hiên đời
Cành xuân chợt nở rạng ngời tâm tư
Dấu chân xưa đã mịt mù
Hốt nhiên tao ngộ phù du một lần.

Lắng nghe

THÍCH TRUNG VIỆN

Lắng nghe
gió thổi rì rào
mưa rơi lộp độp...
đế, cào,... liên thanh
Lắng nghe
tim đập chậm nhanh
phút giây diễn biến
thân hành... diệt sinh
Lắng nghe
hơi thở an bình
nhịp nhàng đều đặn
hành trình vào-ra...
Lắng nghe
tiếng chánh... tiếng tà...
thoạt không thoạt có
sát-na đôi đời
Lắng nghe
vọng niệm nổi trôi...
tâm vô thủ xả
xa rời... không hoa!
Lắng nghe
Phật hiệu dung hòa
chuyển mê về giác
vượt qua... luân hồi!

Vì em là em của chị

LÊ HỨA HUYỀN TRẦN

Từ khi biết nhận thức, chúng tôi – nó và tôi – đã ở bên cạnh nhau, vì chúng tôi là hai chị em sinh đôi. Ba mẹ kể, thuở nhỏ chúng tôi kháu lăm; vừa bụ bẫm, vừa là trẻ sinh đôi nữa, nên chúng tôi rất được người lớn yêu thương. Lúc nào mẹ cũng cho hai đứa mặc đồ giống nhau, và chúng tôi luôn xum xoe trong những chiếc váy xinh xắn tinh tươm mà mẹ đã phải dành dụm để mua cho hai đứa. Ba đi làm xa, mỗi khi về đến nhà lại ôm chúng tôi nựng lấy nựng để. Chúng tôi lớn lên trong tình yêu thương của ba mẹ; và với riêng tôi, về sự hiện diện của nó bên cạnh, tôi chưa bao giờ “định nghĩa”; với tôi, điều đó là hiển nhiên, là quy luật, là chân lý bất buộc phải thế rồi.

Ba mẹ vẫn hay kể với chúng tôi trong những buổi họp gia đình về những ngày chúng tôi còn bé xíu; rằng khi còn nằm nôi, hai đứa đã luôn nắm tay nhau không chịu rời ra, kể cả khi đã vào giấc ngủ; rằng lúc nó đi lạc tôi đã khóc đến mức tưởng chừng lạc giọng mà vẫn không nói được tiếng nào, chỉ biết bập bẹ “em... em...” nghe đến mà thương. Mẹ nói với tôi rằng nó rất hãnh diện khi được là em của tôi. Ngay khi hai đứa mới bước vào mẫu giáo, có lần nó bị ăn hiếp bởi những thằng nhóc đồ con thích ghẹo con gái, tôi đã lao vào đánh mấy thằng nhóc ấy như điên, để rồi tôi, con gái con đứa, mà mặt mũi đầy vết cào cấu; cho tới khi tự nhiên thấy nó lăm chằm bước tới bên tôi, tôi lại òa khóc đúng với tính cách của một đứa trẻ, mặc dù chỉ trước đó vài phút, tôi đã “anh hùng” là thế.

Tôi cũng biết điều đó. Tôi biết từ bé tôi đã là “anh hùng” trong con mắt nó, là thần tượng của nó. Bởi thế tôi cũng luôn cố gắng xây dựng hình ảnh của mình thật hoàn hảo để có thể được nó “hâm mộ” mãi thôi.

Mỗi lần kể tới chuyện đó ba tôi lại cười rồi hỏi tôi:

- Con có biết, ngày ấy, em con đã nói gì khi được ba hỏi tại sao lại nhận lỗi thay chị không?

- Thưa, không!

- Nó nói “Vì con là em của chị, chị đã bảo vệ con”.

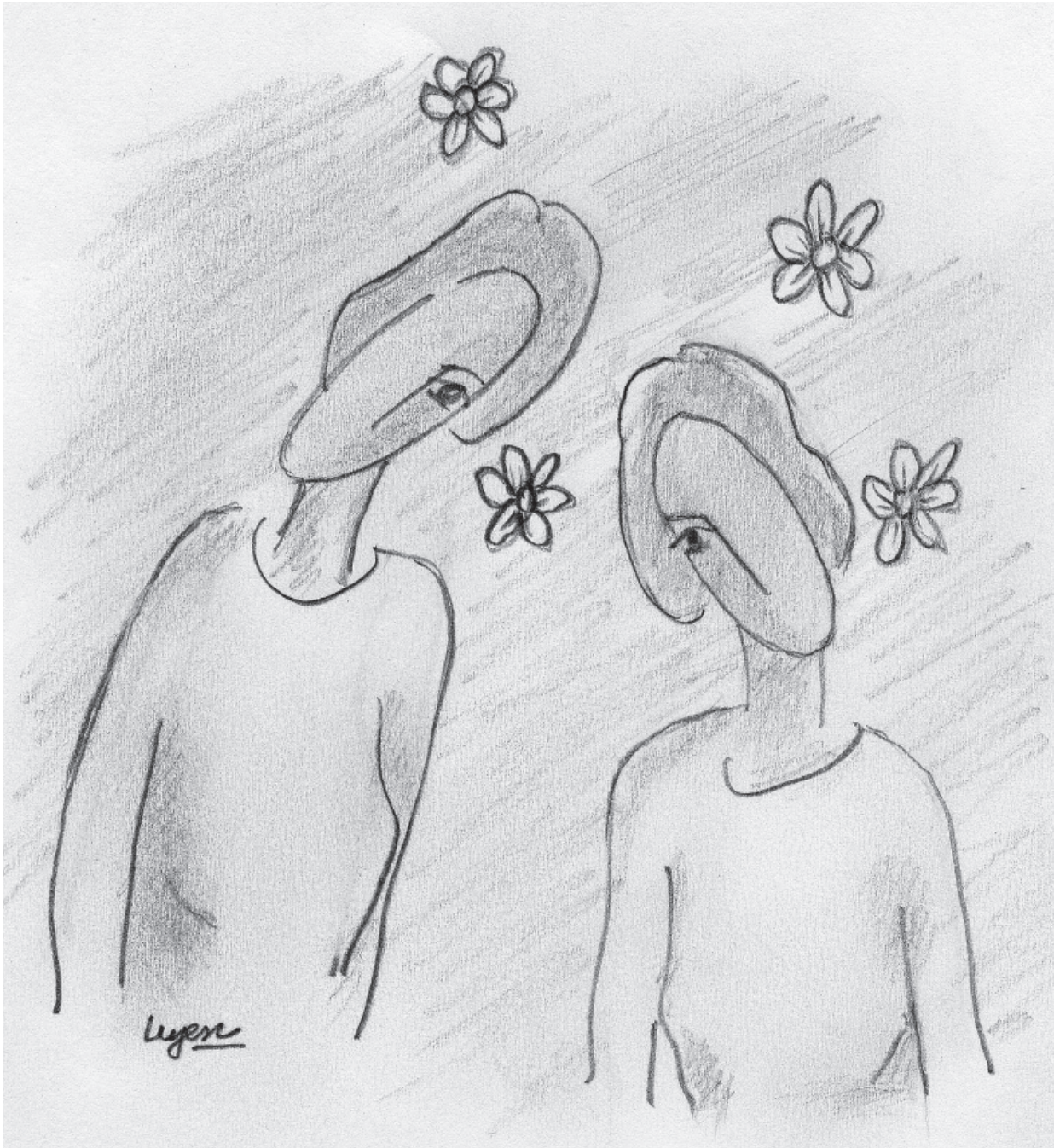
...

Lên cấp hai, tôi ngày càng ngổ ngược. Phải nói, nó nữ tính hiền thực bao nhiêu thì tôi lại đanh đá bấy nhiêu; nhưng được cái tôi chăm học. Tôi chăm

học cũng vì nó, vì tôi muốn nêu gương cho nó; vì tôi không muốn nó ngừng yêu thương tôi, tôi muốn tôi luôn là số một để nó noi theo. Đường như nó cũng biết thế; bất cứ lúc nào, khi gặp một đứa lớp khác, nó đều giới thiệu theo kiểu “tớ là em của chị ấy”, chứ không bao giờ nói tên nó ra. Khi tôi hỏi thì nó luôn bảo “Vì em là em của chị, em hãnh diện về điều ấy”. Tôi vui với câu trả lời của nó; và cũng như bao lần, tôi cho điều đó là hiển nhiên. Mà thật, ngày ấy tôi cũng nghĩ rằng nó sẽ phải lệ thuộc tất cả vào tôi; tôi cho phép mình đặt ra cái quyền ấy, và tôi bắt nó phải theo tôi. Chúng tôi cùng lớp từ lúc bé cho đến khi lên cấp hai. Nhưng tất cả thay đổi từ khi chúng tôi bước vào cấp ba, và đó cũng là lúc giữa hai đứa bắt đầu có những xích mích đầu tiên.

...

Nó chưa bao giờ cãi lời tôi. Như tôi đã nói, nó luôn xem tôi là thần tượng, nó để tôi quyết định tất cả cho cuộc sống nó; còn bản thân tôi, tôi luôn xem mình là đúng, tôi tập mình trở nên hoàn hảo đồng thời cũng biến mình thành một kẻ tự kiêu. Nhưng bấy giờ nó lại cãi tôi, cãi về việc sẽ chọn giữa ban tự nhiên hay ban xã hội để học khi mới bước vào lớp mười. Lúc đó tôi cũng không tin vào tai mình; và lần đó hai đứa cãi nhau to. Dĩ nhiên, sau đó nó được học ban tự nhiên vì đó là ban nó chọn. Ba mẹ tôi trước giờ theo chủ trương luôn tôn trọng ý kiến và sở thích của con cái nếu điều đó có lợi cho chúng. Đó là lần đầu tiên chúng tôi cãi nhau cũng là lần đầu tiên chúng tôi học khác lớp. Sau ngày ấy, chúng tôi có đôi phần xa nhau chứ không còn thân thiết như trước nữa, bởi lẽ tôi là kẻ ích kỷ; còn nó, sau lần đầu tiên tự quyết định cho cuộc đời mình, nó cũng trở lại bản tính nhút nhát như thường thấy. Những năm học cấp ba rồi cứ thế cũng qua đi, nó ngày càng trở nên lặng im, ít nói. Thi cử, bài vở và cái tâm lý lúc nào cũng phải nêu gương cho nó khiến tôi lao vào học hành như điên; tôi không để ý đến những đổi thay của nó, không nhận ra nó cũng đã lớn, bắt đầu nhạy cảm, có những buồn vui tâm sự, chúng tôi ít nói chuyện với nhau hơn, hoặc đôi lúc nhìn nhau nói vài câu qua loa cho xong chuyện, bởi lẽ tôi đi học suốt ngày.



...

Lên lớp mười hai, nó không còn nói yêu thương tôi nữa. Tôi cũng bận chuẩn bị cho việc vào đại học khi kết thúc năm học, nên một lần nữa tôi lại xa rời em tôi. Tôi không nhận ra những biến chuyển trong tâm lý của nó khi nó bắt đầu yêu; và cả khi nó chia tay với người bạn trai đầu tiên, nó đã mang những tâm trạng như thế nào. Vì cái lẽ gì đấy mà sang học kỳ hai em tôi bắt đầu trượt dốc, nó ít cười ít nói hơn.

Thình thoảng tôi có hỏi tới, nó cũng chỉ đáp lầy lẹ, "Em ổn mà, chị".

Bởi thế tôi cũng im; và lại, tôi cũng đang vị kỷ lo cho chính mình với kỳ thi trước mắt.

Nó không còn nói yêu thương tôi nữa, suốt ngày cứ như cái bóng vật vờ, về hồn nhiên tinh nghịch từ tấm bé cũng không còn, đôi lần bức quá tôi cũng quát:

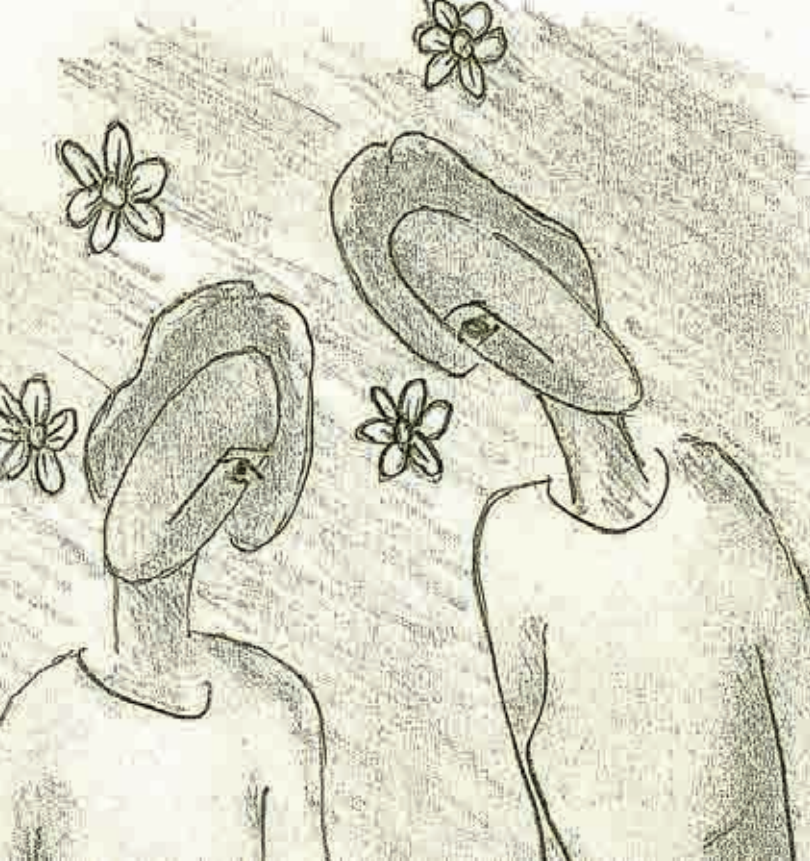
- Mày học hành gì chưa đấy, hả? Cứ thế là rốt đại học như chơi ấy nhé

Nó cũng chỉ cười:

- Em sẽ đậu mà, chị, vì em là em của chị mà!

Tôi lại thôi.

...



Nó thay đổi hẳn khi lên đại học. Trầm tính, ít nói và lúc nào cũng cười buồn. Và kể từ đó, lúc nào nó cũng nhìn tôi có vẻ sợ sệt, cái sợ ai đó sẽ làm mình tổn thương tinh thần chứ không phải cái nỗi đau thể xác. Tôi ban đầu cũng thấy mình có lỗi; nhưng sau cứ thấy, mỗi khi nhìn tôi nó lại có vẻ né tránh khiến tôi đâm bực. Có bận tôi đã ném nguyên cuốn vở vào người nó khi nó nhìn thấy tôi ở nhà trước đã lùi ngay ra nhà sau; tôi mang đến cho nó thêm nỗi sợ thể xác.

Để tiện cho việc học, tôi dọn vào ở luôn ký túc xá, hai đứa xa nhau thêm, càng ít gặp. Lúc này gia đình tôi gặp biến cố, mẹ ốm nặng, ba cũng cố gắng gồng gánh nhưng cũng đã yếu rồi, mọi thứ đổ ập lên vai tôi, tôi phải đi làm thêm. Nhưng cái sự đời cũng nghiệt, biết mình cần được giúp thì cuộc sống càng cứ ép mình vào chốn đường cùng. Tôi đi xin mãi mới được chân chạy việc trong quán ăn, làm được ít lâu cũng được tăng lương liên tục khiến tôi cũng vui. Nhiều lúc tôi hay ghé nhà mua thức ăn cho ba mẹ rồi hàng tháng góp chút tiền tôi kiếm được cải thiện cho gia đình, lần nào tôi cũng ít gặp nó. Có bận tôi tới khuya lắm mới thấy nó ở đâu về, gắng hỏi không nói, tôi cũng bực.

Thời gian cũng qua đi, tôi cũng biết yêu. Chàng trai của tôi là người mà tôi nâng niu hết mực. Anh cũng thương tôi bằng tình yêu đậm thắm và thủy chung. Vào năm cuối đại học, tôi đưa anh ra mắt gia đình và đã có dự định ra trường là sẽ cưới. Cả nhà mừng cho tôi. Và khi tôi nhìn lại hạnh phúc của mình so sánh với việc nó vắng nhà mỗi đêm nhiều giờ hơn tôi, lại cảm thấy việc nó tồn tại trong cuộc sống tôi dường như thật vô nghĩa. Tôi lao vào học để mong có tấm bằng loại ưu. Mẹ đã hết bệnh, bảo tôi nghỉ làm thêm, lại còn

đưa tôi khoản tiền kha khá để tôi cải thiện việc học. Tôi nghĩ gia đình đã ổn định trở lại nên chỉ chú tâm vào học. Khi tôi tốt nghiệp, người tôi yêu nói lời chia tay, tôi choáng váng bất ngờ khi lý do anh đưa ra chỉ vì tôi quá chú tâm học không có thời gian dành cho anh. Tôi nhớ mình đã khóc dữ lắm. Bận bịu xúm vào an ủi khuyên lơn; nhưng nỗi đau quá lớn, tôi vẫn hụt hẫng. Để quên những kỷ niệm, tôi rời ký túc xá, về nhà; và tôi để ý, mỗi đêm trên đầu giường tôi luôn có chiếc khăn ẩm nước, tôi biết nó để cho tôi lau nước mắt...

Nó tốt nghiệp đại học loại khá. Trong khi đó, tôi trở nên cáu bẳn hơn; lúc nào không vừa ý tôi lại lấy nó ra làm bình phong. Có lần tôi đã mắng nó khá nặng để nó phải bỏ chạy mà khóc ra khỏi nhà, Lúc ấy mẹ đã nói với tôi:

- Quỳnh này, con có biết khoản tiền mẹ đưa con những năm cuối cấp ở đâu ra không?

- Thưa, tiền má để dành?

- Là tiền của con Lài đấy, nó đi làm kiếm tiền cho con ăn học đấy.

Nghe tôi cũng choáng váng nhưng cũng thoáng bất ngờ, không phải tôi không tin em tôi không thể làm ra tiền mà tôi không tin đứa em tôi lại hy sinh đến thế. Tai tôi như ù đi khi mẹ nói tiếp:

- Ngày ấy, má bệnh, chỉ mình nó ở nhà, nó cũng bắt lực lắm, rồi con về, con bắt đầu đi làm, nó cũng đòi theo nhưng má không cho, con chưa bao giờ thắc mắc sao lương tháng con cứ tăng à? Đó là vì sau khi con rời khỏi chỗ làm, nó đã tới đó làm thêm nữa với danh nghĩa của con đấy...

- Nhưng sao má không nói... Sao ngày đó không ai nói... Con đã mắng nó...

- Nó không cho ai nói cả, ba má tôn trọng nó, rồi khi con buồn, nó cũng muốn hỏi con nhưng hai đứa dạo này cứ xích mích miết, nó chỉ biết quan tâm con thông qua má thôi...

Tai tôi ù đi nhưng tim tôi đập mạnh. Bao ký ức từ khi bé thơ với việc nó hiện diện bên đời tôi bỗng chốc hiện lên. Nó là em tôi, nó biết tôi đang đau những gì và cố gắng những gì; còn tôi, cả những giây phút hạnh phúc lẫn khổ đau của cuộc đời nó, tôi cũng dừng dừng vì tính ích kỷ của mình. Nó chưa bao giờ xa tôi, chỉ có tôi là tự xa nó bởi những suy nghĩ của mình; còn nó, nó vẫn yêu thương và dõi theo tôi. Tôi gục đầu xuống ghế khóc dữ dội.

- Chị, sao thế...?

Tiếng nó làm tôi ngẩng vội lên...

- Em... Đi đâu giờ mới về?

- Em sợ chị giận, đợi chị hết giận em lại về. - Nó cười nhẹ.

Tôi gào lên như trẻ nít:

- Em, tha thứ cho chị nhé?

Nó nhìn mẹ rồi nhìn tôi mỉm cười:

- Em sẽ tha thứ, vì em là em của chị mà! ■

Thấp thoáng hồn quê

LÊ ĐỨC ĐỒNG

1 Quê tôi có dòng sông Lam, nước biếc xanh ngày hạ, trong vắt buổi thu về... Dòng sông lặng thầm tắm mát cho đời, cho người và chở phù sa bồi đắp nên cánh đồng màu mỡ.

Nổi bật giữa cánh đồng lộng gió nồm Nam chạy dài theo khúc uốn lượn của dòng sông gọn sóng là ba cây dầu lai sừng sững thành một chòm. Có lẽ tự thuở xưa nào, những hạt cây từ thượng nguồn trôi theo dòng lũ gặp đất lành và náo nức mọc lên... Với tán lá xanh rì rào và chấp chới từng chùm trái trên cao, chòm cây ấy trở thành nơi dừng chân nghỉ ngơi hóng mát của bác nông dân, cũng là nơi bà nội và mẹ tôi ăn cơm vắt ban trưa giữa đồng trong mùa thu hoạch...

Tuổi thơ tôi gắn bó với bờ sông đầy sỏi đủ màu và những doi cát trắng... Cây dầu lai như rủ rê mời gọi chúng tôi đến kết thân. Mùa trái chín, lũ chúng tôi giành nhau nhặt mang về. Trái dầu lai to bằng nắm tay, chứa từ ba đến bốn hạt có vỏ cứng màu đen thẫm. Rồi bà phơi khô, rang lên cùng với hạt bưởi hạt trâu... Tôi giúp bà giã nát trong mùi dầu bốc lên thật thơm. Không ăn được đâu, bởi dầu lai chỉ làm được dầu thấp sáng. Khi nấu, những váng dầu nổi lên. Bà chỉ cho tôi vớt ra để vào cái lọ sành. Bắc đèn là ruột của cây cỏ ống phơi khô "nhẹ như bấc"... Công đoạn "sản xuất" dầu đã xong, chỉ còn đợi đêm xuống là thấp sáng.

"Ngọn đèn" chỉ là một chiếc đĩa gốm nhỏ có quai để treo lên. Đổ lớp dầu màu vàng nhạt vào, thả bấc xuống cho thắm và châm lửa... Ngọn đèn cháy dần lên, một làn khói mỏng với mùi thơm dễ chịu lan tỏa. Có những khi dầu bấc nở hai, ba hạt tròn vàng rực. Bà tôi gọi đó là "hoa đèn" và lại nhắc, chắc bố tôi sắp về thăm nhà; bà bảo "Thứ nhất đom đóm vào nhà - Thứ nhì chuột rúc, thứ ba hoa đèn". Dưới ngọn đèn dầu lai, tôi đọc sách, học bài qua những quãng dài thơ ấu... Từng trang sách mở ra biết bao chân trời mới lạ. Ngọn đèn dầu lai thầm nhắc tôi chăm chỉ, cần cù, biết vượt lên để mà tỏa sáng. Những năm tháng ấy thiếu thốn trăm bề nhưng ngọn đèn dầu lai không bao giờ biết tắt...

Ồi ngọn đèn dầu lai thuở nào giờ đã đi vào trang cổ tích! Vẳng sáng nhỏ nhoi ấy thấp sáng bao ước mơ tuổi nhỏ, lung linh huyền diệu lạ kỳ... Không quên được đâu hơi ngọn đèn dầu lai của bà, của mẹ! Bởi lối mòn đường quê, những vạt cỏ gấu, cỏ chỉ vẫn còn rung rinh trong tôi bên cây dầu lai mùa trái chín...

2 Vạt cỏ bình thường thôi nhưng với tôi đầy ắp kỷ niệm... Con đường làng thuở ấy rợp mát bóng tre, bóng xoan đào nên bàn chân mát rượi dầu giữa buổi trưa hè oi ả...

Tôi ngồi bên vạt cỏ xanh mượt. Cỏ vẫy lấy tôi rì rào trò chuyện... Cỏ gấu có sức sống diệu kỳ, chúng nối với nhau bằng những thân ngầm dưới đất, cho củ to bằng đầu đũa có mùi hăng hắc... Cỏ chỉ mảnh mai, bò luồn để vươn xa; cuối hạ, trên đầu ngọn cỏ chỉ có những lá nhỏ cuộn vào, chúng tôi tìm để chơi trò "chơi gà" ngộ nghĩnh... Cỏ may đưa lên mặt đất những bông hoa màu tím nhạt, cả đám khê nghiêng mình khi ngọn gió thổi qua...

Họ hàng nhà cỏ đua nhau mọc, tạo nên đám cỏ xanh bên đường làng. Chúng kết liên nhau, quện chặt vào nhau để giữ đất màu, chống xói lở khi những cơn mưa đầu mùa ập đến...

Vạt cỏ bên đường, thế giới lung linh của khung trời tuổi nhỏ thần tiên! Kia là chú chuồn chuồn đất đang rình bắt lũ muỗi cỏ còn ẩn náu... Chuồn chuồn kim như cái kim khâu thêm đôi cánh mỏng đang bay... Xảy đâu một gã chuồn chuồn cỏ lao tới làm xao động đám cư dân ở vạt cỏ xanh; gã là sát thủ của lũ ruồi trâu, ruồi vàng độc ác! Vẳng nghe câu đồng dao đầu đó vọng về:

"Chuồn chuồn có cánh thì bay

Kèo thằng cu Tý thò tay bắt chuồn".

Lẩn trong đám cỏ là những chị cào cào, châu chấu áo xanh, áo đỏ như đang trẩy hội mùa hè. Đêm đêm, bản nhạc đồng quê được tấu lên khi vừng trăng đầu tháng lấp ló phía chân trời yên ả...

Hơn ba mươi năm xa quê, xa vạt cỏ ven đường, xa những khuôn mặt bạn bè, nhưng lòng tôi chẳng hề nguôi niềm nhớ. Cỏ vẫn lặng im, vẫn biếc xanh mùa hè, khê nhuộm vàng khi mùa thu gõ cửa... Vẫn con chuồn chuồn đất ngây thơ, vẫn con chuồn chuồn cỏ dũng mãnh. Còn ai bây giờ là bạn cào cào, châu chấu ngày xưa? Còn ai bây giờ ngồi mãi mê hàng giờ để rình bắt con chuồn chuồn ớt? Trái ớt biết bay bao lần làm cay mắt tôi? Hương cỏ ven đường còn đó, ngọn gió ngày xưa còn đó, nhưng có còn dấu chân ai trên cát mịn thuở nào...

Nơi cuối trời Nam Bộ, lạ chưa, cũng có loài cỏ như quê mình! Cũng con chuồn chuồn ớt, hay nó bay theo tôi từ ấy đến giờ? Tuy hơi nhạt màu nhưng rõ ràng là nó. Bởi thân chuồn chuồn bỗng cháy đỏ rực lên màu ớt chín, bay chấp chới trong chiều bên vạt cỏ non xanh... ■



Các em học sinh ở Mái ấm Hương Dương

Thầy và trò

Bài & ảnh: NGUYỄN ĐÔNG NHẬT

Nghe anh bạn nhà giáo Lê Thí kể chuyện về một anh học trò “điên điên”, tôi gợi ý: Viết đi. Có một tờ báo đang tổ chức cuộc thi viết về người thầy giáo đấy. Hy vọng thế nào cũng được giải... khuyến khích cho những “mầm non văn nghệ” đấy! Anh bạn cười cười: Giải chót thì đã là may. Chỉ sợ người ta không thèm đăng báo đâu. Già rồi mà còn thi với cử. Quê một cục! “Giăng co” mãi, cuối cùng thì anh bạn chịu thua, khi tôi đưa ra cái “lý sự” này: Thì nếu không được giải, ông cũng “quờ làng” được thêm một tiếng chó. Cho xã hội biết mà ủng hộ cái anh học trò điên của ông chó!

Vụ việc như thế này. Hơn 20 năm trước, anh bạn ấy và một nhóm nhà giáo bảo trợ cho một vài học sinh khiếm thị, trong đó có Đặng Ngọc Duy... Qua được cấp III, anh

học sinh mù cổ tiến công và cũng vào được trường đại học, sau ba năm trầy trật. Tốt nghiệp, anh được mời về dạy ở Trường Phổ thông Chuyên biệt Nguyễn Đình Chiểu, TP.Đà Nẵng (trước là Trường mù Nguyễn Đình Chiểu). Dưới mắt nhiều người, thì được như thế là *la vie en rose* rồi. Vậy mà anh sinh viên vừa tốt nghiệp ấy từ chối, để về nhà làm... thơ. Rồi lại cậy cục quyền góp để in tập thơ đầu tay có nhan đề *Sắc màu âm thanh* nữa chứ! Nhưng không phải để tặng (như cái “thực trạng in thơ” hiện nay), mà để bán. Đúng là... điên. Điên hung, chứ không phải chỉ mới... điên điên. Nhưng cái người-diên ấy lại được nhiều người... thương, nên tiền bán thơ gom lại cũng khá khá: vài chục triệu đồng. Tưởng làm chi, hóa ra lại đem số tiền ấy mua sách vở và bàn ghế (cũ thôi, tất nhiên), rồi thuê một căn nhà, cũng cũ. Rồi lại lần mò đi đến vài huyện trong tỉnh để chiêu sinh –



những trẻ em thiếu năng trí tuệ, thiếu năng hành động, khiếm thính, khiếm thị... Năm đầu, "gom" được khoảng 20 em. Qua nhiều gian truân, rồi cũng hình thành được cái cơ sở nhỏ nhỏ mang tên Hướng Dương, ở trên đường Tiểu La, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam. Rồi thầy và trò lần mò... đi qua ngày tháng...

Bài báo chỉ có mục đích "quở làng" của anh bạn được gửi đi trong những ngày cuối của cuộc thi, khoảng tháng 10 năm 2013; một tuần sau, bài viết xuất hiện trên tờ báo đang có cuộc thi ấy. Và gần đến Ngày Nhà giáo Việt Nam 20-11 năm ấy, anh bạn nhà giáo nhận được thư mời vào Sài Gòn nhận giải, chưa biết giải gì. (Khi công bố kết quả, thì là giải ba chứ không phải khuyến khích - mà theo tôi, phải là giải nhì; bởi giải nhì bị "lạc đề", vì đề thi là viết về người thầy, mà nội dung bài được giải nhì lại viết về người thầy của con trai mình!). Tòa soạn còn mời cả vợ chồng anh học trò "điên" ấy nữa, vì là nhân chứng sống mà. (Thực ra, thì anh học trò ấy bấy giờ đã là thầy giáo rồi, lại là "hiệu trưởng" của cái "trường" do anh tự lập ra nữa đấy).

Trong buổi lễ phát giải và giao lưu tại tòa soạn báo, anh bạn nhà giáo Lê Thí đã bày tỏ cảm tưởng rất "hay". Rằng cái anh học trò mù ngày xưa ấy nay đã trở thành đồng nghiệp; và rằng với những gì anh đã làm được cho những trẻ em không may mắn, anh học trò ấy đã xứng đáng là bậc thầy của người thầy ngày xưa... Ngay trong buổi lễ, nhiều vị khách đã cảm động mà ủng hộ ngay tại chỗ, cũng được một số tiền kha khá. Khi ấy là mùa đông, cái rét miền Trung đang đến. Tôi gọi điện cho em gái và cô sốt sắng hỏi kích cỡ và đặt may ngay 43 cái áo ấm cho các em học sinh khuyết tật của Mái ấm Hướng Dương...

Cuối năm, nhớ lại chuyện năm cũ. Nhớ... thơ của Đặng Ngọc Duy, người chưa hề gặp mặt,

*Mỗi cuộc đời nhỏ nhỏ
Đi ngang qua cõi trần...*

*... Mỗi cuộc đời nhỏ nhỏ
Sống là để yêu thương...*

Và câu thơ *xuân lai hoàn phát cựu thời hoa* lại hiện ra. Ừ, thì hoa vẫn là hoa năm cũ, nhưng vì sao hoa lại nở? Hẳn nhiên, là vì có con người. Con người cũng là những bông hoa đẹp, nếu biết tưới tắm chăm nom cái phần thanh sạch mà ai cũng có. Như kinh *Pháp Cú* đã nói:

*Hương các loại hoa thơm
Không ngược bay chiều gió
Nhưng hương người đức hạnh
Ngược gió khắp tung bay.*

(HT.Thích Minh Châu, Việt dịch)

Anh bạn nhà giáo của tôi và người học trò điên điên của anh là những người thầy-và-trò-của-nhau, như những bông hoa bình dị, khiêm tốn; mà nếu không có, thời gian sẽ... thiếu linh hồn. Người Thầy, là những người vĩ đại, như những bậc đạo sư của nhân loại: Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, Khổng Tử, Lão Tử, Jesus Christ... Người Thầy còn là những người vô danh, ở quanh ta. Người Thầy, cũng là chính ta, nếu ta biết thường xuyên tự quán sát chính mình. Như Đặng Ngọc Duy đã hằng tin: Con người ai sinh ra cũng có một trái tim. Hãy biết khơi dậy và nuôi dưỡng một lẽ sống đẹp, để trái tim không bị tật nguyên, tự nhiên sẽ tỏa ra ánh sáng. Như... không khác với kinh *Pháp Cú*:

*Kẻ trí tự rửa sạch
Cấu uế từ nội tâm.*

Cuối năm, nghe tin vui; nghe chậm, vì là kẻ tha phương bị dứt khỏi cố hương quê nhà. Chính quyền sở tại đã cấp 800m² đất để Mái ấm Hướng Dương có thể mở rộng, đón nhận được nhiều hơn những mảnh đời không may mắn.

Cuối năm, Hướng Dương dường như có ánh xuân hòa... ■

Lời cảm ơn cuộc sống

Khu nhà 12 căn tôi ở xưa nay, bây giờ được giải tỏa để xây dựng đô thị mới theo kế hoạch của tỉnh. Nhà nước đền bù cho 12 chủ hộ thật thỏa đáng. Tôi được về nơi có cảnh trí đẹp, thoáng đãng hơn chỗ cũ rất nhiều. Khá đông bạn bè, bà con lối xóm đến thăm nhà mới của tôi, ai cũng khen, mừng cho tôi về già có nơi ở tốt lành, yên vui.

Hôm đó có cô giáo già đến mừng nhà tôi, cô dạo qua các nơi trong nhà ngoài sân, đến đâu cô cũng hài lòng, khen “được lắm”. Khi xuống nhà bếp, cô nghe có tiếng nước chảy nhỏ nhỏ, cô nói như vừa phát hiện sự cố: “Nước ở đâu chảy kìa, khóa lại đi”. Vừa nói, cô vừa đảo mắt tìm. Tôi đáp: “Không phải đâu. Em để nó chảy đó”. Cô hỏi: “Chi vậy?”. Tôi cười đáp: “Tiết kiệm mà cô... Đồng hồ nước không nhảy, mình đỡ tiền nước”. Cô ấy mở to mắt nhìn tôi, nói: “Xài nước mà không cho đồng hồ nước nhảy là hành vi ăn cắp, ghen em”. Nghe vậy, tôi tức giận nói: “Người ta tham nhùng, người ta đục khoét gấp trăm triệu lần... có sao đâu”. Cô bình tĩnh trả lời: “Ai làm ác, người đó nhận nghiệp quả ác. Tôi thấy nhà em có thờ Phật, em đã quy y thọ ngũ giới, biết tụng kinh gõ mõ... em ăn cắp, được sao? Tội này là tội thứ mấy của ngũ giới, nhớ không?”.

Thưa quý độc giả.

Lúc đó tôi thật như người từ con mê tỉnh dậy. Tôi hồ thẹn nói: “Trời, vậy mà em còn biểu nhiều người làm cách đó để tiết kiệm!”.

Qua bài viết này, tôi chỉ muốn thấu hỏi lại hết những lời chỉ bảo đũa xấu ác kia của tôi; đồng thời, tự chữa thói tham lam vô lối. Và xin cảm ơn cô giáo già, đúng là con nhà Phật biết vâng lời Phật dạy, trong từng việc nhỏ còn khuyên người khác làm tốt năm điều giới luật...

Chân An Hoa, thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang

Một ngày như mọi ngày, tôi đón chuyến xe buýt quen thuộc đến trường. Và một ngày như mọi ngày, chiếc xe buýt chật ních những hành khách cùng với tất cả sự ồn ào hối hả của nó. Kể đi làm, người đi chợ... ai cũng mong cho xe chạy nhanh hơn để sớm đến nơi hoặc về nhà, hoặc đơn giản là để thoát khỏi cảnh tượng chen chúc kinh khủng này. Bỗng, lẫn trong đám đông đang chen lấn, tôi thấy một phụ nữ khoảng chừng 30 tuổi, tay cầm quyển kinh nhỏ đang cầu nguyện một cách bình thản như không hề có tiếng ồn và sự xao động xung quanh. Nhìn cảnh cầu nguyện đó, với vẻ mặt thanh thản của người phụ nữ, tự nhiên tôi thấy xúc động lạ, và sự bức dọc của tôi dường như cũng không còn nữa. Tôi bắt chước người phụ nữ ấy, nhưng thay vì cầu nguyện, tôi quay về với hơi thở của mình, hít thở thật sâu và thầm niệm danh hiệu Đức Quán Thế Âm Bồ-tát. Nhờ vậy, tôi không còn cảm thấy bị phiền nhiễu bởi hoàn cảnh xung quanh. Tôi chợt hiểu ra rằng, mỗi người có mỗi cách khác nhau để sống và thực hiện cuộc sống của mình. Tuy nhiên sống như thế nào cho bình an trong hiện tại mới là điều quan trọng. Xin cảm ơn cuộc đời, cảm ơn sự cầu nguyện của người phụ nữ trên xe buýt, vì nhờ đó mà tôi nhận ra được giá trị cuộc sống, đó là sự bình yên trong hiện tại khi ta biết quay về với chính mình. Và cũng xin cầu nguyện cho tất cả mọi người biết quay về với chính mình để cảm nhận được sự bình yên, dù chỉ là giây phút mà thôi.

An Thọ, chùa Pháp Quang, Số 71, đường Liên Tỉnh 5,

phường 5, quận 8, TP.HCM

Bài 3: Bánh ít nếp lứt nhân đậu đỏ

Ý NHI



Chuẩn bị

Nếp lứt mới: 1kg.

Đậu đỏ: 400gr.

Dầu phụng/dầu mè: 100ml.

Muối/tương đặc Miso: 2 muỗng cà-phê.

Hành tím: 100gr thái mỏng.

Lá chuối cắt thành miếng vuông cạnh 15cm vừa đủ.

Thành phẩm: 40 chiếc bánh.

trấu. Nếp lứt ngọt bùi hơn nếp trắng cốt ở lớp vỏ cám giàu chất dinh dưỡng này. Nếu không có lớp vỏ cám, hạt nếp khi chế biến sẽ có vị nhẵn nhẵn hơn là nếp lứt.

Thường thì bánh ít hay được làm với nhân đậu xanh, nhưng với đậu đỏ, bánh ít lại có một hương vị đậm đà và lạ miệng.

Đậu đỏ có nhiều vitamin B1, B6, sắt và chất xơ, là một trong những loại thực phẩm có chứa chất chống oxy hóa cao nhất, với hàm lượng dinh dưỡng

cao. Đậu đỏ vừa là nguồn bổ dưỡng tinh thần, trí tuệ, lại vừa cần thiết cho vẻ đẹp làn da, mái tóc và vóc dáng chị em phụ nữ.

Nếp lứt đãi sạch, ngâm nước, đem xay thành bột mịn, cho vào một túi vải thô, cột chặt miệng túi rồi ép cho ráo nước (hoặc dùng 800gr bột nếp khô, cho vào 4 chén nước ấm nhồi thành một khối bột dẻo mịn). Chia bột thành 40 viên nhỏ đường kính 3,4 cm. Thường làm bột tươi bánh sẽ dẻo ngon hơn bột khô.

Đậu đỏ nấu chín như nấu cơm rồi giã giập. Phi hành tím cho thơm vàng rồi cho đậu vào xào khoảng 10 phút, nêm tương miso hoặc muối cho vừa miệng. Cũng chia đậu thành 40 viên nhỏ đường kính 1,5cm.

Ép viên bột nếp dẹp xuống rồi cho viên đậu đỏ vào giữa, túm vành bột xung quanh lại kín miệng đậu rồi vo tròn. (Thân em vừa trắng lại vừa tròn)

Gói bánh, dùng một cọ nhỏ quét dầu đã phi hành thơm lên lá chuối, cho viên bánh vào giữa lá. Gấp mép lá hai bên (theo chiều sọc lá) gấp mí cho sát viên bột, rồi gấp hai đầu lá xuống dưới.

Xếp bánh vào xúng hấp khoảng 20 phút bánh chín.

Có thể bôi dầu lên bánh chưa gói lá rồi hấp để làm bánh ít trần.

Bánh có thể viên thành viên nhỏ hơn, chiên giòn một bánh và ăn kèm với một bánh không chiên gọi là ram bánh ít.

Có thể kẹp bánh ít vào bánh đa nướng giòn, ăn để cảm nhận món ngon dân dã, mộc mạc mà hương vị đậm đà khó quên.

Cửa hàng thực phẩm dưỡng sinh Chân Nguyên



THỰC PHẨM DƯỠNG SINH

CHÂN NGUYÊN®

96H Võ Thị Sáu, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM
Số 11 đường Số 2, Cư xá Đô Thành, P.4, Q.3, TP.HCM, Tel.: 08 22422951
Facebook: chan nguyen
Hotline: 84-8-38251659 - Web: www.channguyen.vn

Tôn tạo tượng Phật là một pháp môn tu



Lĩnh vực hoạt động:

- Tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu.
- Thiết kế thi công tượng đài Phật giáo lớn, ngoài trời bằng đá và xi măng.
- Trang trí vườn thiền, tiểu cảnh có quy mô lớn, nhỏ.
- Thiết kế trang trí nội thất, chánh điện.

- Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch tổng thể các công trình Phật giáo.

Chúng tôi luôn có những ý tưởng, phương án làm việc mới, hiệu quả nhất trên mọi chất liệu. Và sẽ thực hiện được bất cứ ý tưởng nào của quý vị để hướng đến sự hoàn mỹ của những tác phẩm nghệ thuật.



C.TY MỸ THUẬT XÂY DỰNG
ZEN ART
TRẠI SÁNG TÁC MỸ THUẬT

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM
0909 319 882 (Hoàng Đức Diên)
WWW.zenart.com.vn
Email: mythuatzen@gmail.com
([mythuat.zen@facebook.com](https://www.facebook.com/mythuat.zen))

“Không có việc gì khó nếu bạn thực sự tâm huyết”



DU LỊCH VĂN HÓA

Suối Tiên

Cung Chức Tâm Hoàn



**THÀNH TƯỢNG
PHẬT ĐỊA MẪU**

**ĐẶC BIỆT KHÁNH THANG
CÁC CÔNG TRÌNH MỚI:**

**ĐỘC ĐÁO -
HOÀNH TRÁNG -
ĐẦY ẨM TƯỢNG
- BẤT NGỜ VỜI!**

**XE CÁP TREO
DU LỊCH TRÊN KHÔNG**



MỚI

**VƯƠNG QUỐC
THIÊN TÀI TƯỢNG LẠI**



MỚI

**ĐIỂM BAY
HÀNH TINH LA**



MỚI

SUỐI TIÊN: THIÊN ĐƯỜNG MÙA XUÂN CỦA BẠN Website: www.suoitien.com

ĐẦU NĂM XÔNG ĐẤT DOANH NHÂN

Thực hiện: NGUYỄN BÔNG



Nhân dịp đầu xuân Ất Mùi - 2015, chúng tôi đến xông đất quý doanh nhân có mối quan hệ thân thiết với báo qua việc góp ý xây dựng, trợ duyên quảng cáo trên tạp chí Văn Hóa Phật Giáo; thiết thực góp phần cho sự phát triển của báo trong năm qua. Sau khi tiếp xúc và lắng nghe ý kiến của quý vị doanh nhân trải lòng với nhiều vấn đề liên quan ngành nghề, chúng tôi xin mạn phép giới thiệu một số vị tiêu biểu và lược đăng để chia sẻ cùng bạn đọc gần xa.





Nghệ nhân NGUYỄN HỮU THẠO

Cơ sở điêu khắc gỗ Thiên Phú Thao

69/5k đường Nhà Vuông, Mỹ Hòa 1, Trung Chánh, Hóc Môn, TP.HCM

Phật pháp mẫu nhiệm, cơ duyên được chư tôn thiên đức và Phật tử đến thăm xưởng và đặt vấn đề điêu khắc tượng Đức Phật, Bồ-tát, Tổ sư Minh Đăng Quang... Mỗi khi khởi sự điêu khắc một pho tượng, tôi cung thỉnh chư tôn đức Tăng, Ni đặt tượng làm lễ chú nguyện lên khối gỗ sẽ

điêu khắc. Trong quá trình điêu khắc, tôi và anh em nghệ nhân đều tập trung tư tưởng và nhập thần về hình dáng từ bản vẽ (cơ sở chuyên điêu khắc gỗ truyền thần), thành tâm cầu nguyện và chạy tịnh trong suốt thời gian điêu khắc các pho tượng trên những loại gỗ quý và chỉ tâm "thối hồn vào tượng" trên từng đường nét, dáng đứng, dáng ngồi, thiền tọa hay khi Phật cầm bông sen... Nhờ vậy nên mỗi tôn tượng sau khi được hoàn thành, ngoài ánh mắt từ bi, hoan hỷ của các Ngài rất thuần nét văn hóa và nghệ thuật Việt, còn có sức thần tâm linh, kỳ bí không thể giải thích, chỉ khi chiêm bái tôn tượng Đức Phật, Bồ-tát Quán Thế Âm, Văn Thù, Phổ Hiền và Đạt Ma Tổ-sư... mới cảm nhận được.

Với mong muốn làm việc không chỉ cho mình biết mà cần quan tâm thế hệ trẻ để tăng trưởng và vinh danh cho ngành nghề điêu khắc nước nhà, góp phần làm phong phú và tôn vinh nét đẹp các giá trị văn hóa và nghệ thuật thuần Việt của các tôn tượng và pho điêu. Thời gian qua chúng tôi đã đào tạo với hình thức kèm cặp tay nghề cho các em; từ chỗ tay nghề còn yếu, nay đã trở thành thợ giỏi, thuần thực trong từng đường nét chạm trổ. Nhiều em trưởng thành xin ra riêng để mở cơ sở và thành đạt, được Nhà nước phong tặng *Nghệ nhân Làng nghề 2012*. Nhằm mở rộng và san sẻ yêu thương, chúng tôi phát triển việc nuôi dạy nghề (bao ăn ở miễn phí cho đến khi có lương sản phẩm) cho các em khuyết tật và các em được giới thiệu từ Trung tâm Bác Ái Cà Mau (trường khuyết tật).

Xuất phát từ chữ **Tâm** luôn trong nếp nghĩ và sáng tạo của mình cùng với mong muốn mang lại điều thiện lành "tốt đạo, đẹp đời"; tạo sự bao dung và mở bày phương tiện giúp cho lớp nghệ nhân điêu khắc trẻ vươn lên; nối rộng vòng tay nhân ái tạo công việc làm với thu nhập ổn định cho người khuyết tật để góp phần thiết thực chăm lo cùng xã hội và cộng đồng.

Xin trân trọng cảm niệm và tri ân chân thành đến chư tôn đức Tăng Ni, quý Phật tử, quý độc giả và khách hàng gần xa đã không ngừng xây dựng và đóng góp cho trang web: thienphuthao.com trở thành một địa chỉ tham quan và đặt tượng đáng tin cậy.



DIÊU TƯỢNG AM

Nghệ thuật Phật giáo

382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3

212 đường 3/2, P.2, Q.10, TP.HCM

Bước vào Cửa hàng Diêu Tượng Am "đến dễ, nhưng lưu luyến khó về" đó lời nhận xét của các bạn đạo đã một lần đến thỉnh tượng; có

một sư thầy thường xuyên đến nơi đây và theo sư thầy: "Tôi chưa có khả năng thỉnh tượng, nhưng thỉnh thoảng được đến ngắm cũng mãn nhãn lắm rồi". Để giải thích lời nhận xét trên xin mời quý khách hãy một lần viếng thăm **Cửa hàng Diêu Tượng Am** để cảm nhận khi được đối diện với rất nhiều tôn tượng quý, chế tác bằng lưu ly, gỗ quý, gỗ veneer vàng 24k, đồng thếp vàng 24k, đồng vẽ gấm thếp vàng 24k, hán bạch ngọc, gốm sứ. Tất cả đều sáng rực trong một không gian lung linh, huyền ảo. Tôn tượng chư Phật và Bồ-tát được chế tác tại Việt Nam và nhập từ Đài Loan, Trung Quốc với nét đẹp thanh nhã, chiều cảm lòng người... Cùng với đầy đủ: bàn thờ, chuông mõ, bát nhang sẽ giúp cho người thỉnh tượng thuận lợi khi lập đạo tràng hoặc phụng thờ tại tư gia, tạo nên không gian thanh tịnh, trang nghiêm.

Về pháp khí như: chuông mõ được làm từ lá đồng, đồng sơn mài, gỗ thừa cùng các loại gỗ quý từ Đài Loan. Nhang trầm được chiết xuất từ đàn hương thiên nhiên... Ngoài ra, cửa hàng còn có những bộ bàn ghế bằng gỗ hóa thạch, được điêu khắc mỹ thuật với hình đầu rồng hoặc hoa sen, tạo thêm nhã hứng cho chủ nhân và khách thơ văn khi dùng thiền trà.

Tất cả những gì có được, đó là nhờ Diêu Tượng Am áp dụng thành công tiêu chí "**Diêu tượng**" tức là đức tướng vi diệu của chư Phật, Bồ-tát luôn được kính trọng và tôn vinh.



Nghệ nhân HOÀNG ĐỨC DIỄN

Công ty Mỹ thuật Xây dựng ZEN ART

Trại sáng tác Mỹ thuật

64 đường 27, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP.HCM

Zen Art chuyên hoạt động trên các lĩnh vực:

- Tôn tạo tượng Phật trên mọi chất liệu.
- Thiết kế thi công tượng đài Phật giáo lớn, ngoài trời bằng đá và xi-măng.
- Trang trí vườn Thiền, tiểu cảnh có quy mô lớn, nhỏ.
- Thiết kế trang trí nội thất, chánh điện.
- Tư vấn thiết kế kiến trúc, quy hoạch tổng thể các công trình Phật giáo.

Công ty chúng tôi luôn có những ý tưởng, phương án làm việc mới, hiệu quả nhất trên mọi chất liệu; và sẽ thực hiện được bất cứ ý tưởng nào của quý vị để hướng đến sự hoàn mỹ của những tác phẩm nghệ thuật. Với phương châm của công ty: **Tôn tạo tượng Phật là một pháp môn tu**. Cho nên từ anh em nghệ nhân đến đội ngũ kỹ sư, chuyên viên, kỹ thuật viên, họa sĩ luôn hướng trọn tâm mình khi thực hiện các công trình Phật giáo và tạc tượng với chất lượng cao và độ bền vững chắc, phối cảnh - tạo sự hài hòa của công trình và tôn tượng mang được dáng nét đẹp về văn hóa, nghệ thuật cùng mỹ thuật... Thực ra không có việc gì khó nếu bạn thực sự tâm huyết.

Mùng xuân Ất Mùi - 2015, Công ty chúng tôi xin trân trọng kính chúc chư tôn thiên đức Tăng Ni các tự viện, tịnh xá, quý Phật tử và quý khách hàng thân thiết luôn được an vui, vạn sự kiết tường như ý.



CÔ HƯƠNG SEN

- Ủy viên Ban Văn hóa Trung ương Giáo hội PGVN

- Giám đốc Công ty Phước Ngọc MaNi

- Giám đốc Hệ thống Nhà hàng Chay CHUÔNG VÀNG

Nhìn lại 365 ngày trong năm Giáp Ngọ (2014), chúng ta chưa hết bàng hoàng, thương xót cho những nạn nhân bẽ bàng trên trái đất của những vụ thảm họa tại nạn ngành hàng không của Malaysia, ngành đường thủy ở Hàn Quốc; nay lại tiếp theo máy bay hãng TransAsia lao xuống sông ở Đài Bắc (ngày 4-2-2015). Trong khi đó, kinh tế thế giới nổi chung và kinh tế Việt Nam nổi riêng cũng chưa có dấu hiệu chuyển biến tốt để phục hồi nền suy thoái toàn cầu.

Là những người con Phật, chúng ta càng đối diện với nhiều đau khổ, nhiều biến cố, chúng ta càng thể hiện và phát huy đời sống tâm linh, càng thấm nhuần về Luật Nhân quả. Chẳng hạn con người càng sống trong **sự tu tập** nhiều hơn, những khóa tu ở các chùa ngày càng tăng con số đáng kể. Mọi người biết thương yêu nhau, nối vòng tay nhân ái, chia sẻ cộng đồng qua những chương trình từ thiện. Đặc biệt, mọi người **tập ăn chay** nhiều hơn để duy trì sức khỏe, giảm sát sanh, trường dưỡng lòng từ bi trong đạo Phật.

Nhân dịp **Xuân Ất Mùi - 2015**, kính chúc chư tôn giáo phẩm, quý Hoà thượng, chư tôn thiên đức Tăng Ni, quý vị Phật tử và bạn bè gần xa lời chúc sức khỏe tốt lành nhất, an khang và thịnh vượng.



NGỌC HIỂN

Tranh - Tượng Phật

158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM

Quý khách sẽ dễ dàng nhận ra cửa hàng Ngọc Hiển với nhiều tôn tượng Phật, Bồ-tát chế tác tại TP.HCM - nhập từ nước ngoài; và các loại tranh lamina, tranh điện Phật giáo cùng các sản phẩm thờ cúng, phong thủy muôn màu muôn vẻ. Tuy không phổ trương như các cửa hàng khác cùng dãy trên đường Nguyễn Chí Thanh; nhưng cửa hàng vẫn có sức hút quý Thầy, chư Ni và Phật tử đến tham quan và thỉnh tượng... Đến nơi đây, quý khách được an tâm về chất lượng, mẫu mã đẹp, giao hàng về tận nơi (trong TP.HCM) - giá sản phẩm có phần thấp hơn so với các cửa hàng khác. Ngoài ra, Ngọc Hiển còn nhận thực hiện với số lượng lớn các loại tranh lamina, tranh điện Phật giáo theo yêu cầu của quý khách.

Nhân đầu năm mới, Ngọc Hiển thành tâm cung kính chúc quý Thầy, chư Ni và quý Phật tử phước báu trang nghiêm, kiết tường như ý và mong sẽ được đón tiếp quý vị quang lâm.

**Nhà thư pháp CHÍNH TRUNG**

79 Nguyễn Du, P.7, Q.Gò Vấp, TP.HCM
ĐT: 0909 660825

TÂM THƯ PHÁP là bộ môn nghệ thuật đỉnh cao. Nó giúp cho Tâm người xem đạt được trạng thái yên bình. Đối với người sáng tác, Tâm thư pháp giúp tiếp cận với pháp Thiền Phật giáo.

Thực hành bộ môn Tâm thư pháp (sáng tác hoặc thưởng thức) giúp chủ thể có cuộc sống tự tại, thông dong, thanh thoát, giữa cuộc đời tất bật, bon chen này. Chính những ích lợi thiết thực của bộ môn, mà Chính Trung đã vui chơi 15 năm nay.

Nhân đầu năm Ất Mùi – 2015, Chính Trung kính chúc quý đạo hữu, các bạn đọc xa gần một năm mới an lạc, hanh thông, cát tường như ý. Nam-mô Hoan Hỷ Tạng Bồ-tát.

**Ông NGUYỄN NGỌC TUẤN****Giám đốc****Công ty Cổ phần 7P**

491 D3 Nơ Trang Long, P.13, Q.BT.

Thương hiệu Ấm Tử Sa Đất Việt Phú Quý và Song Hỷ Trà đã bước qua tuổi thứ 10. Năm qua, như hội tụ đủ duyên lành, chúng tôi đã có một sản phẩm thật ưng ý đó là: *Trà Oolong Đàng Đùng*. Trà được trồng

tại chùa Di Đà, Bảo Lâm, Lâm Đồng; nằm ngay bên cạnh thác Dambri, giữa khung cảnh hoang sơ và hùng vĩ của khu vườn nguyên sinh Nam Tây Nguyên. Cây trà được chính bàn tay của các sư thầy nâng niu chăm sóc theo tiêu chuẩn trà sạch. Trong môi trường thanh tịnh ở đây; hàng ngày cây trà được uống những giọt sương mai tinh khiết, hít thở bầu không khí trong lành, hơn thế nữa những búp trà non mới đâm chồi như đã thấm đậm lời kinh Phật an lạc và hạnh phúc.

Trà Oolong Đàng Đùng được đặt trang trọng trong hộp giấy có tên là *Trà Thơm Cúng Phật* do Sư thầy Nhuận Thường vẽ, như gửi gắm hết lòng mình để tạo nên món quà tràn đầy ý nghĩa và tấm tình đạo vị.

Chúng tôi rất vinh dự khi thấy món quà *Trà Thơm Cúng Phật* đã được sự ưu ái đón nhận và ủng hộ của chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử và khách hàng gần xa. Xin được gửi lời trân trọng cảm ơn và kính chúc quý vị mỗi ngày đều có trà làm bầu bạn để có thêm sức khỏe và niềm an vui, hạnh phúc.

**Ông LÊ LÃNH****Quản lý****Nhà hàng Chay Việt An**

11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

Từ lúc khởi nghiệp đến nay tôi đã hơn 40 tuổi, với vai trò quản lý tôi đã góp sức cho nhiều nhà hàng chay và nay nhân duyên hội đủ tôi tách làm quản lý nhà hàng chay của riêng mình (không dám nhận là giám đốc). Trước đây tôi có muốn cải tiến cách phục vụ hoặc cải tiến món ăn nếu chủ nhân nhà

hàng không đồng ý, thì cũng đành chịu. Nay được chủ động và lo toan mọi bề, tuy là có phần cực nhọc nhưng được phục vụ cho Tăng Ni, Phật tử và khách thích ăn chay là niềm hạnh phúc nhất của tôi.

Hàng ngày, tôi vô cùng sung sướng và vui mừng khi quý thực khách đến nhà hàng chay đã tỏ ra hài lòng sau khi dùng những món chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy và khi ra về với nét mặt hoan hỷ... Gặp những ngày chay tứ trai, thập trai, thực khách đến khá đông, nhưng nhờ chủ động trong chế biến thực phẩm và sự phục vụ hài hòa nên không bị động và thực khách không phải chờ món khai vị quá 10 phút.

Giữa lúc có những bảo động về tình trạng lạm dụng hóa phẩm trong chế biến thức ăn, nhà hàng chay Việt An sử dụng nguyên liệu hoàn toàn bằng rau, củ, quả sạch được chế biến với hương vị chay tự nhiên, đích thực; cùng với không gian rất ấm cúng, nhẹ nhàng thanh thoát, rất thích hợp cho các cuộc hẹn với đối tác và bạn bè, họp mặt sinh nhật, chiêu đãi của doanh nghiệp... khoảng 100 khách tham dự.

Mùa xuân, trong không khí vui tươi dùng chay làm cho quý khách thân tâm khinh an, trường dưỡng được tâm "Tứ bi, hỷ xả". **Việt An chay** rất mong được trải lòng cùng đón chư Tăng Ni và tiếp đón quý Phật tử và khách thích ăn chay gần xa.

**Ông NGUYỄN HỮU MINH****Giám đốc Kinh doanh****Công ty TNHH SXTM Hoa Tiên**

VP. D13/2 Trần Nãi, P.Bình Khánh, Q.2, TP.HCM

Nghệ thuật chế tác tượng bằng Polyresin có ưu điểm là giả thành tương đối hoặc thấp hơn so với tượng gỗ, đá và thời gian hoàn thành cũng khá nhanh. Quy trình sản xuất bao gồm các công đoạn như: thiết kế, tạo mẫu, tạo khuôn, đúc sản phẩm thô, họa tiết, mạ, vẽ màu... Và muốn có được một pho tượng đẹp, đòi hỏi nghệ nhân luôn tìm tòi, sáng tạo để tìm những mẫu mã đặc thù nhằm tạo nên những pho tượng đạt chuẩn từ hình dáng, màu sắc, nét đẹp thanh nhã và chiều cảm được lòng người khi lễ bái.

Nhờ ơn Phật gia hộ, Công ty chúng tôi đã sáng tạo và áp dụng thành công trong chế tác những tôn tượng cỡ nhỏ từ 10cm đến cao lớn hơn 3m. Tôn tượng thường thờ trong chùa - tư gia và nay cải tiến chất liệu về tôn tượng được tôn trí lộ thiên sẽ đảm bảo không bị tác hại do mưa nắng. Mẫu mã cũng khá đa dạng như: Tôn tượng Đức Phật Thích Ca, Phật A Di Đà, Tam Thánh, Bồ-tát Di Lặc, Thiên Thủ Thiên Nhân, Tứ Đại Thiên Vương, Hộ pháp, v.v... Thời gian qua, Công ty có duyên chuyển tôn tượng về tôn trí ở các chùa thuộc tỉnh Bình Dương, Đồng Nai, Vũng Tàu và TP.HCM; Dần dần lan tỏa các nơi xa như Lâm Đồng, đồng bằng sông Cửu Long, miền Trung, miền Bắc và ra nước ngoài như Mỹ, Canada, Úc... Và cơ duyên Công ty chúng tôi còn được tham gia giới thiệu sản phẩm ở *Đại lễ Vesak – Bái Đính* (gian hàng 75-76).

Qua nhịp cầu của báo VHPG, chúng tôi kính mong được cung đón chư tôn đức Tăng Ni, Phật tử đến xưởng (ở Bình Dương) để tham quan và đặt tượng (điện thoại liên hệ đặt tượng: 0908 381867).

**Ông NGUYỄN TRUNG TOÀN****Giám đốc****Công ty Du lịch & Dịch vụ Hoa Thiên**

R4 Ba Vi, phường 15, quận 10, TP.HCM

Nhu cầu nghỉ dưỡng thông qua du lịch là rất cần thiết. Nhà nước khuyến khích và kích cầu du lịch cùng với các lễ hội bảo tồn văn hóa được tôn vinh và quảng bá... đã tạo đà cho ngành du lịch nước nhà phát triển và khởi sắc, thể hiện qua việc sắp xếp những ngày nghỉ lễ được dài ngày để cho

CB-CNV có điều kiện thuận lợi trong việc đi du lịch nhiều nơi trong nước và nước ngoài. Và mới đây Nhà nước còn miễn thủ tục vi-sa nhập cảnh cho du khách một số nước khi họ đến Việt Nam.

Hiện nay, ngành du lịch còn tạo điều kiện và mở rộng về du lịch hành hương tâm linh, thu hút nhiều công ty, đơn vị tham gia chuyên nghiệp và không chuyên... Công ty Hoa Thiên chúng tôi cũng được mở rộng tour để đáp ứng nhu cầu du khách. Hiện đang có nhiều tour hấp dẫn đến các nước: Ấn Độ - Nepal, Miến Điện, Tây Tạng, Bhutan, Trung Quốc, Đài Loan (thuộc TQ) và còn phát triển thêm tour đi Mỹ, Hàn, Nhật và các nước châu Âu. Với mong muốn tạo cơ duyên đến với chư tôn đức, Phật tử và khách du lịch tham gia trong - ngoài nước, mỗi tháng Hoa Thiên tổ chức từ 2 - 4 tour (tùy theo nước). Đồng thời, còn áp dụng giá ưu đãi cho các chùa có chư Tăng Ni và Phật tử đi theo đoàn; các tập thể đi trọn gói từ 30 người trở lên sẽ được giảm phí.

Theo qui định của Nhà nước, những đơn vị tổ chức du lịch tour đi nước ngoài phải có giấy phép kinh doanh và đủ khả năng tổ chức chi đạo từ khâu lo ăn uống, nghỉ dưỡng, hướng dẫn viên du lịch am tường địa danh và trình độ ngôn ngữ của nước sở tại hoặc tiếng Anh để giao tiếp... nhằm đảm bảo an toàn và tạo sự thích thú cho khách du lịch hành hương. Thực tế trên thị trường du lịch vẫn lẫn lộn một số đơn vị không có phép hoạt động, không chuyên nghiệp về tổ chức tour, nên đã xảy ra tình trạng không tổ chức chu đáo việc ăn uống và nghỉ ngơi cho du khách, hướng dẫn viên không am hiểu địa danh cùng với việc cạnh tranh không lành mạnh về giá tour đã làm cho một số du khách buồn lòng, than phiền khi họ đến với Phật tích và thắng tích...

Nhân đầu xuân Ất Mùi – 2015, trân trọng chúc chư tôn thiền đức Tăng Ni, Phật tử và quý khách hàng thân thiết gần xa một năm mới luôn được an lành, thành tựu mọi công việc Phật sự và thế sự.



NHÀ SÁCH VĂN THÀNH

Số mới: 411 Hoàng Sa – phường 8 – quận 3 – TP.HCM
(Số cũ: 60/116 Lý Chính Thắng – P.8 – Q.3 – TP.HCM)

Tel: 08.38482028

Mừng Xuân Ất Mùi - 2015



GIỚI THIỆU SÁCH

PHẬT QUANG ĐẠI TỪ ĐIỂN trọn bộ 8 tập dày gần 10 ngàn trang do Sa-môn Thích Quảng Độ dịch, **trong đó có phần index ngoại văn mà các bộ in trước đây chưa có**. Sách được xuất bản và phát hành lần đầu tiên tại Việt Nam do Nhà xuất bản Phương Đông và Nhà sách Văn Thành liên kết.

Sách được in trên giấy đặc chủng bible Hà Lan, chuyên dụng in từ điển để thời gian sử dụng lâu bền hơn. Bìa cứng được đựng trong thùng giấy carton dày. Hòa thượng dịch giả cho biết hiện nay chưa có

bộ Từ điển Phật học nào đầy đủ và phong phú hơn bộ này.

Toàn bộ sách được biên tập bởi 50 học giả Phật giáo thuộc *Phật Quang Đại Tạng Kinh Biên Tu Ủy viên hội* ở Đài Loan biên soạn bằng Hoa ngữ trong mười năm 1978-1988. Riêng việc dịch ra tiếng Việt, Hòa thượng dịch giả dịch mất 7 năm, từ đầu năm 1990 đến cuối năm năm 1997 mới hoàn tất.

Với bảy triệu chữ giải thích các từ đề mục, kèm theo chữ Hán và chữ Phạn tương đương.

CHI NHÁNH QUẬN 9

Nhà số 14, đường số 8, P.Phước Bình, quận 9, TP.HCM. ĐT: 728 0174 - DD: 0909.093.106

Nhà sách chúng tôi có dịch vụ chuyên tư vấn về xuất bản, in ấn, lo mọi thủ tục giấy phép và thực hiện chế bản các thể loại kinh sách văn hóa phẩm Phật giáo bằng chữ Hán, Pali và Sanskrit.



Tấm lòng doanh nhân

Vừa qua, Công ty TNHH SX-TM Hoa Tiên đã dâng tặng 130 tôn tượng đức Di Lặc 3D lên chư tôn Giáo phẩm và chư tôn thiện đức Tăng Ni cùng quý vị đại biểu tham dự lễ **Kỷ niệm 10 năm hoạt động của Tạp chí Văn hóa Phật giáo** và đến tuần sau, vào sáng ngày 7-2-2015 công ty và các ân nhân tặng tiếp 200 tôn tượng cho anh chị em nghệ sĩ TP.HCM. Đây là món quà trân quý và thâm tình đạo vị, mừng xuân Ất Mùi.

Xin tán dương công đức này của Ban Giám đốc công ty và các ân nhân...

Trị sự Văn hóa Phật giáo

Cơ sở Hồng Ân laminate

- Cung cấp các loại tranh laminate,
- Tranh sơn dầu, tranh thư pháp,
- Tranh đèn led, đồng hồ lịch vạn niên
- In ảnh và gia công ép laminate



Đc: 36/11/1 Lũy Bán Bích,
P.Tân Thới Hòa, Q.Tân Phú, Tp.HCM
Đt: 08.39612835-0903685605-0903969396
Email: honganart @ ymail.com

Restaurant



Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy
Khung cảnh ẩm cúng, thanh nhả và lịch sự

◦ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rỏi, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

Giờ mở cửa: Từ 6 giờ - 22 giờ

Buổi sáng: Còn có điểm tâm, cà-phê và nước uống



◦ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

◦ **Điện thoại:** (08) 384 82612 - 0909 023469
hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

Trân trọng kính mời



CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0917171948 - 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



CỬA HÀNG VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

NHƯ ĐỨC

Pháp phục - Pháp khí
Kính - Sách - Ấn phẩm Phật giáo
Tranh tượng Phật

Mừng Xuân Ất Mùi 2015

530 Điện Biên Phủ, P.11, Q.10, TP.HCM (Ngã 3 Điện Biên Phủ - Bàn Cờ)
ĐT: 08.22419056 - 08.22419057 ĐD: 0908808836
Email: nguyengkimhien1958@yahoo.com

PHÒNG PHÁT HÀNH KINH SÁCH - VĂN HÓA PHẨM PHẬT GIÁO

TÂM THUẬN

Kinh, sách văn hóa phẩm về lĩnh vực Phật Giáo
Pháp phục Tăng Ni, áo tràng Phật tử...
Phật cụ pháp khí, hàng lưu niệm, hàng mỹ nghệ...
Nhân thực hiện in, ấn tống kinh sách theo yêu cầu

Giao hàng tận nơi (08) 2247 7809

ĐC: Cuối hẻm 380/2B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM
ĐD: 0902 404 748 - 0972 898 818 - Email: hoanguyen.kt@gmail.com



DIÊU TƯỜNG AM NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

Đến với Diêu Tường Am, nơi Quý khách gieo duyên cùng với Phật, Quý vị có thể thỉnh cho mình một Pho tượng Phật, hay để cúng kính cúng dường hay tặng cho những đạo hữu đồng tâm, hay chỉ duyên vi đến chiêm ngưỡng Phật, uống một tách trà, cùng mỉm cười với Phật...



DIÊU TƯỜNG AM 3/2
212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 684 913



DIÊU TƯỜNG AM NAM KỲ
382B Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3
Tp.HCM. ĐT: (08) 38 484558



www.dieutuongam.com

CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM (Phụ Kim Vàng & Jewelry)

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lè:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466
(08) 3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com - Website: www.sgpk360.com
Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu, P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM

pháp uyển

DHARMA GARDEN

17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM
08. 35 035 579 - 08. 36 026 818 - 0916 943 877
lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com

Cửa hàng NGỌC HIỂN

Số 158 Nguyễn Chí Thanh, P.3, Q.10, TP.HCM - ĐT: (08) 38355590 - 0983 675570

- Chuyên: Cung cấp các sản phẩm thờ cúng, phong thủy, tượng Phật gốm sứ - đồng mạ vàng, tranh lamina, tranh điện Phật giáo...
- Nhận đặt hàng theo mẫu khách hàng và giao hàng tận chùa và tư gia (trong TP.HCM)

Công ty TNHH SX-TM **QUANG NGHỆ** (QUANG NGHỆ CO., LTD. KINH THOM NGHỆ THUẬT)

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - ĐD: 0989 183 398

- Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...
- Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

Đặc biệt: Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước
Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM
Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506
Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn
Website: www.quangnghecandle.com

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



Hãy ăn chay vì Sức khỏe
Môi trường & Lòng từ bi

HỆ THỐNG NHÀ HÀNG CHAY CHUÔNG VÀNG

Chuông vàng gốc (nhà hàng Thiền Ý): 36 Trần Quý Cáp, P. 11, Q. Bình Thạnh - ĐT : 08.3516.7475

Chuông vàng 1: 735 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10 - ĐT: 0926 735 735

Chuông vàng 2 : 769 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10 - ĐT: 092 8888 769



Chuỗi Nhà hàng Chay chuyên phục vụ các Món Chay Ngon từ **RAU - CŨ - QUẢ** **sạch, tươi, KHÔNG SỬ DỤNG ĐỒ HỢP.**

Đặc biệt tại nhà hàng Chuông Vàng 2 sẽ phục vụ Buffet Chay vào các ngày Rằm, Mùng Một và Chủ nhật hàng tuần.

Giá vé **129.000 đ /1 vé - có cả KEM TƯƠI**, người dùng trực tiếp lấy KEM từ máy làm KEM, rất hấp dẫn.

Thứ Bảy và Chủ Nhật có Đặc Sản BÁNH XÈO RAU RỪNG.



Tổ chức Tiệc cưới, Liên hoan, Sinh nhật, các Sự kiện.
Phục vụ tiệc tại tư gia.

Hệ thống Nhà hàng Chay CHUÔNG VÀNG rất mong sự ủng hộ của quý khách.

Giám Đốc HƯƠNG SEN

CÔNG TY PHƯỚC NGỌC MANI

Chuyên sản xuất QUÀ TẶNG TÂM LINH - XI MẠ VÀNG 18-24 K

Các loại CHUỖI - TƯỢNG PHẬT đeo bằng Hồ phách, đá quý...

Nhận thiết kế và cung cấp Huy hiệu, Logo cho các Tập đoàn, Công ty, đạo tràng ...

Xin liên hệ tại các nhà hàng Chay thuộc Hệ thống nhà hàng chay CHUÔNG VÀNG.

Giám Đốc HƯƠNG SEN



*Kính Chúc Quý Khách Hàng Năm Mới
Thân Tâm An Lạc - Như Ý Cát Tường*



Chân dung HT Thích Thanh Từ



Chân dung TT Lê Minh Đường



Chân dung HT Giác Đức



Điêu khắc: THIÊN PHÚ THẠO

01222999666 - 01666000666

Email: dkhuuthao@gmail.com - website: thienphuthao.com